



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vinh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Peggychoucair (pixabay)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- **THÔNG BACH VU LAN 2021 – PL. 2565** (Hội Đồng Giáo Phẩm), trang 8
- **BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TUNG THÍCH, t.t.** (HT. Th. Thắng Hoan), trang 9
- **CẢM NGHĨ VỀ VU LAN** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 13
- **TÂM THƯ VU LAN PL.2565** (Sa môn Thích Tín Nghĩa), trang 14
- **HIỂU THUẬN ĐƯỢC PHƯỚC LÀM VUA CÔI TRỜI** (Quảng Tánh), tr. 15
- **ĐỨC HIỂU** (Nguyễn Thế Đăng) tr. 16
- **HƯƠNG XƯA - BẾN CHIỀU** (thơ Mặc Phương Tử), trang 17
- **HIỂU HẠNH – PHƯƠNG CÁCH BÁO HIỂU...** (Đức Quang), trang 18
- **MINH TÂM LUẬN** (thơ Thích Chúc Hiền), trang 20
- **KHOI NỔ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC** (Thích Nhất Hạnh), trang 22
- **NẮNG KHUYA, CHÉN TRÀ TRONG SƯƠNG SỚM** (thơ Lương Mạnh), trang 24
- **TRÁI TIM CỦA MẸ** (Thích Nữ Trí Hải), trang 25
- **HIỂU THẢO VỚI CHA MẸ ĐẦY ĐỦ CÓ BỐN PHẦN** (Đào Minh Xuân), tr.26
- **NGƯỜI CON HIỂU HẠNH** (thơ Nguyên Ngộ), trang 27
- **BÁT CHÁNH ĐẠO – CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ, t.t.** (Bhikkhu Bodhi - Thích Tâm Hạnh & Cs. Tâm Cảnh dịch), trang 28
- **MẸ LẠI VỀ DƯỚI MÁI NHÀ XƯA** (thơ Nguyễn An Bình), trang 32
- **NHỮNG NGUYÊN DO ĐƯA TỚI CUỘC VẬN ĐỘNG...** (Nguyễn Lang), trang 33
- **NĂM TANKA CHO MẸ GIÀ...** (thơ Quảng Tánh Trần Cầm) trang 37
- **GIA ĐÌNH PHẬT TỬ – Câu Chuyện Cuối Tuần** (Nhóm Áo Lam), trang 38
- **LÁC ĐÁC XUÂN THU** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 39
- **RUN TAY** (Bs. Nguyễn Ý Đức), tr. 40
- **TRƯỚC THỀM VU LAN, NGÀY BÁO HIỂU** (thơ Lưu Lăng Khắc) trang 41
- **THÔNG TƯ KÊU GỌI CỨU TRỢ ĐỒNG BẢO VN CHỐNG DỊCH COVID -19** (Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội), tr. 42
- **"NGHIỆP" TÁC ĐỘNG VÀO CÁI CHẾT CỦA CON NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?** (TN. Hằng Như), trang 47
- **THƯƠNG CHA** (thơ Hiền Nguyễn), trang 50
- **MẸ VÀ THƠ: NHÌN TỪ CHÂU Á** (Nguyễn Giác), trang 51
- **THẦY (3)** (thơ Đồng Thiện), tr. 55
- **MẸ TA HOA PHẬT** (Thích Thanh Thắng), trang 56
- **NẤU CHAY: BÚN KIỂM** (Vũ Quỳnh), trang 57
- **BỄ DÂU** (Trinh Tiên), trang 58
- **NGHĨA TRANG** (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 60
- **MỘT NGÀY CHO MẸ** (Võ Hồng), trang 61
- **ĐÊM DÀI, BẾ SẦU NHÂN THỂ...** (thơ Diệu Viên), trang 63
- **ĐỔI CẢ THIÊN THU** (Nguyễn Ngọc Tư), trang 64
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 65
- **CHÀNG CON KHÔN NGOAN** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 67
- **SỢI TƠ VẬT QUA HỒ VÀ CHIẾC LÁ VÀNG...** (Trần Hoàng Vy), trang 68
- **NẮNG CÒN TRONG ĐÊM...** (thơ Vinh Hữu), trang 70
- **CÒN ĐEM THEO GÌ...** (Huê Trân), trang 71
- **VU LAN HIỂU HỘI** (thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 73
- **THE STORY OF AN OLD BRAHMIN** (Daw Tin), trang 74
- **NƯỚC MẮT MẸ HIỀN** (Truyện cổ Phật giáo), trang 75
- **VU LAN NHỚ MẸ LỆ SÂU** (thơ Thực Uyên), trang 77
- **NGỖ THOÁT – chương 8, t.t.** (truyện dài Vinh Hào), trang 81

Báo Chánh Pháp số 117, tháng 08 năm 2021, do Chùa Quang Minh (Chicago, IL) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn ph. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

TÀN MẠN NGÀY CHỜM THU

Thu chưa đến nhưng dấu hiệu tàn phai, héo úa, đổ nát cũng đã biến hiện từng ngày trên những tán lá, và trên những trang báo, trang mạng xã hội, màn ảnh truyền hình...

Đại dịch bùng phát, hoành hành khắp thế giới, tiếp tục cướp đi nhiều mạng sống, làm điều đứng hoạt động y tế, kinh tế, giáo dục... của nhiều quốc gia - đặc biệt là các nước nghèo ở Nam Mỹ và Á châu. 19 tỉnh thành miền nam Việt Nam bị lệnh giãn cách toàn xã hội. Không thể ra đường kiếm sống, đi chợ, gây nên khủng hoảng khó khăn, thiếu thốn lương thực nhiều ngày cho hàng triệu đồng bào nằm trong các khu vực bị phong tỏa.

Thế Vận Hội vẫn được khai mạc tại Tokyo với sự tham gia của hơn 11,000 vận động viên, 950 quan khách dự khán, và lần đầu tiên trong lịch sử: không một khán giả nào được phép vào sân vận động với sức dung chứa 70,000 chỗ ngồi.

Do hiện tượng ấm lên toàn cầu, biến đổi khí hậu, thảm thực vật cạn khô, lượng mưa giảm, nắng nóng chết người, nhiệt độ ở một số khu vực tăng lên kỷ lục (hơn 43 độ C / 110 độ F), khiến cháy rừng dữ dội tại miền Tây Bắc Mỹ. Năm nay không chỉ ở California mà còn ở Oregon, Washington, Nevada cũng như một số nơi thuộc tỉnh bang British Columbia, Canada: hàng trăm nghìn mẫu rừng cháy suốt và lan nhanh không thể kiểm soát nổi. Khói từ những đám cháy rừng miền tây kéo qua đến tận miền đông Hoa Kỳ.

Thuốc chủng ngừa Covid-19 dư thừa ở nước này—vì nhiều người vẫn không chịu tiêm, lại thiếu trầm trọng ở nước khác. Đâu đó tại một số tiểu bang và thành phố ở Hoa Kỳ, vẫn còn kiện tụng về việc cho phép không cần mang khẩu trang, hay bắt buộc mang khẩu trang cho học sinh vào lớp. Trong khi đó, phụ huynh học sinh ở các nước nghèo đang bị dịch tràn lan thì có thể thấy trước viễn ảnh trường sẽ không khai giảng vào niên khóa tới; và nếu có khai giảng, không chắc có đủ tiền đóng học phí và mua sắm học cụ cho con em, vì trước nhất phải lo kiếm miếng ăn cho gia đình.

Đói thiếu, nghèo khổ, cùng với bất công xã hội, chặn bít mọi con đường hướng đến tương lai.

Tương lai, theo một góc cạnh nào đó từ đời sống thực tế xã hội, có vẻ như chỉ dành cho những hoàn cảnh tương đối ổn định, và có chiều hướng ưu đãi cho những hoàn cảnh đã nằm trên thang bậc cao sang, ưu tú. Từ nơi ổn định, người ta mới có thể nghĩ đến một tương lai xa hơn, nghĩ đến một cơ hội phát triển nào đó được dự phóng hoặc mơ tưởng từ lâu trong quá khứ. Nhưng đối với những kẻ bần cùng, khổ cực, tương lai là thứ xa xỉ, chưa hề hiện hữu. Đầu tắt mặt tối, chạy ăn từng bữa, chỉ có ngày hôm nay, chỉ có hiện tại hay một thời hạn rất gần, rất ngắn trong ngày. Những tia hy vọng nào đó chợt loé lên trong phút giây là lịm tắt ngay sau đó.

Nhưng dù thế nào, trong cuộc sống bần cùng hay phú quý, đối với người cha người mẹ, tương lai chính là những đứa con. Con là vốn liếng của cha mẹ. Cha mẹ đầu tư vốn liếng này cho tương lai của chính mình, mà kỳ thực chính là tương lai của con. Tương lai của con là tương lai của cha mẹ. *Con hơn cha là nhà có phúc*. Bởi vậy, cha mẹ sẽ vui khi con cái vượt trội hơn mình. Từ thể chất đến tinh thần, từ kiến thức đến kinh nghiệm sinh nhai lặn lội với đời, mỗi thứ con đều hơn mình là hạnh phúc lắm rồi. Ôm ấp, lắng nghe, trò chuyện cùng con từ thuở con còn trong bụng mẹ. Cho đến khi sinh con ra, nhìn ngắm, nâng niu, hát ru, bú mớm, thay tã cho con mỗi ngày... cha mẹ nào có nệ hà chi; chỉ biết thương con thì chăm sóc con, lo cho con miếng ăn, lo cho con đến trường. Rồi một ngày con vụt lớn lên thành một chàng trai khôi ngô, thành một thiếu nữ kiều diễm. Con đi theo lý tưởng, con đi theo tình yêu. Sự thực này cha mẹ đã liệu trước, nhưng khi con rời xa rồi, có khi cha mẹ cũng cảm thấy hụt hẫng, ngỡ như điều ấy không thể xảy ra, không nên xảy ra. Con thương, con hiểu với cha mẹ thì phải ở mãi bên cha mẹ – cha mẹ vẫn thường nghĩ vậy. Nhưng thực tế là một ngày nào đó, con sẽ rời xa cha mẹ để sống với tương lai của con. Tợ như cha mẹ đã từng rời bỏ ông nội bà nội, ông ngoại bà

ngoại. Con không thể quán quýt mãi bên cha mẹ; mà cha mẹ thương con, cũng không thể níu kéo, ràng buộc con phải suốt đời quanh quẩn bên những cội cây già cỗi. Con là tương lai của cha mẹ, và con cũng sẽ có tương lai nơi những đứa con của con. Đời sống của cha mẹ, vì vậy, là một cuộc hy sinh. Hy sinh quá khứ (ông bà, tổ tiên), hy sinh hiện tại (cha mẹ), tất cả vì tương lai (con cái). Sóng sau vượt sóng trước. Dòng chảy của huyết thống, của gia tộc, là đi tới, tiến lên. Trong dòng chảy đó, luôn có sự tiếp nối không ngừng của quá khứ, hiện tại và tương lai. Hiện tại là tương lai của một quá khứ, mà cũng là quá khứ của một tương lai. Không có đứt đoạn. Cho nên, sự hy sinh của cha mẹ hiện tại hay của con cái (khi làm cha mẹ ở tương lai của chúng), không có nghĩa là vong ân, vong bản, phủ nhận quá khứ, mà chỉ là, sống thì phải đi về hướng tương lai. Sống mà không có tương lai, không cố gắng vượt khỏi số phận hiện tại mới chính là sự chối bỏ cội nguồn, phụ lòng cha mẹ, tổ tiên.

Lệnh giãn cách xã hội, ngăn sông cấm chợ, lại được kéo dài thêm cho đến đầu tháng sáu thì 19 tỉnh thành miền nam, và cũng đã được áp dụng nghiêm ngặt tại Hà-nội và nhiều tỉnh thành khác khắp đất nước. Con số bệnh nhân bị lây nhiễm và tử vong tiếp tục tăng lên từng ngày.

Dân tình đói khổ. Những người bán hàng rong độ nhật loay hoay không biết làm sao có bữa ăn cho gia đình. Những đứa bé đi bán vé số kiếm cơm không thể ra đường. Hàng quán đóng cửa, dân tiểu thương ở nhà, lo âu nghe ngóng tin tức. Công nhân nghỉ việc nằm nhà, cách ly. Những cụ già neo đơn, những gia đình lúc nhúc trẻ con, mong chờ những hộp cơm từ thiện như phép lạ từ đâu chợt đến. Bệnh viện vốn chưa bao giờ đủ giường cho bệnh nhân, lại càng không có chỗ để tiếp nhận những ca cấp cứu vì nhiễm dịch.

Ở một xứ sở tự do, giàu mạnh hàng đầu thế giới, trên mạng truyền thông xã hội, vẫn còn có những tranh cãi và chỉ trích nhau về việc nên hay không nên chích ngừa, thuốc chích ngừa có đáng tin hay không, cần hay không cần mang khẩu trang, siêu vi khuẩn corona có thật hay chỉ là tin giả — trong khi trên thế giới đã có hơn 190 triệu người bị lây nhiễm và hơn 4 triệu người tử vong vì dịch bệnh này.

Bất công xã hội vẫn luôn là vấn nạn của loài người, nhất là nơi những quốc gia đang trị và độc tài. Những cuộc biểu tình của quần chúng và các phong trào đòi hỏi bình đẳng xã hội cứ trỗi lên rồi lại chìm xuống, nơi này nơi kia, như sóng nhấp nhô vô vào



những tường đá kiên cố bên bờ đại dương thõng khô.

Những người cha mẹ âu lo ôm lấy con thơ, không biết mình có đủ khả năng bảo vệ con trước những cơn sóng dữ. Hôm qua không có việc làm, hôm nay không có thức ăn, không biết ngày mai con có thể đến trường được hay không. Con không có ăn, con không đến trường, thì tương lai của con là gì, con là gì ở tương lai?

Thu chưa đến mà lá đã ươm màu. Nhớ những mùa thu quê hương. Nhớ bên sông lộng gió, có những con chuồn chuồn chợt bay đến rồi chợt vút đi. Nhớ hoàng hôn xuống, ửng một trời hồng tía; đàn cò trắng im lặng vỗ cánh bay về dãy núi phía tây. Nhớ những cơn mưa phùn trên thành phố yên vui. Nhớ con đường dốc ngập xác lá me dẫn lên ngôi chùa trên núi. Nhớ ngôi trường xưa ngày khai giảng vẫn còn xác phượng cuối hè nhuộm đỏ góc sân chơi. Nhớ ngôi nhà cổ kính một thời bầy trẻ lớn lên trong vòng tay bảo bọc yêu thương của ba mẹ. Và con nhớ ba mẹ lắm! Tưởng chừng ba mẹ chưa hề xa con. Tưởng chừng con chưa hề xa ba mẹ. Ba mẹ ơi, thu sắp về rồi. Con suy nghĩ lan man đủ thứ chuyện rồi cũng nhớ ba, nhớ mẹ. Ồ, tương lai của con, không là gì cả. Chỉ là trong phút giây hiện tại này, con nhớ ba mẹ khi thu chớm sang.

Mùa thu. Đã có những thu buồn lê thê đi qua cuộc đời, và đi qua những phận người. Đã có những lá vàng rơi ngập công viên mà người quét lá đi đâu biệt.. Nhưng cái gì rồi cũng trôi qua. Tương lai của thu sẽ là xuân. Tương lai của xuân, lại là thu. Không có xuân trường cửu thì cũng không có thu trường cửu. Hôm sau một người quét lá nào đó sẽ quay trở lại, cầm cùi làm công việc bỏ dỡ của người hôm trước. Và ngày mai, lá sẽ ươm xanh trên những nhánh khô khi bình minh vỡ tràn.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

BULGARIA: Đại học Sofia của Bulgaria ra mắt chương trình Thạc sĩ về Nghiên cứu Phật giáo

Đại học Sofia "St. Kliment Ohridski" sẽ bắt đầu chương trình thạc sĩ về nghiên cứu Phật học từ năm học 2021-2022. Chương trình mang tên 'Phật giáo: Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa', là chương trình học đầu tiên ở Bulgaria cung cấp khám phá toàn diện về di sản văn học và văn hóa của Phật giáo, các truyền thống tôn giáo và triết học, và các chi tiết cụ thể về sự phát triển của Phật giáo ở Châu Á, cũng như sự lan rộng và tiếp nhận toàn cầu của tôn giáo này ở phương Tây.

Được tổ chức bởi Khoa Ngữ văn Cổ điển và Hiện đại của Đại học Sofia, chương trình bao gồm việc nghiên cứu các ngôn ngữ phương Đông liên quan đến văn hóa Phật giáo.

Với việc nhập học từ học kỳ mùa đông năm 2021-2022, 'Phật giáo: Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa' là một chương trình toàn thời gian trong vòng 3 học kỳ, với tổng thời lượng tối thiểu là 795 giờ và 90 tín chỉ.

Đội ngũ giảng dạy bao gồm các nhà nghiên cứu trẻ đã nghiên cứu các ngôn ngữ Phật giáo cổ điển và các truyền thống Phật giáo trong các học viện và trung tâm Phật giáo truyền thống ở châu Á, châu Âu và Hoa Kỳ.



(NewsNow - July 3, 2021)



Hội thảo về văn hóa Phật giáo của vùng Hi Mã Lạp Sơn được tổ chức tại Đại học Sofia, Bulgaria

Photo: Lyudmila Klasanova & Milena Bratoeva

TÍCH LAN: Hội Dharma Vijaya có trụ sở tại Hoa Kỳ tặng thiết bị Y tế cho bệnh nhân COVID-19

Tín đồ Hội Dharma Vijaya và Tịnh xá Phật giáo có trụ sở tại Hoa Kỳ tặng Tích Lan một lô hàng lớn gồm các thiết bị y tế, trang thiết bị và các phụ kiện hỗ trợ sự sống quan trọng cho công việc kiểm soát COVID-19. Lễ trao tặng tượng trưng diễn ra tại Trung tâm Hoạt động Quốc gia Phòng chống COVID -19 Bùng nổ Covid-19 (NOPCO) vào ngày 1-7 trong cuộc họp với Tướng Shavendra Silva, Trưởng ban NOPCO, Tham mưu trưởng Quốc phòng và Tư lệnh Lục quân.

Các thiết bị y tế trị giá 20,000 đô la Mỹ sẽ được phân phối phù hợp cho 12 bệnh viện trên toàn đảo.

Ghi nhận hành động kịp thời nói trên, Tướng Shav-

endra Silva khen ngợi vị sự đương nhiệm và các đại diện của Hội Dharma Vijaya và Tịnh xá Phật giáo vì sự chu đáo và quan tâm đến những người bị nhiễm COVID-19 ở Tích Lan mặc dù các nhà tài trợ này sống tại Hoa Kỳ, xa quê hương của họ.

(news.lk - July 3, 2021)



Lễ trao tặng tượng trưng thiết bị y tế của Hội Dharma Vijaya và Tịnh xá Phật giáo có trụ sở tại Hoa Kỳ diễn ra tại Trung tâm Hoạt động Quốc gia Phòng chống COVID -19 Bùng nổ Covid-19 (NOPCO)
Photo: news.lk

BHUTAN: Ni Hội Bhutan thông báo khai trương Trung tâm Đào tạo & Giải trí dành cho Ni giới

Vào ngày 21-6-2021, Ni Hội Bhutan (BNF) đã thông báo về việc chính thức khai trương và bắt đầu hoạt động của Trung tâm Đào tạo & Giải trí (TRC) của BNF ở ngoại ô thủ đô Thimphu của Bhutan.

Hoạt động dưới sự bảo trợ của Hoàng thái hậu Ashi Tshering Yangdoen Wangchuck, BNF là một tổ chức phi lợi nhuận nỗ lực cải thiện sinh kế hàng ngày của chư ni ở Vương quốc Bhutan và tăng cường khả năng tiếp cận của họ với giáo dục cơ bản và cao cấp.

Đại học Sofia "St. Kliment Ohridski" (Bulgaria)
Photo: wikipedia.org





ẤN ĐỘ: Nhà lãnh đạo tinh thần Tây Tạng Đức Đạt lai Lạt ma kỷ niệm sinh nhật lần thứ 86

Dharamsala, Ấn Độ - Nhà lãnh đạo tinh thần Tây Tạng, Đức Đạt Lai Lạt Ma kỷ niệm bước sang tuổi 86 vào thứ Ba, ngày 6-7-2021, đã cảm ơn những người ủng hộ và bày tỏ sự trân trọng đối với Ấn Độ, nơi ngài đã sống kể từ khi rời quê hương vào năm 1959.

"Tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của tôi đối với tất cả bạn bè của mình, những người đã thực sự thể hiện với tôi tình yêu, sự tôn trọng và tin tưởng," ngài nói trong một thông điệp video.

Ngài nhắc lại sứ mệnh phục vụ nhân loại của mình và kêu gọi những người ủng hộ hãy tử bi.

"Kể từ khi tôi trở thành người tị nạn và hiện nay đang định cư ở Ấn Độ, tôi đã tận dụng tối đa quyền tự do và sự hòa hợp tôn giáo của Ấn Độ," ngài phát biểu, và nói thêm rằng ngài rất tôn trọng các giá trị thế tục của Ấn Độ như "trung thực, karuna (từ bi) và ahimsa (bất bạo động)".

Vào sinh nhật thứ 86 năm nay của Đức Đạt lai Lạt ma, do đại dịch nên chỉ có một lễ kỷ niệm nhỏ với sự tham dự của hầu hết các quan chức chính phủ được tổ chức tại Chính quyền Trung ương Tây Tạng. Trên một màn hình chiếu, thông điệp video của Đức Đạt lai Lạt ma đã được phát và sau đó là màn trình diễn văn hóa của Viện Nghệ thuật Trình diễn Tây Tạng.

(AP - July 6, 2021)

Tiến sĩ Zangmo giới thiệu khuôn khổ đào tạo mới với Hoàng Thái hậu Ashi Tshering Yangdoen Wangchuck

Photos: BNF



*Đức Đạt lai Lạt ma
Photo: ECCThai*

HÀN QUỐC: Chùa Bongeuinsa khai trương trung tâm nghiên cứu ẩm thực chay

Ngôi chùa Bongeuinsa ở Gangnam, Seoul gần đây đã mở một trung tâm nghiên cứu văn hóa ẩm thực nhà chùa và bổ nhiệm một tu sĩ Phật giáo tên là Wookwan làm người đứng đầu trung tâm. Trung tâm nghiên cứu này được đặt tại tòa nhà Simgumdang trong khuôn viên của bản tự.

Chùa Bongeuinsa đã và đang nỗ lực quảng bá thực phẩm chay bằng cách tổ chức các cuộc thi nấu hộp cơm trưa với các đầu bếp nổi tiếng và các sự kiện khác. Trung tâm nghiên cứu nói trên sẽ giới thiệu các công thức nấu ăn chay vốn có thể dễ dàng thực hành tại nhà và phát triển các công thức nấu ăn mới.

Sư cô Wookwan, người đứng đầu Trung tâm Văn hóa Thực phẩm Chay Mahayeon, đã giới thiệu món ăn nhà chùa trên khắp thế giới bằng cách hoạt động với vai trò một thành viên của ủy ban biên soạn sách giáo khoa về ẩm thực chùa và là chuyên gia ẩm thực chùa của Đoàn ngoại giao Văn hóa Phật giáo Hàn Quốc.

Hai cuốn sách của bà về ẩm thực nhà chùa Hàn Quốc cũng được xuất bản bằng tiếng Anh.

(Tipitaka Network - July 6, 2021)

BNF nhằm mục tiêu trao quyền và giáo dục các trẻ em gái và phụ nữ Bhutan để cải thiện điều kiện sống của họ cũng như sức sống kinh tế của làng mạc nông thôn, từ đó giúp bảo tồn nền văn hóa Phật giáo phong phú của vương quốc trước sự phát triển nhanh chóng.

Trung tâm Tài nguyên & Giải trí (TRC) của BNF sẽ cung cấp một loạt các chương trình giảng dạy kỹ năng sống và giáo dục tương tác xã hội cho chư ni và nữ tín đồ tại gia đang tu tập Phật đạo.

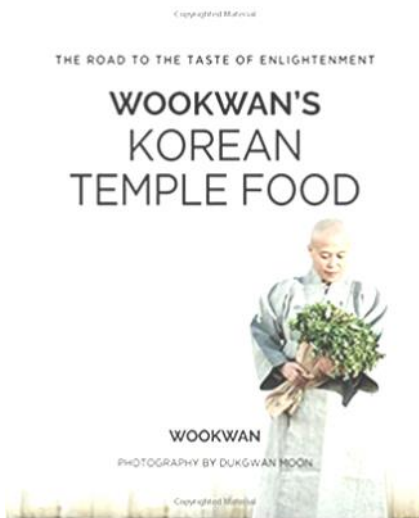
Năm 2009, nhà hoạt động Phật giáo, Tiến sĩ Tashi Zangmo, đã thành lập BNF, hiện do cô điều hành. Tổ chức này làm việc trực tiếp với khoảng 28 ni viện Phật giáo, giáo dục và đào tạo các ni cô trở thành những người lãnh đạo và giáo viên của cộng đồng.

(Buddhistdoor Global - July 5, 2021)





Sư cô Wookwan, người đứng đầu Trung tâm Văn hóa Thực phẩm Chay Mahayeon và cuốn sách về Đồ Chay Hàn Quốc của bà



Photos: Google

PAKISTAN: Quân đội Pakistan tặng bức tượng Phật quý hiếm cho Bảo tàng Peshawar

Quân đội Pakistan đã tặng viện Bảo tàng thành phố Peshawar nổi tiếng một pho tượng Phật quý hiếm để làm phong phú thêm bộ sưu tập ẩn tượng của viện và giúp thúc đẩy du lịch tôn giáo ở tỉnh Khyber Pakhtunkhwa.

Trung tướng Muhammad Noman, Tư lệnh quân đoàn Peshawar, đã tặng pho tượng quý hiếm nói trên, vốn được một thiếu tá người Anh tìm lại được trong quá trình khai quật di tích ở Takhtbai vào năm 1935. Tượng chính thức được tôn trí tại bảo tàng thông qua các nhà chức trách của Cục Khảo cổ học.

Tiến sĩ Abdus Samad, Giám đốc Khảo cổ học Khyber Pakhtunkhwa, gọi đó là một "nghĩa cử tuyệt vời".

Ông dẫn lời Tướng Noman nói rằng Bảo tàng Peshawar là nơi thích hợp để trưng bày tượng Phật này cho du khách nước ngoài và Pakistan đến thăm bảo tàng hàng năm với số lượng lớn.

Tên cũ của tỉnh Khyber Pakhtunkhwa là Gandhara, và khu vực này là nơi rất được tôn kính đối với tín đồ Phật giáo. Hàng năm, các nhà sư từ các quốc gia khác nhau đến thăm vùng Gandhara, đặc biệt là tại Khyber Pakhtunkhwa.

Bảo tàng Peshawar rất nổi tiếng vì có một trong những bộ sưu tập các tác phẩm kiến trúc về Đức Phật lớn nhất thế giới.

(Big News Network - July 9, 2021)



Pho tượng Phật quý hiếm do Quân đội Pakistan tặng Bảo tàng Peshawar

Photo:

mc.webpcache.epapr.in



Bảo tàng Peshawar

Photo: Google

HOA KỲ: Dự án Chư Ni Tây Tạng gây quỹ 16,000 US\$ cho Giáo dục Đại học của Ni giới Phật giáo

Dự án Chư Ni Tây Tạng - một tổ chức từ thiện được đăng ký tại Hoa Kỳ có trụ sở tại Seattle và ở quận Kangra của Himachal Pradesh, Ấn

Độ - đã thông báo rằng Quỹ Trợ cấp Geshema cho đến nay đã quyên góp được 16,000 đô la Mỹ trong số 100,000 đô la Mỹ mục tiêu, là khoản trợ cấp sẽ được chuyển vào mục tiêu giúp đỡ chư ni Tây Tạng trên con đường đại học.

Quỹ Trợ cấp Geshema trao quyền cho các nữ tu Phật giáo Tây Tạng để họ trở thành geshemas và làm giáo viên, các nhà lãnh đạo tu viện và xã hội, và các mô hình vai trò cộng đồng,

Dành cho chư ni Tây Tạng, Geshema là một văn bằng học thuật gần tương đương với bằng tiến sĩ triết học Phật giáo. Bằng geshema đại diện cho hình thức đào tạo học thuật cao nhất trong trường phái Gelugpa của Phật giáo Tây Tạng.

Khi kết thúc quá trình học tập 17 năm của mình, các sư cô phải hoàn thành một loạt các kỳ thi kéo dài 4 năm để được cấp bằng.

Các kỳ thi, thường được tổ chức hàng năm vào cuối mùa hè, diễn ra trong khoảng thời gian một tháng. Kỳ thi năm nay dự kiến bắt đầu vào ngày 1-10.

(Buddhistdoor - July 9, 2021)



Chư ni Gshesema

Photo: tnp.org

ẤN ĐỘ: Chính sách kiên định: luôn xem Đức Đạt lai Lạt ma như một vị khách danh dự

New Delhi: Ngày 8-7-2021, Ấn Độ cho biết nước

này có chính sách trước sau như một: luôn xem nhà lãnh đạo tinh thần Tây Tạng, Đức Đạt lai Lạt ma như một vị khách danh dự.

Phát biểu này được đưa ra 2 ngày sau khi Thủ tướng Narendra Modi điện thoại cho Đức Đạt lai Lạt ma vào ngày sinh nhật thứ 86 của ngài (vào ngày 6 tháng 7). Động thái gọi điện cho Đức Đạt lai Lạt ma của Thủ tướng được nhiều nhà quan sát ghi nhận trong bối cảnh mối quan hệ gay gắt của Ấn Độ với Trung Quốc.

Đây là lần đầu tiên Thủ tướng Modi viết lời chúc mừng tới nhà lãnh đạo tinh thần Tây Tạng. Thủ tướng có cuộc tiếp xúc công khai lần cuối với Đức Đạt Lai Lạt Ma vào năm 2015.

Nhắc lại quan điểm chính thức trước một câu hỏi, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Arindam Bagchi cho biết, "Chính sách kiên định của Chính phủ Ấn Độ là đối xử với ngài Đạt lai Lạt ma như một vị khách danh dự ở Ấn Độ và là nhà lãnh đạo tôn giáo đáng kính có nhiều tín đồ tại Ấn Độ. Sinh nhật của Ngài được tổ chức bởi nhiều tín đồ của ngài ở Ấn Độ và nước ngoài."

Thủ hiến bang Arunachal Pradesh Pema Khandu và Thủ hiến bang Sikkim Prem Singh Tamang cũng chúc mừng Đức Đạt lai Lạt ma vào ngày sinh của ngài. Cả hai bang đều có biên giới giáp với Trung Quốc.

(NDTV - July 8, 2021)



Đức Đạt lai Lạt ma
Photo: NDTV

INDONESIA: Indonesia lên kế hoạch cho địa điểm Phật giáo toàn cầu tại chùa Borobudur

Quốc gia Hồi giáo Indonesia đang tìm cách bảo tồn và quảng bá ngôi đền Phật giáo Borobudur thế kỷ 9 huyền bí ở Trung Java trong bối cảnh sự bất khoan dung ngày càng tăng, với hy vọng Borobudur có thể thoát khỏi số phận của những bức tượng Phật Bamiyan của Afghanistan.

Bộ trưởng Bộ Tôn giáo Yaqut Cholil Qoumas cho biết Borobudur chiếm một vị trí đáng kính trọng đối với Phật tử, và các quan chức đang nghiên cứu phương cách để quảng bá các buổi lễ "vốn có thể được tham dự bởi các Phật tử trên toàn thế giới," như một phần của kế hoạch tăng cường sự điều độ trong nước.

Điều này xảy ra ba thập kỷ sau khi Borobudur được xếp vào danh sách Di sản Thế giới của UNESCO.

"Tiềm năng cho Borobudur là rất lớn... số lượng Phật tử ở Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (Asean) là hơn 40%," Bộ trưởng Yaqut nói. Ông lạc quan rằng ngôi chùa này có thể trở thành một trung tâm thờ phụng quốc tế.

(scmp.com - July 9, 2021)



Chùa Borobudur, Indonesia
Photo: scmp.com

Khung tranh lễ Poson lớn nhất châu Âu được trưng bày tại Trung tâm Phật giáo quốc tế Sri Saddhatissa ở Kingsbury, London (Anh Quốc)

Photo: tipitaka.net

ANH QUỐC: Khung tranh lễ Poson lớn nhất châu Âu được trưng bày tại Trung tâm Phật giáo quốc tế Sri Saddhatissa ở Kingsbury

Như một phần của lễ kỷ niệm Poson (lễ hội kỷ niệm sự xuất hiện của Phật giáo tại Tích Lan vào thế kỷ thứ 3 BC) do Trung tâm Phật giáo Quốc tế Sri Saddhatissa ở Kingsbury tổ chức dưới sự bảo trợ của Trụ trì đương nhiệm, Aggamahapandita Ven. Galayaya Piyadassi, khung tranh Poson lớn nhất được dựng lên ở châu Âu đã được trưng bày trong khuôn viên tiền sảnh của chùa này trong một tuần.

Bộ tranh khung lễ Poson này cao 65 feet, mô tả câu chuyện cuộc đời của Tỳ kheo ni Patachara, đã được khánh thành bởi Cao ủy Tích Lan tại London, bà Saroja Sirisena - người đã tham gia lễ kỷ niệm Poson tại Trung tâm Phật giáo Quốc tế Sri Saddhatissa cùng với các nhân viên của Cao ủy vào ngày 24-6.

Có rất nhiều đám đông đến xem bộ tranh khung Poson trong suốt tuần theo hướng dẫn phòng chống Covid-19 do chính phủ Anh ban hành.

Các khoản cúng dường do công chúng quyên góp cho ngôi chùa trong lễ kỷ niệm Poson sẽ được chuyển đến phúc lợi của các gia đình kém may mắn bị ảnh hưởng bởi Covid-19 ở Tích Lan.

(Tipitaka Network - July 12, 2021)





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704 East "E" Street, Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

THÔNG BẠCH VU LAN 2021 – PL 2565

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn đức Trưởng Lão, Tăng Ni
Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật tử,

Nước Mỹ vừa trải qua 17 tháng bị phong tỏa và được mở cửa trở lại tháng 6 năm 2021. Tuy nhiên đất nước này vẫn chưa hoàn toàn trở lại mọi sinh hoạt như xưa. Tâm lý khủng hoảng và sợ hãi vẫn còn đọng lại nơi người dân. Chùa viện Phật giáo cũng chịu đựng nhiều khó khăn suốt mùa đại dịch, đặc biệt các ngôi chùa đang xây dựng hay mới thành lập trong giai đoạn này. Giáo Hội xin cung thỉnh tất cả liệt quý vị dành một phút nhất tâm chú nguyện và chia sẻ nỗi đau thương lớn lao này, trong đó có quê hương Việt nam. Giáo hội xin cảm niệm công đức của toàn thể Tăng Ni và Phật tử đã nhận chịu suốt mùa dịch của thế kỷ. Đối diện với sợ hãi, tang thương và khốn đốn của cuộc sống hiện nay, xin chúng ta cùng suy nghiệm:

Khi một việc đến không phải chỉ đơn thuần là một hay hai nguyên nhân gây ra. Một chuỗi dài thời gian và biết bao nhân tố để tạo thành. Tang thương càng lớn thì nguyên do của nó càng dày. Thời gian cứu chữa này đâu thể một sớm một chiều, như một quả núi khổng lồ nổ sập thì bao lâu ta mới dọn được sạch. Do vậy chúng ta cần bình tĩnh hơn, kiên nhẫn hơn và nỗ lực hơn để di dời những đổ nát của bệnh dịch gây ra hiện nay. Điều ấy cũng giống như một cơn bạo bệnh của chính bản thân mình. Ai cứu được ta nếu ta không nỗ lực để cứu mình. Những tang thương từ bệnh dịch gây ra, chúng ta đang dự phần và chính ta có phần trách nhiệm.

Chúng ta thường suy nghiệm lời dạy của Phật về phước báo. Phước báo của loài người hiện đang suy giảm mạnh. Khi phước báo giảm thì chiến tranh, dịch bệnh, nghèo đói, thù hận, cướp bóc, lừa dối... tràn ngập. Chúng ta khó chạy trốn được với những nghiệp quả này đang ụp kéo tới. Cần nhìn sâu và thật sâu vào sự cùng khốn này để khởi lên tâm thiện lành nơi mỗi chúng ta. Thiện tâm đó là gì và dẫn dắt cuộc sống mình ra sao. Chúng ta bắt đầu cho một câu hỏi và bước vào một hành trình mới. Không có một thần linh nào xóa được tội báo của con người. Chỉ có chúng ta, vì ta đã tạo ra nó.

Mùa Vu Lan là mùa cứu độ. Cứu độ vạn linh trong chốn u đồ. Cứu độ chính mình làm sao vượt thoát tâm lý đầy hãi hùng, khiếp sợ, kinh hoàng trước đại dịch đang tràn ngập hiện nay. Định lực là sức mạnh cần thiết. Quán chiếu tử sinh giúp ta bớt kinh hãi. Chuẩn bị rũ bỏ kiếp người giúp ta bớt mưu toan. Phải đối diện với sự sống và chúng ta cần sống được chút bình an giữa vạn điều bất an. Giáo hội kêu gọi chư Tăng Ni tinh tấn tu tập để nhờ năng lực này cứu giúp phần nào kiếp nạn của con người hôm nay.

Nguyện xin Tam Bảo soi đường cho chúng con.

Phật lịch 2565, California ngày 18 tháng 07 năm 2021
TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Chánh Văn Phòng

(ấn ký)

Sa môn Thích Thắng Hoan



BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

1/- Biện Minh Năm Quả:

Bài Tụng:

**“Khi nói là Dị Thục; Lực là kia tăng
thượng; ái lạc, tăng trưởng, tịnh; như
thứ tự tức là năm quả.”**

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích năm quả. Năm quả này ngoài ra rất nhiều Kinh Luận giải thích: 1- Dị Thục Quả, 2 - Tăng Thượng Quả, 3- Đăng Lưu Quả, 4- Sĩ Dụng Quả và 5- Ly Hệ Quả. Năm thứ Quả đây hôm nay Luận này trình bày nương nơi Khí của năm pháp mà kiến lập. Chữ Khí, thí dụ như thông thường chỗ gọi là Căn Khí, như nói “Quần Tử bất khí,” chữ Khí đây nghĩa là tài liệu, (nghĩa là người quân tử thì không cần tài liệu). Còn nơi Phật Pháp, chữ Khí chính là Dị Thục của Chánh Báo và Ý Báo hiện tại đã có được. Chánh Báo và Ý Báo nếu là tốt đẹp thì Dị Thục đây là thiện pháp vô lậu và chỗ chiêu cảm là tùy theo người khác nhiều kiếp đã tu. Nghĩa của Dị Thục, đối ngược lại mà nói chính là Nghiệp Báo. Nghiệp Báo đây có ba nghĩa:

1, Nghiệp chính là nhân trước kia đã sử dụng mà hiện tại quả đã thành thực, nghĩa là biểu thị nhân quả không phải là đồng thời mà phải là khác thời mới thành thực.

2, Nhân là thiện ác mà quả báo lại là vô ký, phân biệt đơn giản theo Phật Quả thì phải trải qua khác loại mới thành thực.

3, Nơi Nghiệp Nhân thì vi tế phi thường, mà đến thành quả thì rất rõ ràng, nghĩa là khi thành thực thì phải biến đổi khác đi.

Trong ba nghĩa đây, nghĩa khác thời mới thành thực, nếu so sánh thì định nghĩa khác

thời nhân quả mới thành thực, nghĩa là do nhân quả không đồng thời cho nên người đời không dễ gì biết. Như quả thì ở đời này mà nghiệp thì ở đời trước và nghiệp cũng có thứ ở mấy ngàn vạn năm trở về trước và ở vô lượng kiếp trở về trước. Nghiệp đây không chỉ phạm phu không thể biết mà cho đến La Hán v.v... có thần thông cũng không thể biết, nhân quả đây ẩn sâu khó biết, chỉ có Phật trí mới có thể biết rõ. Cho nên Phật luôn luôn là người thọ ký, nhà người ở nhiều kiếp về trước đã được thứ nhân Phật thì nhiều kiếp về sau đương nhiên được làm Phật, đây là đối với Nghiệp Dị Thục đã thấy suốt cả. Thân Khí hiện tại của chúng ta, chính là hai thứ chánh báo và y báo. Căn Khí tốt là nhờ tu thiện pháp mà có được. Như từ phạm phu cho đến thành một thân sau cùng, hoặc báo thân sanh lên cõi Tịnh Sắc Cứu Cánh Thiên để được thành Phật Quả Bồ Đề, hoặc vãng sanh Tịnh Độ phương khác

để được chánh báo và y báo tốt đẹp, như sanh trong Tây Phương Tịnh Độ một đời liền có thể thành Phật, đây tức là nhân được tốt cho nên Căn Khí có thể thành tựu thiện pháp là tu chứng Bồ Đề. Nguyên do trong đây nói đến thân khí chỗ có được đó chính là chỉ cho Dị Thục. Nghĩa là thân khí đây có năng lực tăng thượng có thể khiến thiện pháp được thành thực, như Phật Thích Ca khi ở thân sau cùng cảm nhận được quốc độ tăng thượng, phụ mẫu, gia thuộc đều rất viên mãn, đây là tăng thượng của thân khí, khiến một đời có thể thành tựu Phật Quả thượng phẩm thiện pháp thù thắng, đó chính là năng lực tăng thượng duyên, nhờ năng lực tăng thượng duyên thành thực cho nên quả được thành



HT Thắng Hoan

tự là quả tăng thượng. Ái Lạc là Đẳng Lưu Quả: chữ Đẳng nghĩa là đều nhau; chữ Lưu nghĩa là lưu chuyển chủng loại, như bình thường có chỗ nói thượng lưu hạ lưu, nghĩa là từ nhân đây lưu chuyển chủng loại đều nhau đến quả; gọi là Đẳng Lưu Quả. Như Bồ Tát từ phát tâm ban đầu tu các pháp thiện phước huệ, liền ái lạc (yêu thích) thiện pháp, tín ngưỡng Tam Bảo, không chỉ một đời và nhiều đời như thế, mà nổi bật là hiện thân đặc biệt được ái lạc. Như có hữu tình bị đọa vào súc sanh, nhân vì có tâm ái lạc thiện pháp cho nên được chuyển vào Nhơn đạo là được lạc thiện làm người, đây là đời trước lạc thiện lưu chuyển giống loại đều nhau đến đời này. Lại nữa như có người nếu không sát sanh thì có thể được quả báo sống lâu, lại như đem ánh sáng bổ thí cho người thì kiếp sau được con mắt sáng trong, đây đều là nhân đồng loại thì cảm được quả đồng loại. Tăng Trưởng đây chính là Sĩ Dụng Quả. Sĩ Dụng Quả, Sĩ nghĩa là sĩ phu (người trí thức), Dụng nghĩa là công dụng tạo tác, Sĩ Dụng Quả nghĩa là biểu thị con người trong họ có một thứ lực lượng có thể tạo nên sự nghiệp. Sĩ Dụng Quả khả dĩ lúc bấy giờ nhìn thấy được, như đem trà khồn từ chỗ này vận chuyển đến chỗ kia chính là lúc bấy giờ thấy công dụng có hiệu quả. Sĩ Dụng Quả đây nghĩa hẹp là nói hữu tình; nghĩa rộng là nói khắp tất cả pháp, như gió thổi lá cây rụng, gió thổi là nhân và lá cây rụng là quả. Chỗ gọi tăng trưởng chính là hiện tại lúc nào cũng thường tu tập thiện pháp, khiến thiện pháp tăng trưởng viên mãn. Như khi Phật còn tại thế, được nghe pháp liền chứng đặng quả La Hán, hoặc nghe pháp khởi tín tâm tu hành mà chứng hai ba quả mới thành được La Hán, đây là thành tựu thiện căn tăng trưởng. Như có người hiện tại cần tu sự nghiệp học vấn, ngày kia có thể khiến công nghiệp thành tựu, hoặc hiện tại chuyên cần tu hành cho đến thành Phật cũng là sĩ dụng khiến các thứ pháp tăng trưởng. Chữ Tịnh chính là Ly Hệ Quả, tức là chứng giải thoát vĩnh viễn đoạn trừ hoàn toàn hai chướng (Phiền não chướng và Sở tri chướng). Năm Quả đây, nói nghĩa hẹp là Dị Thục chỉ quan hệ nơi hữu tình; còn Tăng Thượng, Đẳng Lưu, Sĩ Dụng thì quan hệ cả hữu lậu và vô lậu; riêng Ly Hệ thì chỉ quan hệ nơi vô lậu. Nói nghĩa rộng, trong năm quả nói trên, bốn Quả trước có thể quan hệ hữu lậu và vô lậu, mà Ly Hệ nếu tạm thời lìa khỏi sự trói buộc, v.v... thì cũng có thể quan hệ hữu lậu và vô lậu. Nghĩa của năm quả đây đại lược là như thế.

2/- Thuyết Minh Dư Quả:

Bài Tung:

“Lại nói sơ lược về Dư Quả; hậu hậu, sơ, sở tập, cứu cánh, thuận, chướng diệt, ly, thắng, thượng, vô thượng.”

Giải Nghĩa:

Bài Tung đây là thuyết minh các thứ pháp quả ngoài năm quả. Xưa nay Pháp Quả phân biệt vị tế có rất nhiều, trong Luận đây nói đến cũng không ngoài đại cương mà thôi.

1, Hậu Hậu, nghĩa là do tiền kiếp về trước làm nhân mà hậu kiếp về sau làm quả, như các vị Thập Tín, Thập Trụ v.v... Sơ Tín Vị tức là nhân của Tín thứ hai, Tín thứ hai tức là quả của Sơ Tín. Lại nữa như Thập Bát Vị đã nói ở trước, dòng họ của nó là nhân và phát tâm là quả; căn cứ nơi hậu pháp về sau mà nói, tức là quả của thành phần trước kia, đây chính là căn cứ trên quả tướng mà thuyết minh.

2, Chữ Sơ, nghĩa là quả tối sơ, như Tiểu Thừa đặng quả Tu Đà Hoàn, Đại Thừa đặng Sơ Địa.

3, Sở Tập (nhiều lần tu tập), nghĩa là chỗ đắc quả chính là do nhiều lần tu tập, như Thinh Văn thì chứng hai hoặc ba quả; Bồ Tát thì chứng đặng hai hoặc ba cho đến Thập Địa, tất cả đều là nhiều lần tu tập mà được chứng quả, đây chính là ngôi vị Tu Đạo.

4, Cứu Cánh, nghĩa là kết quả tối cao, như Đại Thừa thành Phật, Nhị Thừa chứng Tứ Quả, đều là quả cứu cánh. Dưới đây sẽ nói sáu thứ quả, trong sáu thứ quả này có bốn thứ sai biệt như thứ 5, thứ 6, thứ 7 và thứ 8.

5, Chữ Thuận, tức là tùy thuận, nghĩa là tùy nhân trước mà đặng hậu quả về sau, nhân trước đây cùng hậu quả về sau chẳng qua danh từ không giống nhau mà thôi.

6, Chướng Diệt, nghĩa là căn cứ nơi đối trị tiêu diệt hai chướng mà lập quả, chướng đã rồi rảo tiêu diệt gọi là Ly Hệ (lìa khỏi sự trói buộc), đây là căn cứ nơi nghĩa sai biệt của ngôi vị Kiến Đạo ban đầu mà kiến lập.

7, Chữ Ly, tức là Ly Hệ (lìa khỏi sự trói buộc), là căn cứ trên sự tu hành khi đạt đến ngôi vị cứu cánh thì đã lìa khỏi tất cả sự trói buộc.

8, Chữ Thắng, nghĩa là thù thắng, tức là khi giải thoát phiền não, tu tập tích lũy thành các thứ công đức rất thù thắng.

9, Chữ Thượng, tức là nói Bồ Tát ở trên hai Thừa, mà Phật thì lại ở trên Bồ Tát.

10, Vô Thượng, tức là chỉ cho Phật quả và không có bậc nào trên nó. Các thứ quả đây từ sau này đến cứu cánh, nghĩa là từ phạm phu cho đến Phật quả, kể từ Tùy Thuận trở xuống là nghĩa sai biệt, ở trước đã được tóm lược đại cương như thế.

(Biện minh Vô Thượng Thừa phẩm thứ bảy)

2.- BIỆN MINH RIÊNG BIỆT VÔ THƯỢNG:

Biện minh phẩm Vô Thượng Thừa là biện minh phân biệt vô thượng thứ hai của phần Phân Biệt Luận Nghĩa, chỗ thuyết minh của phẩm này là thuộc chuyên môn Đại Thừa vô thượng, Đại Thừa gọi là Đệ Nhất Thừa, tức là ở trong ba Thừa nó thuộc về thứ nhất. Thừa

này cũng gọi là Tội Thượng Thừa, hoặc gọi là Bồ Tát Thừa, nếu căn cứ nơi quả cũng được gọi là Tội Phật Thừa, những thứ tên đây đều là biệt danh của Đại Thừa. Ở trong Phật Điển thuyết minh nghĩa của Đại Thừa đã có nhiều thứ, như Du Già v.v... có bảy pháp biện minh Đại Thừa, còn Luận này thì thuyết minh ba thứ Vô Thượng. Chữ Thừa chính là từ tỷ dụ, bình thường gọi là chiếc xe, cho nên chữ Thừa đây có chỗ không phải động từ mà thuộc về danh từ. Vô Thượng Thừa nói ngược lại, chính là chiếc xe lớn rất tốt vô thượng. Kinh Pháp Hoa tỷ dụ ba Thừa, dụ như xe dê, xe nai, lớn thì gọi là xe bò; bởi vì dùng sức con bò đem so sánh con dê, con nai thì lớn hơn, cho nên thí dụ là Đại Thừa. Nhưng bản thể của Đại Thừa trong đây chính là Pháp Giới Chân Như, phải dùng động lực của trí Bát Nhã Vô Phân Biệt để chuyên chở. Thí dụ như hiện tại hoà xa, xe hơi v.v... động lực của chúng là trí, bản thể của động lực chính là pháp giới, các thứ trang trí trên xe cũng như các thứ pháp công đức trong Thừa. Như là động lực và các thứ trang nghiêm đầy đủ thì trở thành là Thừa. Sự sai biệt của Thừa đây, Kinh Hoa Nghiêm nói rằng có vô lượng Thừa, có thể phân chia thành năm Thừa như: Nhơn Thừa, Thiên Thừa, Tinh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa. Như định nghĩa của Thừa là chuyên chở khởi điểm từ sanh tử lưu chuyển đi đến Niết Bàn, vì thế Nhơn Thừa và Thiên Thừa thì không thể hoàn toàn giải thoát sanh tử và lại không thể gọi là Tội Thừa; nguyên tắc có thể thích hợp gọi là Thừa chỉ có ba Thừa Thinh văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Ba Thừa bậc Thánh đây, chỗ tu của họ là Pháp Ba Mười Bảy Bồ Đề Phần, nhờ đó có thể từ sanh tử liền vào Niết Bàn. Mà ở trong ba Thừa, chỉ có Đại Thừa là cứu cánh tối thượng. Trong sáu phẩm trước, chỗ giảng giải mặc dù nghiêng trọng về Đại Thừa, nhưng cũng bao gồm cả Nhị Thừa, Trình bày nghĩa Trung Đạo của họ không bị lạc vào Nhị Biên. Nay phẩm này chuyên giảng Đại Thừa, hiển bày tội thù thắng của Đại Thừa, nên gọi là Vô Thượng Thừa.



Bài Tụng đây bày tỏ tổng quát ba thứ vô thượng. Nghĩa vô thượng mặc dù có nhiều thứ, nhưng tổng quát gom lại không ra ngoài ba thứ này: một là Chánh Hạnh Vô Thượng, hai là Sở Duyên Vô Thượng, ba là Tu Chứng Vô Thượng. Chánh Hạnh chính là chỗ phát khởi hành động, chỗ tu Lục Ba La Mật v.v... Sở Duyên chính là các cảnh Đại Thừa. Tu Chứng chính là tu Tư Lương được viên mãn không thiếu sót, chứng đắc thành tựu. Ba thứ như thế và mỗi thứ đều thù thắng hơn Nhị Thừa, nên gọi là Vô Thượng Thừa.

b.- Giải Thích Ba Vô Thượng:
b/1- Chánh Hạnh Vô Thượng:

1)- Bày Tỏ Sáu Chánh Hạnh:

Bài Tụng:

"Chánh Hạnh có sáu thứ: gọi là Tội Thắng, Tác Ý, Tùy Pháp, Ly Nhị Biên, Sai Biệt, Vô Sai Biệt."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là bày tỏ tổng quát sáu thứ Chánh Hạnh. Ý nghĩa vi tế tinh tường của sáu thứ này dưới đây sẽ giải thích. Sáu Chánh Hạnh gồm có: 1- Tội Thắng Chánh Hạnh, 2- Tác Ý Chánh Hạnh, 3- Tùy Pháp Chánh Hạnh, 4- Ly Nhị Biên Chánh hạnh, 5- Sai Biệt Chánh hạnh, 6- Vô Sai Biệt Chánh Hạnh.

2)- Biện Minh Sáu Chánh hạnh:

a, Tội Thắng Chánh Hạnh:

Bài Tụng:

"Tội Thắng có mười hai: gọi là Quảng Đại, Trường Thời, Y Xứ, và Vô Tận, Vô Giá, Vô Nan Tánh, Tự Tại, Nhiếp, Phát Khởi, Đắc, Đăng Lưu, Cứu Cánh. Do nói mười độ này, gọi là Ba La Mật Đa."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Tội Thắng Chánh Hạnh. Phân tích vi tế về nó rộng có mười hai thứ:

1, Quảng Đại Tội Thắng nghĩa là phát tâm rộng lớn, vĩnh viễn không mong cầu giàu có, sung sướng, uy tín, phước đức và giải thoát của Nhị Thừa, từ phát tâm ban đầu cho đến tận hư không giống như hư không, biến khắp pháp giới, phát tâm được rộng lớn và cao tối cực, nên gọi là Quảng Đại Tội Thắng.

2, Trường Thời Tội Thắng (thù thắng tốt cùng thời gian lâu dài), nghĩa là ở nơi trước khi chưa thành Phật, trải qua ba A Tăng Kỳ Kiếp, tu tập tích lũy tư lương phước đức trí tuệ. Sau khi đã thành Phật, luôn luôn lúc nào cũng là đi độ chúng sanh đến tận cùng bờ mé đời vị lai, cho nên Bồ Tát phát tâm

a.- Bày Tỏ Ba Vô Thượng:

Bài Tụng:

"Tổng quát do ba Vô Thượng, nói là Vô Thượng Thừa; gọi là Chánh Hạnh, Sở Duyên, và tu chứng Vô Thượng."

Giải Nghĩa:

thời gian lâu dài không có so sánh nên gọi là Trường Thời Tối Thắng.

3, Y Xứ Tối Thắng, nghĩa là Bồ Tát phát tâm khắp tất cả chúng sanh giới, đem lợi ích đến cho tất cả hữu tình làm chỗ nương tựa, phát tâm không vì thế gian, hoặc phát tâm không vì một thân, một gia đình, một địa phương, một đoàn thể, hoặc một quốc gia cho là lớn, vì thế nên gọi là Y Xứ Tối Thắng.

4, Vô Tận Tối Thắng, nghĩa là Bồ Tát tu hành thông đạt tất cả pháp không tư tánh, không tướng, không ngã, khắp nơi hư không, cho nên có thể hồi hướng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, trở thành vô cùng vô tận. Chúng ta hiện tại công đức chỗ tu được cũng giống như giọt nước, đem giọt nước đây ném vào biển lớn thì cũng giống như biển lớn vô tận, nếu có thể tùy theo tu một hạnh nào dùng hạnh đó hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề thì cũng giống như Bồ Đề vô cùng vô tận vậy. Nhưng đây cũng phải là Bồ Tát Đại Thừa mới có thể được như thế. Nhị Thừa thì chỉ cầu tự độ cho nên chỉ đến được Niết Bàn là cùng tận. Lại nữa theo lập trường của con người nếu là quốc gia, là nhân loại thì đời đời bất diệt, nhưng thế giới khi hoại diệt thì công đức của họ rồi cũng tiêu tan. Đứng ra chỉ có Đại Thừa thì mới có thể thành tựu chân thật vô cùng vô tận mà thôi, cho nên gọi là Vô Tận Tối Thắng.

5, Vô Gian Tánh Tối Thắng, chữ Gian là cắt đứt hẳn, vô gian nghĩa là không có xa cách, tức là đã đạt được tất cả tự tha cuối cùng bình đẳng, chỗ phát khởi tu hành cũng không có cách biệt tự và tha, thiện và sơ, vật và ngã. Nhờ vô gian cho nên chỗ tu thí v.v... cũng đều bình đẳng đối với tất cả chư Phật, thành tựu tối viên mãn, cho nên gọi là Vô Gian Tánh Tối Thắng.

6, Không Nan Tánh, nghĩa là đối với chỗ tu thiện pháp của người hữu tình kia sanh tâm tùy hỷ thì đối với thiện pháp của mình tu cũng thành tựu viên mãn và cũng hoàn toàn không khó khăn, cho nên gọi là Không Nan Tánh.

7, Tự Tại, nghĩa là Bồ Tát có thể thành tựu các thứ thiên định, thần thông, tam muội v.v... Các thứ năng lực kham nhẫn, năng lực tự tại, Bồ Tát đạt đến và có thể tự tại chuyển biến pháp khác mà không bị các pháp khác chuyển; nhờ tự tại đây cho nên dễ thành tựu chỗ tu thí, v.v...

8, Nhiếp lấy, nghĩa là Bồ Tát chỗ tu hành, thường dùng Trí vô phân biệt đã thâm nhiếp được để tương ứng các hạnh của Bồ Tát, như

Bồ Tát Sơ Trụ khi thật hành Bồ Tát lại thường tương ứng cùng Không Thắng Giải, khi đến được Sơ Địa thì thường tương ứng cùng Trí Không Vô Phân Biệt, nhờ thế mà đi tu tất cả hạnh vô trụ, không người không pháp, không năng không sở, cho nên nhiếp lấy được tối thù thắng.

9, Phát Thụ, căn cứ theo nghĩa rộng thì có phát khởi trùng trùng, trong đây chỉ căn cứ nơi Gia Hạnh Vị của Bồ Tát, chính là thường phát khởi Trí Vô Phân Biệt, cho nên gọi là Tối Thắng.

10, Đắc đầy, ở trước được trình bày qua, nghĩa là đã Đắc Thánh Quả vĩnh viễn không bao giờ quên mất; nhưng Đắc Thánh Quả Nhị Thừa thì không phải Đại Thừa Tối Thượng; Đắc Hoan Hỷ Địa ban đầu mới gọi là Đắc trong tối thù thắng. Do từ phát tâm nghe pháp giới chân như cho đến nay đã lâu chưa được chứng đắc, mãi đến nay mới có thể được chứng đắc, cho nên phát tâm như thế gọi là phát tâm cực đại hoan hỷ.

11, Đẳng Lưu, nghĩa là Đắc Sơ Địa trở về sau đều là loại Đẳng Lưu, triển khai đến Nhị Địa và đến Cửu Địa đều gọi là Đẳng Lưu.

12, Cứu Cánh, chính là Pháp Vân Địa thứ mười, Địa đây là chỗ tốt cùng của Đại Thừa Bồ Tát đã viên mãn công đức; từ Pháp Vân này tiến thêm một bước nữa tức là chứng đắc Phật Quả, cho nên Pháp Vân là nhân cứu cánh và Phật Quả là quả cứu cánh. Do mười hai thứ thù thắng đây mà nói đến mười Độ gọi là Ba La Mật Đa. Ba La Mật Đa là tiếng Phạn, Trung Hoa gọi là đến bờ bên kia. Nghĩa là nhờ mười hai thù thắng này mỗi người đều có thể vượt qua biển phiền não của họ mà đến bờ bên kia. Hơn nữa chữ Độ lại giống như chiếc thuyền và chiếc thuyền là chỗ có thể có thể vượt qua biển phiền não tham sân v.v... mà đến bờ Đại Niết Bàn bên kia và nơi đó vĩnh viễn không phải là chỗ phiền não tạp nhiễm có mặt, mà chính là chỗ bĩ nạn đã vượt đến bờ. Ở trong Độ đây cũng có tu bố thí v.v... mà không gọi là Ba La Mật giống như Bồ Tát Ngoại Phạm Vị. Bồ thí đây chỉ là bố thí độ, trì giới đây chỉ là trì giới độ mà không gọi là Ba La Mật, hoặc không gọi là trì giới Ba La Mật v.v... Tại sao thế? Do vì Độ đây chưa cùng tương ứng với mười hai tối thắng. Tu cách nào có thể cùng mười hai tối thắng tương ứng thì được xưng Ba La Mật Đa. Thế nào là mười thứ Ba La Mật Đa?

(còn tiếp)





CẢM NGHĨ VỀ VU LAN...

*Tháng Bảy mừng đón Vu lan,
Con Phật lòng đầy hân hoan,
Chư Tăng vui mừng thọ tuệ,
Ân huệ đã được Phật ban...*

*Con Phật mừng đón Vu lan,
Con thảo cháu hiền reo vang,
Bông hồng cài áo tùy cảnh,.. (1)
Chọn lựa một màu... riêng mang.*

*Hạnh hiếu chỉ có Vu lan,
Hướng dẫn con cháu hiền ngoan,
Nhất tâm về chùa lễ Phật,
Cùng nhau đón ánh đạo vàng.*

*Vu lan tháng Bảy đã về,
Tâm tư thư thái tràn trề,
Ba tháng nghiêm trì giới luật,
Xa rời tội lỗi si mê.*

*Con Phật nhất tâm tín nguyện,
Lời Phật dạy từ ngàn xưa,
Nhất tâm phụng hành lời Phật,
Chỉ nguyện theo dấu Phật thừa...*

*Vu lan đánh lễ Mục Liên,
Nhất tâm cứu Mẹ thẳng thiên,
Gương soi cho toàn hậu bối,
Giữ giới hiếu hạnh vi tiên.*

*Chí hiếu là giữ tịnh giới,
Vâng giữ trú dạ lục thời,
Di Đà nhất tâm biệt niệm,
Hướng về tịnh độ ai ơi!*

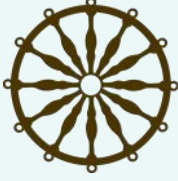
*Mỗi năm Vu lan một lần,
Làm con chí hiếu nhất tâm,
Trọn đời nhớ ơn sinh dưỡng,
Trọn đời ghi nhớ song thân...*

*Song thân đó là cha mẹ,
Song thân nằm trong tứ ân,
Một ân trong bốn ân nặng,
Vu lan ghi nhớ bội phần...*

(Trọng hạ Tân sửu – July 10th, 2021)

(1) Tùy cảnh có nghĩa là Mẹ mất thì cài hoa hồng trắng, Mẹ còn thì cài hoa hồng đỏ.

thơ ĐIỆU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH - EXECUTIVE COUNCIL
CENTRAL OFFICE
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC - STANDING OFFICE
4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. Tel.: (714) 548-4148

TÂM THƯ VU LAN - PL. 2565

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Thiên Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý Cư Sĩ Thành viên của Giáo Hội,

Ba tháng An Cư của Chư Tôn Đức Tăng Ni hôm nay, là thừa tiếp tinh thần tu tập đã có từ thời Đức Thế Tôn và hàng Thánh chúng còn tại thế, cách nay hơn 2500 năm về trước. Cứ mỗi lần mùa mưa lại về, cơn trùng bò ra ngoài đường lầy lội, cỏ non mọc xanh tươi thì Đức Phật và hàng Thánh đệ tử, được phân bố ra từng đoàn để cắm túc an cư nơi mỗi xóm làng tại địa phương đó. Nhờ ở yên một chỗ, nhờ có bạn đồng học sống chung nên đã sách tấn cho chính mỗi chư Tăng tinh tấn thiền định, nghiêm trì giới luật mà chúng đắc quả Thánh ở trong đời hiện tại, làm lợi ích cho chư thiên và loài người.

Một truyền thống tu tập cao đẹp ấy được Phật Giáo Việt Nam tiếp nhận làm nếp sống nơi chốn thiền môn, qua hình ảnh những chiếc y vàng thưa quá đường; những vắt cơm tròn trịa trong bình bát, đã tác thành đạo tình thân thương quý kính nơi chốn Già lam, Phạm vũ. Đồng thời cũng gìn giữ nề nếp cương lĩnh hộ Pháp cho người Phật tử, gieo hạt giống vào ruộng phước cho đời này và đời sau, để cho cả hai đời đều được an lạc hạnh phúc.

Kính bạch chư tôn Thiên Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý Cư Sĩ, Thành viên của Giáo Hội,
Đại dịch Covid-19 trên đất nước Hoa Kỳ, cũng như khắp trên thế giới, đã làm tê liệt mọi hoạt động của Giáo Hội nói riêng và xã hội loài người nói chung ở các lãnh vực. Mặc dù thực trạng là như vậy, nhưng qua nội dung, ý chỉ của các Thông Bạch Phật Đản, Vu Lan, Hòa Thượng Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm của Giáo Hội đã đạt lời vãn an sức khỏe của bốn chúng đệ tử Phật luôn khuyến tấn hãy cùng nhau tu tập, lấy sự chường ngại ấy làm sức mạnh vượt thoát, kiên trì tin tâm bất hoại, đồng cầu nguyện cho con người sống trên thế giới hôm nay sớm vượt qua mọi tai ương, khổ lụy để sớm có một đời sống gia đình an lành, hạnh phúc.

Kiên trì tin tâm bất hoại ấy chính là không cô phụ lý tưởng tu tập giác ngộ giải thoát của chính mình, đồng thời luôn tưởng nhớ đến bản nguyện độ sanh, xả kỳ vị tha, ban vui cứu khổ bằng khả năng vốn có của mình. Bằng phương tiện của mỗi Tự viện của Chư Tôn Đức Tăng Ni mà thi thiết hạnh nguyện độ sinh của chư vị lịch đại Tổ sư trong muôn một.

Trong năm vừa qua cũng như năm nay, Giáo Hội đã gửi Thông Thư đến quý tự viện- Chư Tôn Đức hãy tùy duyên mà làm Phật sự- Đại Lễ Phật Đản cũng như An Cư Kết Hạ, và nhiều Phật sự khác. Chính vì ý nghĩa đó, mùa Vu Lan sắp đến, ba tháng An Cư Kết Hạ sắp hoàn mãn, Giáo Hội kính gửi Tâm Thư Vu Lan này đến Chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng cùng Chư Đại Tăng có lời vãn an sức khỏe và khánh chúc chư Tăng thêm một tuổi Hạ cao quý trong hàng Chúng trung tôn. Đồng kính chúc quý Cư Sĩ thành viên Giáo Hội luôn thể hiện tinh thần hộ pháp cao để Giáo Hội được phương tiện mà truyền trì mạng mạch, để Tổ ân được sáng soi, rộng đi trên con đường độ sinh bất tuyệt.

Vu Lan về, Rằm tháng bảy lại đến, tất cả chúng ta cùng hoan hỷ trong ngày hoan hỷ của Phật. Ngày tự tứ của chúng Tăng, ngày giải đảo huyền, ngày xá tội vong nhân, tất cả những ý nghĩa trong ngày Lễ Vu Lan ấy là nhớ ơn và đền ơn trong Đạo Pháp cũng như ngoài đời, công ơn sinh thành của cha và mẹ - ngày của mùa Báo Hiếu Thâm Ân.

Chân thành kính cảm ơn Chư Tôn Đức Tăng Ni, Kính chúc quý ngài Phước Trí Nhị Nghiêm, đạo quả viên thành. Kính chúc quý Cư Sĩ Thành viên của Giáo Hội vô lượng an lạc, vô lượng cát tường, trong cuộc sống hôm nay.

Santa Ana, ngày 24 tháng 4 năm 2021

Văn Phòng Thường Trục
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK
Chủ Tịch
(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

HIẾU THUẬN ĐƯỢC PHƯỚC LÀM VUA CỐI TRỜI

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



Ảnh minh họa Đức Phật trở về thăm vua cha lúc Tịnh Phạn Vương đang lâm bệnh

Một thời Thế tôn trụ ở Vesàli, tại Trùng Các giảng đường. Rồi Mahàli, người Licchavi đi đến đảnh lễ và bạch Thế tôn:

- Bạch Thế tôn, Thế tôn có biết Thiên chủ Sakka không?

Này Mahàli, Ta biết Sakka và các pháp tác thành Sakka. Chính do chấp trì các pháp ấy Sakka được địa vị Thiên chủ.

Này Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy giới cấm túc. Thế nào là bảy giới cấm túc? Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng với cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng các bậc gia trưởng. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói hai lưỡi. Cho đến trọn đời, với tâm xa lìa cấu uế và xan tham, tôi sống với tâm bố thí; hoan hỷ thí xả, nhiệt tình đáp ứng các nhu cầu, sung sướng phân phối vật bố thí. Cho đến trọn đời, tôi nói lời chân thật. Cho đến trọn đời, tôi không phẫn nộ; nếu tôi phẫn nộ, sẽ mau chóng dẹp trừ.

Nhờ chấp trì bảy giới cấm túc này, Sakka được địa vị Thiên chủ.

(ĐTKVN, Tương Ưng Bộ I, chương 11, phẩm 2, phần Chư thiên, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.511)

LỜI BÀN:

Thiên chủ Sakka là vua của cõi trời Tam Thập Tam, có đầy đủ phước báo và uy quyền trong Thiên giới. Địa vị Thiên chủ của Sakka có được nhờ tu tập bảy cấm giới trọn vẹn, đầy đủ khi còn làm người.

Bảy giới cấm này chính là nhân để tác thành phước báo của một vị Thiên chủ đồng thời đó cũng là bảy nhân cách của một người đệ tử Phật. Chí nguyện cao cả của người con Phật là hướng đến giải thoát và giác ngộ. Tuy nhiên nếu chưa đầy đủ phước đức, trí tuệ để chứng đắc quả Phật thì chí ít cũng được tái sinh làm trời, người và xa lìa khổ đau của tam đồ, ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Như vậy muốn tái sinh làm người, hàng đệ tử Phật phải gìn giữ và tu tập năm giới cấm trọn vẹn, đầy đủ. Muốn sanh vào cõi trời, làm vua của trời Tam Thập Tam, người Phật tử phải tu tập viên mãn bảy giới cấm. Trong đó, hiếu dưỡng với cha mẹ là vấn đề tối quan trọng, được đưa lên hàng đầu. Tiếp đến là kính trọng các bậc bô lão, tộc trưởng, gia trưởng. Mặt khác, trong lời ăn tiếng nói hằng ngày phải chân thật, nhu hòa, yêu thương và xây dựng. Đồng thời phải biết chia sẻ, bố thí và giữ tâm luôn an vui, không nóng giận, oán thù. Chỉ cần thực tập trọn vẹn bảy điều trên thì chắc chắn sẽ gặt hái được nhiều an vui và hạnh phúc trong hiện tại và phước báo Thiên chủ ở vị lai.

Tương lai của mỗi con người đều phụ thuộc vào sự tác nghiệp của chính họ trong hiện tại. Vì vậy, mỗi người con Phật phải tự quyết định lấy tương lai của chính mình bằng cách trang nghiêm phước báo tự thân, thọ trì bảy cấm giới.



ĐỨC HIẾU

Nguyễn Thế Đăng

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



Hiếu là sự nối kết và mối tương quan bao la. Hiếu không phải là liên hệ bằng tiền bạc, địa vị, bằng những gì trao đổi được, cho nên nó sâu thẳm như sự liên kết không cùng của lòng từ bi. Sự nối kết liên hệ ấy không phải là một bổn phận hay trách nhiệm của tục lệ đời thường mà nó là sự an bình và hạnh phúc sẵn có trong chiều sâu của mỗi chúng ta.

Hiếu là một giá trị sống tốt đẹp có trong mọi nền văn hoá. Ở Việt Nam chúng ta, Hiếu là một trong những phạm trù quan trọng được cả Phật giáo và Nho giáo đề cao. Nho học chú trọng vào đời sống gia đình, xã hội nên giá trị sống Hiếu được cổ xúy nhiều; nhưng vì Nho học được phát triển trong bối cảnh chế độ quân chủ nên khái niệm Hiếu cũng bị giới hạn. Và theo cảm thức thông thường, cái gì giới hạn đều thường phát sinh ra sự mâu thuẫn, xung đột. Không được đặt trong một thể giới quan rộng lớn, chữ Hiếu, mặc dù là một yếu tố quan trọng của đạo làm người, nhưng có khi lại gây ra những thảm kịch, như chúng ta thường thấy trong văn học, phim ảnh của Trung Hoa. Chẳng hạn, vì Hiếu mà phải giết cha người khác để trả thù cho cha mình; vì Hiếu mà phải bán mình để chuộc cha... Trong khi đó, xuất gia để thiết thực lo cho mình, cho người thì lại xem là "bất hiếu"... Và trong thời đại ngày nay, nếu cha mẹ ly dị, hay một trong hai người qua đời, thì để giữ lòng hiếu,

chắc là phải thù ghét vợ sau hay chồng sau của cha mẹ mình.

Trong bối cảnh Phật giáo, Hiếu được nhìn trong một viễn cảnh rộng lớn, và vì rộng lớn nên ít gây nên mâu thuẫn xung đột. Không những thế còn nâng cấp con người đến chỗ hoàn thiện. Trước hết, chúng ta thấy có ba yếu tố cấu thành lòng hiếu: tình thương yêu, sự kính trọng và ơn nghĩa.

Cả ba tình cảm ấy đều quy tụ vào cha mẹ, những bậc sinh thành và nuôi nấng mình. Trong thể giới quan Phật giáo, nguyên nhân (nhân) chính để chúng ta có mặt ở đời này là nghiệp của chính chúng ta, còn cha mẹ là nguyên nhân hỗ trợ (duyên). Trong viễn cảnh Phật giáo, chúng ta không chỉ mới có mặt lần đầu tiên trong đời này mà đã từ vô số đời trước, trong đủ mọi hình thức của sinh mạng của Người, chư Thiên, Thú vật, Ngạ quỷ, Địa ngục, và dòng sinh tử của chúng còn kéo dài mãi nếu chúng ta không đủ sức thoát khỏi sáu cõi sinh tử luân hồi. Còn với những người nguyện đi con đường Bồ tát thì: "Tôi nguyện sẽ ở lại thế gian cho đến ngày thế gian trống rỗng", nghĩa là cho đến khi hết chúng sinh. Với một cái nhìn rộng lớn như vậy, thì tất cả chúng sinh đều đã từng là hoặc sẽ là cha mẹ của chúng ta.

Do vậy, Hiếu trong Phật giáo được đẩy đến tận cùng biên giới của nó: Hiếu là lòng hiếu với tất cả chúng sinh, trong cả ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai và khắp toàn bộ vũ trụ. Lòng hiếu như vậy được mở rộng đến tầm mức vũ trụ, tiếp cận và trở thành lòng đại từ đại bi.

Nhưng đối với một người cao cả, tình thương yêu, sự kính mến và ơn nghĩa không chỉ đối với chúng sinh hữu tình mà còn đối với cả thế giới vô tình. *"Trong tuần lễ thứ hai, sau khi giác ngộ, để tỏ lòng tri ân sâu xa đối với cây bồ đề vô tri vô giác đã che mưa nắng cho Ngài suốt thời gian nhập định để đắc đạo, Đức Phật đứng cách một khoảng xa để chăm chú nhìn cây bồ đề trong một tuần không chớp mắt"*. (Đức Phật và Phật pháp – Narada Thera). Với người bình thường chúng ta cũng vậy, chúng ta gọi trái đất là "bà mẹ trái đất"; đất được

gọi là đất mẹ; sông Hồng, con sông đã làm nên nền văn minh đồng bằng sông Hồng, cũng được gọi là sông Cái, nghĩa là sông Mẹ...

Chính lòng từ bi đối với thế giới vô tình là một yếu tố quan trọng khiến cho một người theo con đường Bồ tát, dù ở thế giới nào cũng làm mọi việc để biến thế giới ấy thành một cõi Tịnh độ, một cõi Phật.

Cách biểu hiện ban đầu của Hiếu, có lẽ chỉ là một bản năng bầy đàn nơi một số loài vật, và con người đã phát triển thành ý nghĩa và bổn phận trong gia đình và mở rộng trở thành một tình cảm thiêng liêng đối với đại gia đình nhân loại: từ chúng sinh hữu tình đến vô tình. Hiếu là phong tục tốt đẹp, từ việc giới hạn trong một gia đình đã trở thành thái độ sống đối với con người và thế giới. Thực hành thái độ sống ấy, con người dần dần trở nên toàn diện và toàn thiện.

Với ý nghĩa đó, trong mùa Vu lan, có thể chúng ta chỉ làm một hành động đơn giản nhất: thắp hương và cầu nguyện cho cha mẹ, người còn sống được an lành, người đã mất được siêu thoát. Rộng ra nữa, cho ông bà tổ tiên không chỉ đời này mà còn ở đời quá khứ và tương lai. Qua chỉ một hình thức cầu nguyện đơn giản này, chúng ta thấy mình nối kết, tương thông với cha mẹ, tổ tiên, với nhiều người, cho đến nối kết với mọi chúng sinh. Sự nối kết và mối tương quan bao la này không phải là liên hệ bằng tiền bạc, địa vị, bằng những gì trao đổi được, cho nên nó sâu thẳm như sự liên kết không cùng của đời sống và lòng từ bi. Sự nối kết, liên hệ ấy không phải là một bổn phận hay trách nhiệm của tục lệ đời thường mà nó là sự an bình và hạnh phúc sẵn có trong chiều sâu của mỗi chúng ta.

Như vậy, qua chỉ một hành vi nhỏ của lòng Hiếu, chúng ta có thể nối kết, tiếp thông với những sự thật bí mật nhất của đời sống. Khám phá thể nghiệm những thực tại sâu thẳm của cuộc đời qua những hành vi nhỏ nhặt, đó chính là sống đạo.



HƯƠNG XƯA - BẾN CHIỀU

*Bồng dung đém bước trong chiều
Vó câu chọt thoáng nghe hiu hắt lòng.
Ngàn mây từ cõi phiêu bồng
Bờ nhân ảnh, có phương hồng cỏ hoa!*

*Đường chiều giăng mắt mù sa
Gót phong trần giữa bóng tà huy bay.
Thức-hư một giấc mơ gầy
Nhục-vinh mây cuộc buông tay kiếp người.*

*Rời nước chảy, rời mây trôi,
Cuộc cờ thế sự buồn vui vẫn là...!
Rời nắng sớm, rời chiều sa,
Nghĩ cho thân phận người ta sớm chiều.*

*Thế mà lòng ước mơ nhiều
Những khi mộng tưởng trăm điều lo toan.
Thế mà những giấc mộng con
Đêm dầy dề nặng lên hôn hoang vu.*

*Hay đâu trong cõi mịt mù,
Còn lơ mơ cuộc phù du nào nùng.
Cánh chim bạt gió muôn trùng,
Ta về gom cả một dòng thời gian.*

*Bóng lau xa, gió trên ngàn,
Gió phơ phát gió, hoa vàng đong đưa.
Ngược xuôi dù đã bao mùa,
Con thuyền về lại hương xưa bến chiều.*

thơ **MẶC PHƯƠNG TỬ**
South Dakota tháng 7.2021

HIỂU HẠNH – PHƯƠNG CÁCH BÁO HIỂU THEO NGUYÊN THỦY VÀ ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO

Đức Quang

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Vu Lan là ngày tri ân, tưởng niệm, nghĩ về, truyền thông, nối kết giữa con cái và cha mẹ[1]. Nghĩa là ngày báo hiếu. Để làm được trọn vẹn ý nghĩa của ngày Vu lan, người con Phật cần biết phương pháp báo hiếu theo lời dạy của Phật trong cả hai truyền thống Nguyên thủy và Đại thừa. Nói cách khác nghĩa là nhằm nhận diện được những điểm dị và đồng của hai truyền thống, qua đó có thể hiểu rõ hơn đâu là cách báo hiếu tốt nhất.

Trong kinh tạng Nguyên thủy, bài học đầu tiên là sự kính trọng, bởi nhận thức được sự cao quý của cha mẹ. Sự kính trọng là bước đầu giúp người con nhận thức được vị trí cao quý của cha mẹ, là tính chất cơ bản giúp người con luôn trong tâm thể yêu và kính để học hỏi và cung dưỡng. Vì vậy, đức Phật khẳng định vị trí cao quý của cha mẹ, rằng: “*cha mẹ là Thượng đế*” (Phạm Thiên)[2]. Hẳn vì, khái niệm Thượng đế là cao nhất đối với xã hội-tôn giáo của Ấn Độ đương thời, và cha mẹ được đặt ngang hàng với đấng sáng tạo. Nghĩa là đức Phật mong muốn con cái phải biết kính trọng và phụng dưỡng cha mẹ như đối với thần linh.[3] Đây là cuộc cách mạng trong việc tâm linh hóa, giá trị hóa địa vị cao quý của hai đấng sinh thành từ công hạnh, sự hy sinh và sinh dưỡng của cha mẹ. Qua hình ảnh, chúng ta được nuôi dưỡng bằng sữa mẹ trong nhiều kiếp, sữa đã uống còn nhiều hơn nước bốn biển [4]. Do đó, là người con hiếu hạnh, trước và trên hết là phải biết tôn trọng cha mẹ, bằng sự yêu thương và quý kính.

Thứ đến, là người con nên tự ý thức được trách nhiệm cung bốn phần của mình đối với cha mẹ, gia tài, truyền thống gia đình, và tổ tiên tâm linh. Phật dạy, “*tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ; tôi sẽ làm bốn phần đối với cha mẹ; tôi sẽ gìn giữ gia đình và*



truyền thống; tôi bảo vệ tài sản thừa tự; tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời” [5]. Đây là năm trách nhiệm và nghĩa vụ của một người con nên tạc dạ khắc ghi và thực hiện. Nghĩa là người hiếu hạnh phải làm được ba việc: (1) bảo vệ được đời sống gia đình hiện tại ấm êm-hạnh phúc bằng phụng dưỡng cha mẹ hiện tiền, (2) giữ gìn được sản nghiệp, và (3) lưu giữ được truyền thống văn hóa tâm linh đậm bản sắc của gia đình/giòng tộc cho các thế hệ tương lai.

Dưới đây là những cách thức đức Phật thực hiện để cung dưỡng cha mẹ. Tư liệu cung cấp những hình ảnh sống động về cách báo hiếu của các tiền thân Phật, “*ngài làm việc kiếm tiền nuôi cha mẹ, đến thời cha ngài qua đời, ngài phụng dưỡng mẹ mình.*”[6] Và “*với tài sản thu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thu hoạch đúng pháp, tự làm mình an lạc, hoan hỷ, chơn chánh đem lại an lạc, giúp cha mẹ được an lạc hoan hỷ*” [7]. Do đó, cụ thể hóa sự tri ân và báo ân bằng việc phụng dưỡng vật chất và đem lại niềm vui tinh thần.

Hơn nữa, việc báo ơn cha mẹ không chỉ dừng ở việc phụng dưỡng thể xác, mà hướng tới giảng dạy chánh pháp. Bởi vì, “*Nếu một bên vai công mẹ, này các Tỳ-kheo, một bên vai công cha, làm vậy suốt trăm năm cho đến 100 tuổi; nếu đâm bóp, thoa xúc, tắm rửa, xoa gội, và đầu tại đây, mẹ cha có vài tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỳ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha*” [8]. Như thế, người con hiếu phải biết hướng dẫn xây dựng lòng tin cha mẹ quay về nương tựa ba ngôi Tam Bảo, thực hiện cuộc sống hiền thiện đạo đức là bỏ ác làm lành, gây dựng cho cha mẹ có tinh thần nhân đạo, sống với chánh tri kiến từ bỏ các ác kiến

tà nguy. Phật dạy, “cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này. Nhưng này các Tỳ-kheo, ai đối với mẹ cha không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ.” [9] Ở lời dạy này, đức Phật đã nhấn mạnh đến ý nghĩa cao quý của việc hướng dẫn cha mẹ đến con đường hoàn toàn giải thoát.

Vậy nên, người con hiếu hạnh theo truyền thống Nguyên thủy có bốn việc cần nắm lòng để thực hiện. Một là sự tôn trọng và quý kính cha mẹ. Hai là sự tự ý thức trách nhiệm với ba vấn đề lớn gồm: phụng dưỡng cha mẹ để nuôi lớn hạnh phúc, gìn giữ sản nghiệp, và bảo vệ gia phong-văn hóa tâm linh gia tộc. Ba là đem lại niềm vui bằng việc cung dưỡng cả đời sống vật chất cũng như thức ăn tinh thần. Cuối cùng là hướng dẫn tu tập Phật pháp để tự mình có thể gỡ bỏ được mọi đau khổ là vậy.

Trong Đại thừa Phật giáo, vấn đề báo hiếu được chú trọng và trình bày ở hai bản kinh rất phổ biến là Đại Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh [10] (Kinh Địa Tạng) và Phật Thuyết Vu Lan Bồ Đề Kinh [11]. Đầu tiên, Kinh Địa Tạng, bản kinh được Phật thuyết giảng trên cung trời Đao Lợi, cho thánh mẫu Maya-nhấn mạnh yếu tố hiếu đạo của Phật, với phương pháp độ mẹ bằng chánh pháp [12]. Lại nữa, trong bản kinh cũng đề cập đến câu chuyện báo hiếu của ngài Quang Mục, một tiên thân của Địa Tạng Bồ Tát [13]. Nội dung toàn bộ câu chuyện thuyết về bốn phương thức báo hiếu của Quang Mục và theo lời dạy của La Hán, thời đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục, như sau: Một, Quang Mục vì mẹ đã khuất mà cúng dường, làm phước [14]. Hai, La Hán chỉ dạy phương pháp niệm danh hiệu Phật, cùng xây đắp Phật tượng [15]. Ba, thành tâm, cung kính, cúng dường, đánh lễ Phật tượng [16]. Bốn là với tâm bi mẫn, pháp nguyện rộng lớn [17]. Như thế, việc báo hiếu theo Đại thừa đối với cha mẹ đã khuất, nhấn mạnh ở sự trợ lực của chư Phật Bồ Tát Thánh Tăng, cùng với sự nội tu giới định tuệ của người con nhằm trợ giúp cho hương linh phụ mẫu quá cố được về cõi an lành. Đây là sự kết hợp hài hòa giữ tự lực và tha lực để hóa độ chúng sanh, theo truyền thống Đại thừa.

Thứ đến là, Phật Thuyết Vu Lan Bồ Đề Kinh, diễn tả phương pháp báo hiếu của tôn giả Mục Kiền Liên (Mahāmaudgalyāyana): Một là nương nơi uy thần của mười phương Tăng, [18] và cúng dường tứ sự nhân ngày tự tử, nương sức thành tâm chú nguyện của chư Tăng mà mẹ cha hiện tiền được sống thọ cũng như cha mẹ trong bây đời quá khứ được an vui chốn thiện lành [19]. Hai là duy trì,

giữ gìn và thực hành pháp Vu lan [20]. Đây là diễn trình cụ thể của việc báo hiếu theo nghi thức của Phật giáo Đại thừa.

Ngoài ra còn có hai bài kinh Phật Thuyết Phụ Mẫu Ân Nan Báo [21] và Phật Thuyết Phụ Mẫu Ân Trọng Kinh [22]. Kinh Phật Thuyết Phụ Mẫu Ân Nan Báo chủ yếu nhấn mạnh việc giúp cha mẹ có niềm tin, có giới, có đa văn, có bố thí, có trí tuệ; và đặc biệt là có niềm tịnh tín với Phật, Pháp, và Tăng [23]. Theo Phật Thuyết Phụ Mẫu Ân Trọng Kinh, đức Phật đã khẳng định ân đức của cha mẹ là vô lượng, cần phải báo đáp bằng hai phương pháp: Một là tạo phước chép kinh, thiết lễ Vu Lan, cúng Phật và chư Tăng [24]. Hai là vì cha mẹ đọc tụng trì kinh Phụ Mẫu Ân Trọng Đại Thừa Ma Ha Bát Nhã Ba-la-mật Kinh để tiêu trừ nghiệp chướng, thường gặp Phật pháp, đạt được giải thoát. [25]

Với truyền thống tư tưởng Đại thừa, bốn bản kinh văn này đã không chỉ nhấn mạnh đến báo ơn cha mẹ đã khuất mà còn hướng đến cung dưỡng để phát triển các giá trị tâm linh và vật chất cho cha mẹ hiện thế. Phương pháp chính là nương nhờ và cúng dường Tam bảo, tựa nơi công đức tu hành/pháp lực của chư Tăng. Lại thêm người con phải có sự nội tu, có tâm thành chí thiết, biết tu tập pháp niệm hồng danh Phật, đánh lễ Phật tượng cùng phát tâm tử bi vì tha nhân mà lập hành Bồ Tát. Tự lực, tha lực và chí nguyện của tử bi lực là con đường Bồ tát để một chúng sanh hưởng thượng mà theo các nhà Đại thừa đây là con đường đi đến Phật quả.

Qua đây, cả truyền thống Nguyên thủy và Đại thừa đều nhấn mạnh đến việc tri ân và báo ân cha mẹ. Hiếu hạnh là vấn đề quan trọng được đức Phật quan tâm và đề cao. Tuy nhiên, về phương cách báo hiếu, như trên ta nhận thấy có những điểm dị biệt. Với Nguyên thủy Phật giáo, báo hiếu là nhấn mạnh đến cha mẹ hiện tiền trong các phương diện như: tôn quý, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn truyền thống tâm linh và gia sản, cung cấp đầy đủ các loại thức ăn từ vật chất đến



tin thần, hướng cha mẹ đến với Phật pháp. Trong khi đó, các nhà Đại thừa thì không chỉ nhấn mạnh đến việc báo hiếu cha mẹ hiện tiền mà còn cha mẹ đã quá vãng. Quan tâm nhiều vào vấn đề báo hiếu cho cha mẹ đã khuất với ba góc độ chính: cầu nguyện tha lực của chư Phật, Bồ-tát, Thánh Tăng; tự nỗ lực tu tập gồm: bố thí tạo phước, thiết trai cúng dường, tụng kinh, niệm Phật, lễ Phật; phát đại nguyện lực, phát tâm bồ đề, trưởng dưỡng tử bi tâm, để nuôi lớn hạt giống giác ngộ.



Tóm lại, hiếu hạnh là Phật hạnh, do đó, báo hiếu được cả Nguyên thủy và Đại thừa Phật giáo chủ trương và chú trọng. Phương cách báo hiếu cha mẹ hiện tiền được Phật giáo Nguyên thủy quan tâm thiết lập một cách có hệ thống và đầy đủ, đã kiến tạo được tiêu chuẩn-chuẩn mực của một người con hiếu để. Các nhà Phật học Đại thừa đã kế thừa toàn bộ các tiêu chuẩn hiếu hạnh, đồng thời còn bổ sung thêm việc báo hiếu cho cha mẹ đã khuất với các lễ nghi, phương thức cụ thể từ tự lực tu tập đến nương nhờ tha lực, cuối cùng là từ đó để pháp tâm nguyện bồ đề. Cả hai trường phái đều xác nhận, báo hiếu cha mẹ hiện tiền là không chỉ cúng dường đủ đầy vật chất mà còn hướng dẫn cha mẹ có lòng tịnh tín với Tam bảo, có đủ đầy tín, giới, đa văn, thí, tuệ giác. Nghĩa là phương pháp báo hiếu tốt nhất, không gì khác là giúp cha mẹ tin hiểu và giác ngộ Pháp Phật, vì đây là con đường diệt khổ dứt luân hồi.

[1] Đức Quang, *Vu Lan* tại <https://thuvienhoasen.org/a28509/vu-lan>

[2] Xem 'Chương Ba Pháp, Phẩm Sứ Giả Của Trời,' trong *Kinh Tăng Chi Bộ*, 1996, Thích Minh Châu dịch, VNCPH. Việt Nam, Hồ Chí Minh, t.1, tr.236-237:

Phạm Thiên, này các Tỳ Kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Các Đạo sư thời xưa, này các Tỳ kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Đáng được cúng dường, này các Tỳ kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Vì có sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỳ kheo, là cha mẹ đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời.

và Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tăng Chi Bộ*, Sđd, t.1, tr.685.

[3] W.Rahula, *Đức Phật đã dạy những gì*, Thích nữ Trí Hải dịch, Nxb. Tôn giáo, tr.181.

[4] *Kinh Tương Ưng*, Sđd, t.2, tr.314.

[5] *Kinh Trường Bộ* (2013), Sđd, tr.628.

[6] Tham khảo "Chuyện Hiếu Tử Sutana" trong *Kinh Tiểu Bộ* (2002), Thích Minh Châu dịch, Nxb.Tôn Giáo, t.7, tr. 20-29.

[7] *Kinh Tăng Chi Bộ*, Sđd, t.1, tr. 679

[8] *Kinh Tăng Chi Bộ*, Sđd, t.1, tr.119.

[9] *Kinh Tăng Chi Bộ*, Sđd, t.1, tr.119 - 120.

[10] Tên tiếng Phạn là Kṛitigarbha Bodhisattva Pūrvapraīdhāna Sūtra, tiếng Trung Quốc: 地藏菩薩本願經, tiếng.Anh 'Sutra of the Fundamental Vows of the Bodhisattva Kitigarbha'.

Kinh được ngài Thật-xoa-nan-đa là tu sĩ người Vu Điền dịch, thời nhà Đường ở trong Taishō Tripiaka tập 13 số 412. 紙本 來源: 大正新修大藏經刊行會編/ 東京: 大藏出版株式會社. (<http://triptaka.cbeta.org/T13n0412>)

[11] 佛說孟蘭盆經 do thầy Trúc Pháp Hộ (226-303) người Nguyệt Chi phiên dịch từ Phạn sang Hán trong 大正藏, T16. No.0685. (http://triptaka.cbeta.org/T16n0685_001). *Kinh Vu lan bồn*, Trí Quang dịch Việt, Nhà in Sen Vàng, Sài Gòn, 1971. (<https://thuvienhoasen.org/p16a22001/4/kinh-vu-lan>)

[12] "Không những như vậy, sự ký thác này, và kinh đại nguyện này của Địa tạng đại sĩ, được Phật thực hiện và tuyên thuyết khi ngài lên Đạo lợi thuyết pháp cho mẹ, trước ngày nhập niết bàn. Như vậy, chính việc đem chúng sinh ký thác cho Địa tạng đại sĩ, và việc nói về đại nguyện của Địa tạng đại sĩ, là việc báo hiếu của Phật, đối với mẹ và đối với chúng sinh." Xem 'Ghi Về Địa Tạng Đại Sĩ,' trong *Kinh Địa Tạng*, 1999, Trí Quang dịch, VNCPH Việt Nam, Hồ Chí Minh, tr.42.

[13] T13. No.0412. 0781a29-b01: 光目母者即 解脱菩薩是

[14] T13. No.0412. 0780c18-c19: '遇一女人, 字曰光目, 設食供養.'

[15] T13. No.0412. 0780c26-27: '汝可志誠念清淨蓮華目如來, 兼塑畫形像.'

[16] T13. No.0412. 0780c28: '光目聞已, 即捨所愛, 尋畫佛像, 而供養之。復恭敬心, 悲泣瞻禮.'

[17] T13. No.0412. 0781a24-25: '汝大慈愍, 善能為母發如是大願'

[18] T16. No.0685. 0779b08-09: '當須十

方眾僧威神之力乃得解脫。’

[19] T16. No.0685.
0779b12-27: “十方眾僧於七月十五日僧自恣時，當為七世父母及現在父母厄難中者，具飯、百味五果、... 時佛勅十方眾僧，皆先為施主家呪願七世父母行禪定意，然後受食。初受益時，先安在佛塔前，眾僧呪願竟，便自受食”

[20] T16. No.0685
0779c20: “若一切佛弟子應當奉持是法”

[21] Do An Thễ Cao, người An Tức, dịch vào thời Hậu Hán trong 大正藏, 佛說父母恩難報經, T.16. No.0684. (tripitaka.cbeta.org/zh-cn/T16n0684_001)

[22] Khuyết danh dịch giả, 大正藏, 父母恩重經, T85. No.2887. (tripitaka.cbeta.org/T85n2887_001)

[23] T16. No. 0684 0778c-0779a: 若父母無信，教令信，獲安隱處；無戒，與戒教授，獲安隱處；不聞，使聞教授，獲安隱處；慳貪，教令好施，勸樂教授，獲安隱處；無智慧，教令點慧，勸樂教授，獲安隱處。如是信如來... 諸法甚深...教令信聖眾...

[24] T85. No.2887
1403a10-12: 能為父母作福造經。或以七月十五日能造佛槃盂蘭盆。獻佛及僧得果無量。能報父母之恩。 Và T85. No.2887
1404a17-19: 若有一切眾生。能為父母作福造經燒香請佛禮拜供養三寶。或飲食眾僧。當知是人能報父母其恩。

[25] T85. No.2887
1404a11-13:若善男子善女人。能為父母受持讀誦書寫父母恩重大乘摩訶般若波羅蜜經一句一偈。一逕耳目者所有五逆重罪悉得消滅。永盡無餘。常得見佛聞法。速得解脫。

明心論

明心見性本來空
生死死生體性同
了悟方知無一物
未通妄起有千隅
千差萬別皈真性
百異億殊向妙宗
法法緣生空實相
真如妙體見相逢

釋祝賢(感作)



MINH TÂM LUẬN

*Minh tâm kiến tánh bản lai không
Sanh tử tử sanh thể tánh đồng
Liễu ngộ phương tri vô nhất vật
Vị thông vọng khởi hữu thiên ngưng
Thiên sai vạn biệt quy chơn tánh
Bách dị ức thù hương diệu tông
Pháp pháp duyên sanh không thật tướng
Chơn như diệu thể kiến tương phùng.*

THÍCH CHÚC HIỀN
(cảm tác)

Dịch thơ:

MINH TÂM LUẬN

*Sáng tâm thấy tánh xưa nay không
Sống chết chết sống thể tánh đồng
Liễu ngộ mới hay không một vật
Chưa thông vọng khởi có ngàn khung
Ngàn sai muôn khác về chơn tánh
Trăm dị ức thù hương diệu tông
Các pháp duyên sanh không tướng thật
Chơn như thể diệu gặp tương phùng.*

TRÚC NGUYỄN
(phỏng dịch)

KHOI NỔ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

Thích Nhất Hạnh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Hồi ta trạc tuổi hai con, ta đã từng thấy rất bơ vơ. Ta không biết ta sẽ đi về đâu. Có một đêm nọ ta nằm mơ thấy mình đang nằm trong ngôi nhà thờ họ của chúng mình, và ta thấy trong lòng êm ả, lắng dịu. Ngôi nhà thờ họ đối với ta lúc đó như là một nơi che chở cho ta an toàn nhất. Lúc thức dậy, ta chợt thấy bơ vơ thêm lên. Thì ra trong giấc mơ, tiềm thức ta đã đưa ta trở về trốn tránh nơi truyền thống văn hóa dân tộc. Nhà thờ họ, cũng như bàn thờ tổ tiên là tượng trưng cho truyền thống đó. Trong ngôi nhà tổ phụ, và trong bất cứ ngôi nhà nào khác, bàn thờ tổ tiên được đặt ở vị trí trung ương và tôn quý nhất.

(lược bớt một đoạn—CP)

Bàn thờ tổ tiên còn là biểu tượng rất quan trọng cho truyền thống dân tộc. Nhờ bàn thờ ấy mà chúng ta cảm thấy sự hiện diện của

ông bà cha mẹ bên ta, nhất là vào những dịp Tết nhất và kỵ giỗ. Trong ngày kỵ giỗ, người gia trưởng trong khi khăn vái thực sự xúc tiếp với tổ tiên mình. Lấy cớ rằng sự thờ cúng tổ tiên là mê tín mà dẹp bỏ bàn thờ tổ tiên, ta thấy đó là một hành động phá hoại văn hóa rất nguy hại. Nếu bàn thờ tổ tiên mà bị dẹp bỏ thì ai trấn ngự trên bàn thờ tổ quốc? Và bàn thờ tổ quốc còn có nghĩa lý gì? Người mà không có linh hồn thì nước làm gì có?

Khởi Nổ Được Chất Liệu Văn Hóa

Dân tộc ta ngày xưa có tục đốt vàng mã mà bây giờ ta gọi là một hủ tục. Ta chề đó là mê tín. Ta không tin rằng đốt áo quần tiền bạc bằng giấy thì thân nhân ta ở cõi âm có áo quần để mặc và tiền bạc để tiêu xài. Ta không thấy được rằng hành động đốt vàng mã biểu hiện lòng thương nhớ lo lắng của người còn sống đối với người đã khuất. Cái





chất liệu văn hóa của sự đốt vàng mã là lòng nhớ thương và niềm chung thủy. Ta có thể bãi bỏ tục đốt vàng mã, lấy cố rằng điều đó có hại cho nền kinh tế quốc gia, nhưng ta chỉ có thể và chỉ nên làm như thế sau khi đã tìm ra những hình thức sinh hoạt văn hoá khác thay thế cho việc đốt vàng mã. Nếu không thì ta đã vô tình dẹp bỏ một nếp sống tình cảm rất trung hậu và đẹp đẽ trong truyền thống văn hóa ta. Nói tới cái lợi và cái hại kinh tế thì không cùng. Chế tạo vũ khí và theo đuổi chiến tranh thì hại cho kinh tế vô cùng mà ta không hề nói tới. Ta có thể xuất tiền hàng triệu ra mua thức ăn này thức khác, nhưng ta đâu có thể mua được lòng thương nhớ và nghĩa vẹn toàn bằng tiền bạc. Vậy thì tại sao ta nói đến cái hại kinh tế của sự đốt vàng mã. Pháo ta đốt ngày Tết cũng có hại kinh tế lắm chứ. Nhưng ta cứ đốt, bởi vì nó cho ta niềm vui và lòng hy vọng ở năm mới hạnh phúc và thịnh vượng hơn.

Cách đây hai chục năm, hồi các con còn trứng nước ta có viết một đoản văn tên là *Bông Hồng Cài Áo* về tình mẹ con. Từ ấy đến nay, năm nào giới trẻ xứ ta cũng tổ chức hội Bông Hồng Cài Áo. Đoàn văn ấy đã cảm động được trái tim của tuổi trẻ, đã làm cho họ ý thức được sự quý giá của bà mẹ bên mình, đã làm cho bao nhiêu người được sung sướng, con cũng như mẹ. Tuy nó không phải là một cuốn kinh như kinh Vu Lan nhưng nó cũng có thể có một tác dụng tương tự như tác dụng kinh Vu Lan. Tuy nó rất khác với sự đốt vàng mã, nó cũng nuôi dưỡng được lòng thương yêu như việc đốt vàng mã. Các con hãy nhìn bàn thờ tổ tiên, cây cau, cây nêu, đồng rơm, miếng trầu v.v..., hãy lắng nghe những câu ca dao, những lời ru tiếng hát và những tiếng nói tiếng cười của người dân trong xóm v.v., các con sẽ thấy được những gửi gắm âm thầm của truyền thống văn hóa

dân tộc. Nhiệm vụ của các con là khơi nôi cho được những giá trị của truyền thống văn hóa dân tộc để có thể làm giàu có thêm cho truyền thống ấy.

Tôi và Ông

Truyền thuyết một mẹ trăm con cho ta thấy tổ tiên của chúng ta từ ngày xưa đã quan niệm trăm họ như một nhà, và dân tộc ta là một đại gia đình. Ngôn ngữ của ta cũng bộc lộ ý hướng ấy. Tiếng "tôi" trong ngôn ngữ Việt Nam không phải là một tiếng tôi cộc lốc như trong các ngôn ngữ khác. Nói đúng hơn, trong ngôn ngữ ta không có những đại danh từ chỉ nhân vật như *je* và *vous*, như *I* và *you*, như *ngô* và *nị*. Các con để ý nhận xét mà coi. Nếu đi ngoài đường mà gặp một người thì ta phải thiết lập một thứ liên hệ thân thuộc nào đó giữa ta và người đó trước khi ta có thể mở miệng nói chuyện. Nếu người ấy hơi lớn hơn ta hoặc bằng ta, ta sẽ gọi bằng Anh hoặc Chị và ta tự xưng em. Anh Hai, Chị Ba v.v., đó là những tiếng ta quen dùng để gọi người trạc tuổi của anh chị ta. Nếu người ấy lớn tuổi hơn ta nhiều, ta gọi bằng Chú, bằng Bác, bằng Dì, bằng Cô hoặc bằng Ông, bằng Bà và ta tự xưng là Cháu. Dùng tiếng tôi thì có vẻ cộc lốc, lạt lẽo. Với lại tiếng "tôi" xưa kia vốn là tiếng khiêm nhường của người thần dân tự xưng với vua, của người đầy tớ tự xưng với chủ. *Tôi* có nghĩa là bầy tôi (votre sujet) của vua, hoặc tôi tớ (votre serviteur) của chủ. Tiếng "ông" và tiếng "bà" mà ta thường tưởng là tương đương với đại danh từ *vous* hay *you* thật ra chỉ là tiếng tôn xưng người đối diện, cho họ đáng bực ông và bà của ta. Tất cả mọi xưng hô trong ngôn ngữ ta đều phải được đặt trong liên hệ gia tộc.

Câu "Cháu xin lỗi bà" ta thiết nghĩ không thể dịch ra Pháp văn là "je vous demande pardon" được. Cái tinh thần của ngữ pháp khiến ta có khuynh hướng muốn dịch: "la petite fille voudrait demander pardon à sa grande mère". Nếu ta nghe câu tiếng Pháp này không êm tai, đó là tại vì hai văn hóa khác nhau, hai ngôn ngữ khác nhau. Một ngôn ngữ mà không có những đại danh từ nhân vật ngôi nhất và ngôi hai như thế kể cũng hiếm có trên thế giới con nòi. Trong những chi tiết như thế, giống nòi đã ký thác cho ta biết bao nhiêu niềm ước vọng, biết bao điều mong mỏi. Ta hãy trở lại khai thác tiềm lực của chính ta ngay trong văn hóa ta trước đã.

(Trích trong sách "Tương lai văn hóa Việt Nam - viết cho thằng Cu và con Hím" của Sư Ông Làng Mai)



NẮNG KHUYA

Nắng xanh lên hàng cau
Nắng vàng mây liếp trâu
Nắng hồng đôi mắt mẹ
Nắng bạc dòng sông sâu.

Nắng ngời ánh mắt chị
Qua sông làm cô dâu
Bên người chồng yêu quý
Mẹ mong gì hơn đâu.

Nắng buồn lên mắt anh
Ngày anh ra thành phố
Mẹ đứng bên bờ tranh
Một nghiêng vào thờ gỗ.

Nắng xanh màu tóc con
Áp yêu thời thơ trẻ
Con đùa lội sang sông
Lục bình vương mắt mẹ.

Nắng vàng xưa đẹp quá
In mãi trong lòng con
Đồng mây mùa xanh lá
Đời bao lần lớn khôn.

Từ ngày con xa mẹ
Mây bay mù núi kia
Từ ngày con mất mẹ
Nắng hóa thành nắng khuya.

CHÉN TRÀ TRONG SƯƠNG SỚM

Ngoài sân liềm trăng chưa mất
Lá mềm ủ giọt sương đêm
Nước reo trong hơn suối hát
Hương trà xanh đầy mắt em.

Long lanh một màu khói biếc
Vờn bay thành giấc mơ hoa
Chờ chi kiếp tâm hóa bướm
Nợ người vương mãi đường tơ.

Thoảng nghe tiếng gà gọi sáng
Nhẹ nâng chén ngọc trong ngân
Tan theo một màu sương trắng
Cho đời còn chút thanh tân.

Ai về tựa bên khung cửa
Ngại ngần đánh thức tâm xuân
Bếp hồng quần quanh hương lửa
Thời gian tràn gió vô thanh.

Nhấp chén trà trong sương sớm
Lòng còn bát ngát hương sen
Chuông ngân bên bờ tĩnh lặng
Hoa ngâu vừa rụng ngoài hiên.

thơ

LƯƠNG MẠNH

Trái tim của Mẹ

THÍCH NỮ TRÍ HÀI

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Ngày xưa, có một cậu bé ở với mẹ trong một túp lều ven rừng. Ngày ngày cậu đi vào rừng hái củi bán để nuôi mẹ. Mẹ cậu ở nhà nấu cơm, vá áo, chăm sóc những luống rau. Hai mẹ con sống nghèo nàn hẩm hút, nhưng không kém về đầm ấm, bởi vì tình thương của mẹ vốn đã là điều kiện cần và đủ cho một con người.

Nhưng cậu bé lớn dần và bắt đầu đi xa hơn trong những buổi kiếm củi. Hồn cậu cũng bay xa hơn trong những mộng ước, mong chờ. Cho đến một chiều nọ, trên đường hái củi cậu bắt gặp một bóng hồng thiếu nữ bên suối biếc. Kể từ hôm ấy, bát cơm nguội trên tay mẹ âu yếm đưa cho cậu ăn đỡ đói lòng mỗi khi trở về, không còn hương vị nữa. Cậu bắt đầu tiếc nhớ băng khuâng, người trở nên thờ thẩn, mất hồn. Bà mẹ lo lắng hỏi han, cậu gặt gồng với mẹ. Tình yêu hay đúng hơn, sự mê gái, đã làm cậu lú lẫn mê muội rồi. Mẹ càng chăm sóc ân cần, cậu càng khó chịu, muốn bỏ nhà ra đi... theo bóng hồng bên suối biếc.

Ôi, phải chăng nàng là tiên nữ giáng trần? Cậu cảm như chưa bao giờ thấy một người con gái đẹp đến thế. Mỗi dáng vẻ, động tác của nàng đều làm cho cậu mê mẩn tâm thần:

*Trúc xinh trúc mọc bờ ao
Em xinh, em đứng chỗ nào cũng xinh.*

Huống chi nàng lại đứng bên bờ suối phản chiếu ánh trời chiều long lanh với muôn màu sắc: màu xanh của mây, màu vàng, đỏ, tím của hoa rừng, màu lục biếc của cây lá... Giữa thiên nhiên kỳ tuyệt ấy, nàng nổi bật như một đóa hoa vương giả khoe tươi.

"Thầm yêu trộm nhớ bấy lâu đã chôn"...
Thanh niên đánh bạo đến gần người đẹp. Thiếu nữ vừa trông thấy cậu đã khóc òa:

- Chàng ôi! Thiếp không còn sống được bao lâu nữa nếu...

Giọng oanh vàng nức nghẹn. Thanh niên hỏi dồn:

- Tại sao, tại sao, nàng hỏi! Tôi sẽ làm bất cứ gì để đem lại sự sống cho nàng, dù có phải mất mạng.

Thiếu nữ mở lớn đôi mắt bồ câu xinh:

- Thật không, ồ xin chàng hãy cứu thiếp! Thiếp đau bệnh nan y, thầy thuốc bảo chỉ có nuốt vào mình trái tim nóng hổi của một người mới tắt thở, họa may hết bệnh. Nếu chàng cứu thiếp, thiếp xin hứa sẽ trọn đời sửa tui nâng khăn.

- Xin nàng hãy đứng chờ.

Thanh niên chạy như bay một mạch về túp lều. Bà mẹ tựa cửa trông con, trong chỗ tranh sáng tranh tối, cậu va cái cốc vào đầu

mẹ. Tien thể, cậu rút ngay con dao ở vách lều, thọc vào ngực bà, moi ra trái tim còn nóng hổi. Cậu bung trái tim mẹ hối hả chạy ngược trở lại bờ suối.

Mặt trời đã lặn khuất sau đồi. Bóng lá cây đen dày che rợp lối đi. Ba bốn lần cậu suýt vấp ngã vì vôi vàng hấp tấp. Bỗng nghe một tiếng nói hiền từ đâu đây vọng lại:

- Con ơi, chạy chậm bước lại kẻo té, con ạ!

Cậu giật mình đứng lại ngỡ ngác nhìn quanh. Nhưng cậu chợt hiểu. Thì ra tiếng nói kia vang lên từ trong hai lòng tay cậu, từ TRÁI TIM CỦA MẸ!

(trích tác phẩm Đường Về của NS Trí Hải)



HIẾU THẢO VỚI MẸ CHA ĐẦY ĐỦ CÓ BỐN PHẦN

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Hiếu Thảo đúng đầu hạnh lành,
Làm con nhớ phải thực hành thường xuyên.
Cha mẹ; Phật sống chớ quên.
Con CHỈ HIẾU, phước tạo nên đời dào!

Hiếu thảo gồm bốn phần sau:
Cổ nhớ kĩ, áp dụng sao cho rành.
Hiếu Tâm: tưởng nhớ chân thành,
Công lao dưỡng dục, sinh thành mẹ cha.

Hiếu Dưỡng: chăm cha mẹ già.
Phải lo quần áo, cửa nhà, uống ăn.
Đau ốm có sẵn thuốc men,
Qua đời, tang chế việc nên chu toàn.

Hiếu Hạnh: con nhớ đáp ân:
Song thân hãnh diện việc con cần làm:
Nhỏ: học giỏi; **Lớn:** công việc chăm,
Biểu lộ tính tốt, góp phần thành công.
Chân thật, uy tín, hòa đồng.
Người nghèo giúp đỡ, rất mong thường làm.

Hiếu Đạo: khắc cốt ghi tâm:
Hướng cha mẹ vào đường lành như sau:
Hiếu luật Nhân Quả cho sâu.
Làm thiện, lánh ác là câu răn mình.

Cúng dường, Bồ thí, Phóng sinh,
Sám hối, giữ Giới, nhiệt tình Trường trai.
Hàng tháng thọ Bát Quan Trai,
Đi chùa niệm Phật hàng ngày chảnh quên.

Cha mẹ chết, việc trước tiên,
Cầu siêu độ, việc gấp nên tiến hành.
Làm điều thiện, đọc chú Vãng sanh,
Ăn chay, niệm Phật chí thành, thiết tha:
Hồi hướng công đức cho mẹ cha,
Cầu về Cực Lạc, thật là tốt thay.

Mong ai nhớ kĩ điều này:
Song thân quá vắng đừng bày rình rang:
Linh đình đãi mặn họ hàng,
Heo, bò,... bia, rượu ngập tràn bàn ăn.
Tưởng trả hiếu, mở mặt xóm làng!
(nào ngờ) Hương linh cha mẹ chịu ngàn
đặng cay.
Đọa ba đường ác: khổ thay!
Nên luôn ghi nhớ cúng Chay: hàng đầu!
Mình phụng dưỡng cha mẹ ra sao,
Thì con đáp lại, khác đâu mình làm!
Khắc sâu điều ấy trong tâm,
Đó là NHÂN QUẢ, chẳng lằm sai đâu!

Chúng tôi nghĩ một bài văn vẫn khó nói lên hết những điều quan trọng của một đề tài nên xin mời quý vị đọc 4 phần sau để hiểu rõ đầy đủ sự thực hành hiếu thảo:

HIẾU THẢO VỚI CHA MẸ CÓ MẤY PHẦN

Phải làm tất cả 4 phần:

- Hiếu tâm,
- Hiếu dưỡng,
- Hiếu hạnh,
- Hiếu đạo.

1. HIẾU TÂM LÀ NHƯ THẾ NÀO?

Là sự thương yêu, tôn kính chân thành từ lòng mình vì nghĩ đến sự vất vả sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ.

2. HIẾU DƯỠNG LÀ NHƯ THẾ NÀO?

Là chăm sóc cha mẹ về vật chất.





- Thí dụ:
- Đỡ đần công việc, lo miếng ăn, thức uống, áo quần, nhà cửa...
 - Cha mẹ đau ốm thì lo thuốc men, chăm sóc.
 - Cha mẹ qua đời thì lo tang chế chu đáo.

3. HIẾU HẠNH LÀ NHƯ THẾ NÀO?

Là làm cho cha mẹ hạnh diện vì những đức hạnh tốt đẹp của con.

- Thí dụ:
- Học hành chăm ngoan được nhà trường khen ngợi.
 - Hiền lành, hòa nhã với mọi người, tiếng lành bay về cha mẹ.
 - Cứu giúp người nghèo khổ, cha mẹ thơm lây.

4. HIẾU ĐẠO LÀ NHƯ THẾ NÀO?

Là hướng dẫn cha mẹ đi vào con đường thánh thiện, để đời này và đời sau cha mẹ được nhiều phước báo, không đọa lạc vào đường khổ.

- Thí dụ:
- Khuyên cha mẹ tin luật nhân quả tội phước, đừng làm điều ác.
 - Khuyên cha mẹ quy y Tam bảo, niệm Phật, giữ Ngũ giới, bổ thí, phóng sinh...
 - Nếu cha mẹ đã biết tu rồi, thì người con phải hỗ trợ thêm điều kiện tốt để cha mẹ tiến bộ.

Thí dụ, cúng dàng việc nhà cho cha mẹ đi chùa, niệm Phật, thọ Bát quan trai, hoặc đưa tiền cho cha mẹ cúng dường, làm từ thiện.

- Khi cha mẹ qua đời thì cầu siêu cho cha mẹ chứ không làm đám tang rình rang, giết thịt ăn nhậu, như thế cha mẹ càng thêm tội.

Tóm lại, trong 4 phần báo hiếu, có thể nói hiếu đạo là quan trọng nhất.

Phần ghi trên nói đến sự Hiếu Thảo với cha mẹ theo quan niệm của Đạo Phật. Còn theo người đời, một số người nghĩ sự Hiếu Thảo với Cha Mẹ theo một cách khác. Họ không cần hướng cha mẹ vào con đường lành, con đường tâm linh. Theo họ, chu cấp cho cha mẹ đầy đủ về vật chất đã trọn hiếu rồi. Ở xã hội hiện tại, ai làm được vậy cũng đã là tốt lắm.

Ở đây, chúng tôi xin góp ý kiến với số người hiếu thảo với cha mẹ qua việc cung cấp vật chất đầy đủ. Chúng tôi mong quý vị *đừng bao giờ để người nhà ra chợ nói người bán làm gà, vịt, cá, lươn, ba ba, ếch... còn sống đem về nhà cho cha mẹ ăn hay cúng giỗ*. Theo quan niệm đạo Phật, ăn thịt súc vật làm sẵn cũng mang tội gián tiếp sát sanh. Còn bảo người khác giết vật còn sống cho mình và thân nhân ăn, lại mang tội nặng hơn. Nhân tiện xin nói thêm: Nếu chấp nhận

NGƯỜI CON HIẾU HẠNH

(Lời Cha dạy)

*Này con, hãy nói lời yêu thương Mẹ,
Nói lên, đừng chờ đợi đến ngày mai.
Bao tâm tình, sâu kín từ lâu dài,
Cho tình mẫu tử, ấm hoài năm tháng.*

*Nguồn an lạc, cầu cho Mẹ đêm ngày,
Lòng hiếu thảo, con luôn ghi nhớ mãi.
Mai này Mẹ già, thân yếu hao gầy,
Nhưng dòng máu mẹ tràn đầy con trẻ.*

*Nói lên kẻo trễ, khi Mẹ ra đi,
Rồi thương khóc, sầu bi và buồn nhớ.
Kìa vòng hoa, bia đá có nghĩa gì?
Trần gian tìm đâu, bóng Mẹ Từ Bi?*

*Nâng tay Mẹ: “Con thương Mẹ lắm thay”!
Lời êm ái, yêu thương, dịu ngọt này.
Hành trang ấy, mai Mẹ vào cửa Phật
Con cúi đầu tiễn Mẹ về Phương Tây.*

thơ NGUYỄN NGÔ

Vu Lan, San Jose

điều vừa ghi là đúng, vậy từ nay, xin đừng đặt **heo quay** vào các dịp lễ cưới và thôi nôi của con, cháu. Đây là tục lệ mà người con Phật không bao giờ nên làm. Xin thành thật cảm ơn quý vị đã tin và làm theo.

Sau khi đọc xong bài viết, chúng tôi mong quý vị nào tin Phật pháp, hãy cố gắng làm đúng bốn phần trên. Được vậy sẽ làm vui lòng cha mẹ lúc sanh tiền cũng như sau khi mất, và cũng để gọi là đền đáp phần nào công ơn trời biển của mẹ cha.

Nếu nhiều người cùng làm tốt, chúng tôi xin đem công đức có được này, hồi hướng về khắp tất cả pháp giới chúng sanh tương lai đồng sinh về Tịnh độ.

Xin chân thành biết ơn quý vị đã đọc bài viết và cùng chúng tôi thực hành.

Trân trọng,

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

BÁT CHÁNH ĐẠO

“CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ”

THE NOBLE EIGHTFOLD PATH “Way to the End of suffering”

Nguyên tác **BHIKKHU BODHI**

Dịch Việt: Tỳ khưu Tâm Hạnh & Phật tử Tâm Cảnh

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG II CHÁNH KIẾN (Sammā Ditthi)

Tám chi phần của Bát Chánh Đạo không phải là những bước phải đi theo thứ tự tiếp nối, lần lượt hết bước này đến bước kia. Đúng hơn, chúng có thể được gọi là thành tố thay vì các bước, tựa như tất cả những tao của một giầy thừng bện lại với nhau làm cho sợi giầy bền chắc tối đa. Khi đạt đến một trình độ nào đó, tất cả tám thành tố có thể hiện diện cùng một lúc, phần này hỗ trợ cho phần kia. Tuy thế, cho đến khi (chưa) đạt đến trình độ đó, tất nhiên chúng phải nối tiếp trên con đường tu tập. Xét từ khía cạnh thực tế của sự tu tập, tám nhân tố được chia ra thành ba nhóm: (i) nhóm giới, rèn luyện đạo đức (sīlakkhandha), gồm có chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng; (ii) nhóm định (samādhikkhandha), gồm có chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định, và (iii) nhóm tuệ (paññākkhandha) gồm có chánh kiến và chánh tư duy. Ba nhóm này đại diện cho ba giai đoạn tu tập: tu tập rèn luyện đạo đức cấp cao, tu tập định cấp cao và tu tập trí tuệ cấp cao. [1]

Thứ tự của ba phần tu tập này được quyết định bởi mục tiêu khái quát và hướng đi của con đường tu tập. Vì mục đích tối hậu của con đường tu tập là dẫn đến giải thoát khỏi đau khổ, chớ nên tùy thuộc vào sự diệt trừ vô minh, điểm chính yếu của sự tu tập phải đổi nghịch trực tiếp với vô minh. Chính sự tu tập bằng trí tuệ với mục đích đánh thức sự hiểu biết thâm sâu, thấy được sự vật "như chúng đang là." Trí tuệ thâm sâu xuất hiện

theo cấp độ, nhưng ngay cả những lóe sáng yếu ớt nhất của tuệ quán cũng đã hàm chứa nền tảng của định tâm, không còn những rối loạn và mất tập trung. Định được đạt đến qua sự tu tập tâm định cấp cao (Tâm tầng thượng. ND), phần hai của con đường giải thoát, đem lại sự tĩnh lặng và tập trung cần có để phát triển tuệ giác. Nhưng để cho tâm tập trung trong định, chúng ta phải khống chế những tâm bất thiện thường chi phối những hoạt động của tâm. Khuyh hướng này làm tâm bị phân tán và trải rộng ra trong vô số suy nghĩ. Những tâm bất thiện này sẽ tiếp tục ngự trị bao lâu khi chúng còn được phép biểu hiện qua thân và miệng bằng hành động và lời nói. Do đó, ngay từ lúc bắt đầu tu tập, chúng ta cần phải chế ngự các bản năng của hành động nhằm ngăn ngừa chúng trở thành những dụng cụ của phiền não. Sự tu tập này được thực hiện bởi phần đầu của con đường tu tập, phần rèn luyện đạo đức. Như vậy, con đường tu tập trải qua ba giai đoạn, với sự rèn luyện đạo đức làm nền tảng cho định, với định làm nền tảng cho tuệ và tuệ là dụng cụ trực tiếp đạt đến giải thoát.

Đôi khi, chúng ta bị rối trí vì cách sắp xếp có vẻ thiếu đồng nhất về các thành tố của con đường tu tập và chương trình tam học (giới, định, tuệ. ND). Tuệ: gồm chánh kiến và chánh tư duy nhưng là giai đoạn cuối của chương trình tam học. Thế mà, những thành tố của chánh kiến lại đặt ở phần đầu của con đường tu tập thay vì ở phần cuối như người ta thường nghĩ theo tiêu chuẩn phải đồng nhất. Tuy nhiên, thứ tự tiếp nối của các thành tố trong con đường tu học không phải là kết quả của sự sơ sót vô ý mà nó được



quyết định bởi sự cân nhắc quan trọng trong chủ đích trợ lực. Nghĩa là chánh kiến và chánh tư duy có tính chất chuẩn bị sơ khởi đòi hỏi ngay từ đầu như thúc dục đi vào chương trình tam học. Chánh kiến cung cấp toàn phối cảnh cho tu tập, chánh tư duy cung cấp chủ ý cho đúng hướng. Nhưng cả hai không dừng lại trong vai trò chuẩn bị. Bởi vì, khi đã được thanh lọc trong phần huấn luyện giới và định, tâm sẽ đạt đến chánh kiến cao siêu, chánh chủ ý cao siêu và từ đây thành lập chương trình tu tập thích hợp bằng trí tuệ thâm sâu hơn.

Chánh kiến tiên phong cho cả con đường tu tập, dẫn đường cho những thành tố kia. Nó cho ta biết điểm khởi đầu, đích đến, và những dấu hiệu tiếp nối theo khi việc tu tập tiến xa hơn. Cố gắng dẫn thân vào tu tập mà không có nền móng chánh kiến sẽ có nguy cơ đi lạc vào vô ích trên con đường không có hướng đạo. Như vậy, tương tự như muốn lái xe đến một nơi nào đó mà không xem bản đồ hay chẳng nghe theo lời hướng dẫn của một tài xế kinh nghiệm. Người ta có thể lên xe và bắt đầu lái đi, nhưng thay vì đến gần địa điểm, rất có thể họ càng đi xa ra. Để đến chỗ mình muốn, người ta phải có ý niệm về hướng đi tổng quát và những con đường dẫn đến đó. Những cân nhắc tương tự có thể được áp dụng cho sự thực hành con đường tu tập, hoạt động trong khuôn khổ hiểu biết được thiết lập bởi chánh kiến.

Sự quan trọng của chánh kiến có thể được xác định từ thực tế, nghĩa là tầm nhìn của chúng ta ngay trên những vấn đề chủ yếu của sự thật và tiêu chuẩn này có ý nghĩa vượt lên trên niềm tin chỉ từ lý thuyết. Chánh kiến chi phối thái độ của chúng ta, hành động của chúng ta, toàn thể định hướng của chúng ta trong đời sống của mình. Quan điểm của chúng ta có thể không được hình thành một cách rõ ràng trong tâm. Chúng ta chỉ nắm được những khái niệm mơ hồ từ niềm tin của mình. Nhưng được định hình hay không, được hiển lộ hay giữ trong tiềm ẩn, những quan điểm này đều có ảnh hưởng rất sâu rộng với chúng ta. Chúng cấu trúc những khái niệm của chúng ta, xếp thứ tự cho các giá trị của chúng ta, kết thành một khuôn khổ tư tưởng mà chúng ta dùng để lý giải về ý nghĩa hiện hữu của mình trên thế gian này.

Theo đó, những quan điểm này qui định hành vi của chúng ta. Chúng nắm sau những chọn lựa và mục đích của chúng ta; và nỗ lực của chúng ta làm cho những mục đích này từ lý tưởng ra thực tế. Chính hành động có thể quyết định hậu quả nhưng hành động và hậu quả lại tùy thuộc vào những quan điểm mà từ đó chúng phát sinh. Vì quan điểm hàm chứa một "cam kết bản thể học," (ontological commitment) một quyết định về nghi vấn cái

gì là thật và đúng. Theo đó, quan điểm chia ra thành hai loại, chánh kiến và tà kiến. Loại đầu tương ứng với sự chân thật, loại sau đi lệch ra khỏi chân thật và củng cố cái giả ở vị trí của nó. Đức Phật dạy hai loại quan điểm này dẫn đến hai lối hành động hoàn toàn khác hẳn nhau và từ đó dẫn đến kết quả đối lập nhau. Nếu chúng ta có tà kiến, ngay cả khi nó còn mơ hồ, nó sẽ dẫn đến tiến trình hành động đưa đến kết quả là đau khổ. Mặt khác, nếu chúng ta theo chánh kiến thì quan điểm ấy sẽ hướng chúng ta về hành động chân chính và nhờ thế hướng về giải thoát khỏi đau khổ. Mặc dầu khuynh hướng nhận thức đúng hay sai về thế giới của chúng ta có thể một phần nào vô thường vô phạt, không có hậu quả gì đáng kể nhưng khi quan sát kỹ thì chánh hay tà hiện rõ ra, là yếu tố quyết định rất quan trọng cho sự phát triển suốt dòng đời tương lai của chúng ta. Chính Đức Phật tuyên bố Ngài không thấy một nhân tố duy nhất nào chịu trách nhiệm cho sự phát sinh những trạng thái bất thiện của tâm như tà kiến, và không có một nhân tố nào giúp ích cho sự phát sinh những trạng thái thiện của tâm như chánh kiến. Lại nữa, Ngài nói không có một nhân tố nào là nguyên nhân cho sự đau khổ của chúng sinh như tà kiến, và không có một nhân tố nào có uy lực làm phát triển việc thiện của chúng sinh bằng chánh kiến (Tăng chi bộ 1:16.2).

Trong phạm vi rộng rãi nhất của nó, chánh kiến bao gồm sự hiểu biết chính xác tất cả Giáo Pháp, hay lời dạy của Đức Phật. Như vậy, lãnh vực của chánh kiến rộng như chính Giáo Pháp. Nhưng đi vào những mục đích tu tập, có hai loại chánh kiến nổi bật. Một là **chánh kiến hợp thế**, chánh kiến hoạt động trong giới hạn của thế gian. Loại kia là **chánh kiến siêu thế**, chánh kiến cao siêu dẫn đến giải thoát khỏi thế gian. Loại thứ nhất liên quan đến các quy luật điều khiển sự diễn tiến vật chất và tinh thần trong vòng tái sinh với những nguyên lý dẫn đến các thân phận cao hơn hay thấp hơn của các loại chúng sinh, đến hạnh phúc hay đau khổ ở thế gian. Loại thứ hai liên quan đến những nguyên lý cần thiết cho giải thoát. Nó không những nhằm vào sự tiến bộ tâm linh từ kiếp này qua kiếp khác mà còn nhằm đến sự giải thoát ra khỏi luân hồi sinh tử.

Chánh Kiến Hợp Thế

Chánh kiến hợp thế liên quan đến sự thông hiểu chính xác về định luật của nghiệp, hiệu lực đạo đức của hành động. Gọi theo nghĩa đen của nó là "chánh kiến về hành động của chính mình" (kammassakata sammaditthi) và nó theo công thức tiêu chuẩn trong lời tuyên bố (của Đức Phật): "Chúng sinh là chủ nhân của hành động (nghiệp. ND) của chúng, thừa kế các hành

động của chúng, sinh ra từ hành động của chúng và được hỗ trợ bởi hành động của chúng. Bất cứ hành động nào chúng làm, tốt hay xấu, chúng sẽ kế thừa những hành động ấy." [2] Có nhiều sự trình bày chi tiết cụ thể (về quan điểm này) được ghi chép trong kinh điển. Như một đoạn kinh văn thông thường, làm mẫu, xác nhận rằng những hành động có công đức như bố thí và cúng dường có ý nghĩa đạo đức, hành động thiện ác phát sinh kết quả tương ứng, con người có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ, có tái sinh và có thể giới nằm ngoài thế giới hiện hữu này và có những đạo sư đã chứng ngộ cao siêu, trình bày sự thật về thế giới trên cơ sở chứng ngộ cao siêu của chính họ. [3]

Để hiểu đúng nội hàm của chánh kiến, đầu tiên chúng ta phải xem xét ý nghĩa về thuật ngữ chủ yếu của nó, nghiệp (kamma). Chữ nghiệp có nghĩa hành động. Đối với Phật giáo, hành động được đề cập ở đây là hành động cố ý, những hành động thể hiện ý định có màu sắc luân lý rõ ràng, vì chính ý định đem lại cho hành động ý nghĩa đạo đức. Như vậy, rõ ràng Đức Phật đồng nhất hóa hành động với ý chí. Trong một bài giảng nói về nghiệp, Ngài nói: "Này các tỳ khưu, chính ý chí, ta gọi là nghiệp. Khi đã quyết định, người ta hành động qua thân, khẩu hay ý." [4] Đồng nhất hóa nghiệp với sự cố ý làm cho nghiệp phải là một sự kiện thuộc tinh thần, một nhân tố bắt nguồn từ tâm tìm cách thực hiện những tham vọng, khuynh hướng và chủ ý của tâm. Ý chí hoạt động qua một trong ba nơi: thân, khẩu hay ý, được gọi là ba cửa ngõ của hành động (kammadvāra). Ý định biểu hiệu qua thân gọi là thân nghiệp, ý định biểu hiệu qua lời nói gọi là khẩu nghiệp, ý định phát sinh từ tư tưởng, kế hoạch, ý tưởng hay là trong những trạng thái tâm lý khác nhưng không biểu hiệu ra bên ngoài gọi là ý nghiệp. Vì thế, từ một nhân tố là ý chí, chia thành ba loại nghiệp khác nhau tùy theo nơi nào nó biểu hiện.

Chánh kiến không phải chỉ là kiến thức đơn giản về ý nghĩa khái quát của chữ nghiệp. Nó cần được hiểu: (1) sự phân biệt đạo đức của nghiệp thành thiện và bất thiện; (2) những trường hợp chính của mỗi loại nghiệp; và (3) nguồn gốc làm cho hành động phát sinh. Như được trình bày trong một bài kinh: "Khi một đệ tử hiểu cái gì là ác nghiệp, và nguồn gốc của ác nghiệp và cái gì là thiện nghiệp và nguồn gốc của thiện nghiệp, đệ tử đó đã có chánh kiến." [5]

(I) Xét các điểm trên theo thứ tự, chúng ta thấy trước hết nghiệp được phân biệt thành bất thiện (akusala) và thiện (kusala). Nghiệp bất thiện là hành động đáng khiến trách về mặt đạo đức, có hại cho sự phát triển tâm linh, dẫn đến đau khổ cho mình và

cho người khác. Nghiệp thiện, ngược lại, là hành động đáng khen về phương diện đạo đức, giúp cho sự tiến bộ của tâm linh, dẫn đến nhiều lợi ích cho mình và cho người.

(II) Có thể nêu ra vô số những trường hợp thuộc nghiệp bất thiện và nghiệp thiện nhưng Đức Phật chỉ chọn mười trường hợp căn bản cho mỗi loại. Ngài gọi mười trường hợp này là mười đường (nghiệp đạo) của hành động nghiệp bất thiện và nghiệp thiện. Trong mười đường của mỗi loại, ba thuộc thân, bốn thuộc khẩu và ba thuộc ý. Mười đường của nghiệp bất thiện được phân chia theo cửa mà nó xuất hiện, liệt kê như sau:

Thân nghiệp (kàyakamma):

1. Giết hại mạng sống
2. Lấy vật không cho
3. Tà dâm phi pháp để thỏa mãn nhục dục

Khẩu nghiệp (vacikamma):

4. Nói dối
5. Nói xấu người khác
6. Nói lời hung dữ
7. Nói nhiều lời vô ích

Ý nghiệp (manokamma):

8. Tham lam
9. Sân hận
10. Tà kiến

Mười đường của thiện nghiệp là những gì ngược với bất thiện nghiệp: Khống chế bảy trường hợp đầu của bất thiện nghiệp, thoát khỏi tham lam, sân hận và có chánh kiến. Mặc dầu sự chế ngự bảy trường hợp đầu hoàn toàn thực hiện trong tâm và không có hành động biểu hiện rõ ràng nhưng chúng vẫn được gọi thiện nghiệp của thân và khẩu bởi vì chúng đặt trọng tâm trên sự kiểm soát về hành động và lời nói.

(III) Nghiệp được phân biệt thành thiện và bất thiện trên động cơ căn bản, gọi là "căn" (mūla) truyền đạt tính chất đạo đức đến những ý muốn cùng một lúc. Như vậy, nghiệp thiện hay bất thiện tùy theo căn thiện hay căn bất thiện. Căn có ba yếu tố trong mỗi nhóm. Căn bất thiện gồm ba phiền não như chúng ta đã nói: tham lam, sân hận và si mê. Những nghiệp nào bắt nguồn từ những phiền não này là bất thiện nghiệp. Ba căn thiện là ba căn đối nghịch, được diễn tả trong thể phủ định theo lối hành văn xưa của Ấn Độ như không tham lam (alobha), không sân hận (adosa) và không si mê (amoha). Mặc dù chúng được chỉ định trong thể phủ định, chúng không những có nghĩa vắng mặt phiền não mà còn bao gồm những hạnh tốt đẹp tương ứng. Không tham lam hàm chứa từ bỏ, không dính mắc và hào phóng; không sân hận hàm chứa thương yêu, cảm thông và hiền lành; không si mê hàm chứa sáng suốt. Hành động nào bắt nguồn từ những căn này là thiện nghiệp.

Đặc điểm hết sức quan trọng của nghiệp là khả năng đem lại kết quả tương ứng với phẩm chất đạo đức của hành động. Một qui luật tổng quát tồn tại bên trong ảnh hưởng đến hành động cố ý khiến cho những hành động này có hậu quả thưởng phạt, gọi là vipaka "quả dị thực, quả chín" (sự chín muồi) hay phala "quả." Qui luật trên nối kết hành động với quả, hoạt động theo một nguyên tắc đơn giản là hành động bất thiện khi chín cho kết quả đau khổ, hành động thiện khi chín cho kết quả hạnh phúc. Quả không bắt buộc phải chín ngay cũng không phải chín trong đời hiện tại. Nghiệp hoạt động trải qua nhiều đời kế tiếp nhau; nó có thể tiềm tàng trong hàng vạn đời tương lai. Nhưng, bất cứ khi nào ta có một hành động cố ý, ý chí để lại dấu ấn trong quá trình tiến của dòng tâm nơi hiệu lực của nó được tồn trữ mãi mãi. Khi nghiệp tồn trữ gặp điều kiện thuận lợi cho sự trưởng thành, nó thúc đẩy từ trạng thái ngủ yên và gây nên hiệu quả đem lại sự thưởng phạt thích đáng cho hành động gốc. Quả của nghiệp có thể chín trong đời này, đời kế tiếp hay đời khác về sau. Nghiệp có thể chín muồi theo cách tái sinh trong đời sống tương lai. Vì vậy, nó quyết định loại thân hình thuộc cõi nào của đời sống mới. Hay là, nó có thể chín trong suốt cả cuộc đời, đem lại những trải nghiệm khác nhau trong đời sống như hạnh phúc và đau khổ, thành công và thất bại, thịnh và suy. Nhưng bất cứ lúc nào, quả chín và chín như thế nào, nó luôn luôn tuân theo cùng một nguyên tắc như nhau: hành động thiện đem lại kết quả an vui và hành động bất thiện đem lại kết quả bất hạnh.

Hiểu rõ nguyên tắc này là đã thông suốt chánh kiến hợp thể. Chánh kiến này loại bỏ ngay những dạng tà kiến không phù hợp với nó. Vì vậy, chánh kiến xác nhận hành động của chúng ta có ảnh hưởng đến sự tiếp nối vận mệnh của ta vào những đời sống tương lai. Nó chống lại quan điểm đoạn diệt cho rằng đời sống này là hiện hữu duy nhất của chúng ta và cho rằng tâm thức của chúng ta mất hẳn sau khi chết. Chánh kiến phân biệt rõ thiện và ác, đúng và sai căn cứ vào một nguyên lý bao quát khách quan nên nó chống lại thuyết đạo đức chủ quan cho rằng thiện ác chỉ là sự qui định theo ý kiến cá

nhân hay phương tiện kiểm soát xã hội. Nó khẳng định rằng con người có thể tự do chọn lựa hành động của mình, trong giới hạn của hoàn cảnh của mình và chống lại luận thuyết "định mệnh bất biến" cho rằng những lựa chọn của chúng ta luôn luôn bị lệ thuộc vào sự tất yếu không tránh được cho nên tự do ý chí là không thực tế và trách nhiệm đạo đức không thể thực hiện.

Một số các ẩn ý trong lời dạy của Đức Phật nói về chánh kiến đối với nghiệp và quả của nghiệp ngược lại với tư tưởng trong những trào lưu phổ thông hiện đại và sẽ có ích nếu chúng ta làm sáng tỏ những nhận thức khác biệt này. Những lời dạy nói về chánh kiến nếu rõ là tốt và xấu, đúng và sai vượt trên những ý kiến thông thường về những gì là tốt và xấu hay đúng và sai. Cả một xã hội có thể căn cứ theo một quan niệm sai lầm về các giá trị đạo đức chân chính. Mặc dù mọi người trong xã hội đó có thể hoan hô một loại hành động đặc biệt nào đó là đúng và kết tội một loại hành động khác là sai, nhưng điều này



không làm cho chúng thật có giá trị đúng hay sai. Theo Đức Phật, tiêu chuẩn đạo đức thì luôn luôn khách quan và không thay đổi. Tuy nhiên, đặc điểm đạo đức của nhiều hành động rõ ràng tùy thuộc vào hoàn cảnh khi chúng được thực hiện. Có những tiêu chuẩn đạo đức khách quan mà chúng ta có thể căn cứ vào để thẩm định bất cứ hành động nào, bất cứ qui tắc đạo đức nào. Hành động đạo đức khách quan này là phần không thể thiếu của Giáo Pháp. Đó là qui luật của vũ trụ về sự thật và công bằng. Lý do công nhận sự siêu việt của tiêu chuẩn đạo đức khách quan vì sự thật hành động chỉ là sự thể hiện của ý chí, gây hậu quả cho người hành động và như thế, sự tương quan giữa hành động và hậu quả chỉ là thực chất của chính ý chí. Không có một quan tòa thiêng liêng nào đứng trên sự vận hành của vũ trụ để phân phát thưởng phạt. Nhưng chính hành động, tùy theo bản chất đạo đức hay vô đạo đức của nó, sẽ đem lại kết quả tương xứng.

Đối với hầu hết mọi người, đại đa số, chánh kiến về nghiệp và kết quả của nghiệp được xác định bằng lòng tin, chấp nhận bằng sự tin tưởng ở một bậc thầy tâm linh danh tiếng trình bày về kết quả của hành động. Cho nên, với những người ấy, ngay khi

nguyên lý của nghiệp chưa được tự mình thấy, hiểu biết ấy vẫn là một khía cạnh của chánh kiến. Nhận thức ấy là một phần chính yếu của chánh kiến vì chánh kiến liên quan đến hiểu biết, hiểu biết địa vị của mình trong tổng thể hệ thống của sự vật và người nào chấp nhận nguyên lý cho rằng hành động cố ý có tiềm năng đạo đức, cho đến mức đó, đã hiểu được một sự thật quan trọng về bản chất hiện hữu của mình. Tuy thế, chánh kiến về hiệu ứng của nghiệp báo không phải bị bao bọc trong bức màn tin điều phía sau một rào cản kiên cố không thể hiểu thấu. Chánh kiến có thể trở thành cách thấy trực tiếp. Nhờ đạt đến những trạng thái thiền định thật sâu, chúng ta có thể phát triển một khả năng đặc biệt gọi là "thiên nhãn" (dibbacakkhu), một siêu năng lực của sức nhìn thấy sự vật bị che khuất sau mắt thường. Khi khả năng này được phát triển, nó có thể nhìn ra thế giới chúng sinh để thẩm tra quy luật hoạt động của nghiệp. Bằng sự thấy đặc biệt của thiên nhãn, vị ấy có thể tự mình thấy bằng nhận thức trực tiếp chúng sinh chết đi và tái sinh tùy theo nghiệp của họ như thế nào, chúng sinh được hạnh phúc và bị đau khổ từ sự chín muồi của hành động thiện và bất thiện của họ như thế nào. [6]

(còn tiếp)

Chú thích:

[1] Adhisīlasikkhā – tầng thượng giới học, adhicittasikkhā – tầng thượng định học, adhipaññāsikkhā – tầng thượng tuệ học.

[2] Tầng chi bộ 3:33; Word of the Buddha, trang 19.

[3] Trung bộ kinh 117; Word of the Buddha, trang 36.

[4] Tầng chi bộ 6:63; Word of the Buddha, trang 19.

[5] Trung bộ kinh 9; Word of the Buddha, trang 29.

[6] Xem Trường bộ kinh 2, Trung bộ kinh 27, etc. Để biết thêm chi tiết, xem Thanh tịnh đạo. Chương XIII, trang 72-101.



MẸ VỀ DƯỚI MÁI NHÀ XƯA

*Mẹ về theo gió – gió ru sau hè
Bên góc tường xiêu bờ ao giếng nước
Cá lìm kìm bơi tìm chi mái miết
Giấc ngủ muộn màng nhuộm cả rong rêu.*

*Mẹ về theo mây – mây bay viễn xứ
Khói bếp thơm rom góc rạ quê nghèo
Dõi bước con đi bao lần vấp ngã
Ngả núi nghiêng đèo đá dựng cheo leo.*

*Mẹ về theo trăng – trăng sáng quê nhà
Dưới ngọn dâu hao mẹ ngôi vớ áo
Bóng tối vây quanh nhốt đời giếng bão
Khóe mắt ngáp ngừng từng vết chân chim.*

*Mẹ về theo sông – sông dài biển rộng
Con nước lớn rồng trôi cả giấc mơ
Cánh bèo trôi cô đơn trong vô vọng
Con ngày xưa đâu qua hết đại khờ.*

*Mẹ về theo nắng – nắng trôi phương nào
Để lại lời chim buồn rơi cánh lá
Khúc hát đồng dao ngõ thành xa lạ
Để bóng chiều qua nền cũ hắt hiu.*

*Ngày mùa xuân mẹ may cho áo mới
Con mặc một lần mẹ trốn trong mưa
Đóa hồng thơm con xin cài trước ngực
Lại thấy mẹ về dưới mái nhà xưa.*

thơ

NGUYỄN AN BÌNH

26/06/2021

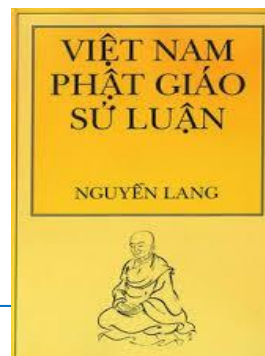
NHỮNG NGUYÊN DO ĐƯA TỚI CUỘC VẬN ĐỘNG CHỐNG CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM

(Chương XXXVII,
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)



MỘT CUỘC VẬN ĐỘNG ĐƯỢC TOÀN DÂN ỦNG HỘ

Cuộc vận động năm 1963 của Phật tử Việt Nam không phát xuất từ sự tranh chấp giữa người Phật giáo và người Công giáo. Cuộc vận động này chỉ nhằm chống lại chế độ độc tài của tập đoàn ông Ngô Đình Diệm, một tập đoàn đã đi quá đà trong sự sử dụng người đồng bào Công giáo, nhất là người Công giáo di cư, vào việc củng cố quyền bính và đàn áp những tổ chức đối lập hoặc độc lập. Cuộc vận động này của Phật tử đã được các giới không phái Phật tử ủng hộ, trong đó có nhiều thành phần Công giáo, linh mục cũng như giáo hữu. Họ đại diện cho đa số những người Công giáo có lương tri, có óc phê phán công chính và có thừa can đảm để chống lại những gì đi ngược với tinh thần chân chính của Phúc Âm. Cùng với người đồng bào Phật tử của mình, họ đã bị chế độ thẳng tay đàn áp.

Tài liệu về cuộc vận động này rất dồi dào, bằng quốc ngữ cũng như bằng ngoại ngữ. Tài liệu quý báu nhất là chứng tích của những người từng trực tiếp tham dự cuộc vận động và cũng đã từng bị chế độ chèn ép, tù đày hoặc tra tấn. Riêng về tài liệu thành văn, chúng tôi cố gắng để chỉ sử dụng những tài liệu đầu tay nhất, tức là những tài liệu do Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo ấn hành trong suốt thời gian vận động và những ghi chép của tác giả đã có mặt trong cuộc vận động. Phần lớn những công trình này đã được ấn hành năm 1964, ngay sau khi cuộc vận động thành công. Trong những tác phẩm đứng đầu nhất, ta có thể kể:

1. *Phật Giáo Tranh Đấu* của Quốc Oai biên soạn do nhà Tân Sanh (số 12 đường Bùi Viện, Sài Gòn) xuất bản ngày 14 tháng 12 năm 1963. Sách dày 174 trang và có

mang những dòng ghi chú sau đây ở trang 8: "*Phần lớn những tài liệu in trong cuốn sách này, chúng tôi đều dựa vào những bản in ronéo của Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo ấn hành*". Đây là một trong những tác phẩm ra đời sớm nhất.

2. *Chín Năm Máu Lửa Dưới Chế Độ Gia Đình Trị Ngô Đình Diệm* của Nguyệt Đàm và Thân Phong biên soạn, do tác giả xuất bản năm 1964. Sách dày 342 trang; ngoài bài tựa của tác giả, sách còn có thêm theo ba bài tựa khác; một của cử nhân Phạm Văn Hanh, thượng thư trí sĩ, một của ông Vũ Cúc Sơn, tuần phủ trí sĩ và một của ông Nguyễn Kinh Lịch hiệu Văn Trai. Cả ba người này đều đã từng phục vụ trong chính phủ Nam Triều hồi ông Ngô Đình Diệm còn làm thượng thư tại triều đình Huế và đã có những nghe biết trực tiếp về ông Ngô Đình Diệm.
3. *Sự Thực Cuộc Đấu Tranh Phật Giáo* của Nguyễn Thanh biên soạn, Hoa Đạo xuất bản năm 1964 (số 550 đường Trần Hưng Đạo, Sài Gòn). Sách dày 260 trang.
4. *Việt Nam Phật Giáo Tranh Đấu Sử* của Tuệ Giác biên soạn, do Hoa Nghiêm (75A đường Trần Bình Trọng, Chợ Lớn) xuất bản năm 1964. Sách dày 446 trang, có mang lời tựa của thiền sư Tâm Giác viết vào ngày Phật Đản năm 1964. Sách được Tổng vụ Hoằng pháp của Viện Hóa đạo duyệt y.
5. *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam Từ Phật Đản Đến Cách Mạng 1963*, của Quốc Tuệ biên soạn. Sách dày 548 trang, không mang tên nhà xuất bản nào, có thể đã do chính tác giả xuất bản. Sách được kiểm duyệt ngày 28.1.1964 và in xong vào khoảng tháng 6 năm 1964.
6. *Lửa Thiêng Đạo Mâu* của Lan Đình và

Phương Anh biên soạn, không mang tên nhà xuất bản nào, có thể đã do các tác giả xuất bản. Sách được kiểm duyệt ngày 17.12.1963, dày 138 trang và có mang một bài tựa của Phú Tiên Nguyễn Duy Tinh.

7. *Violation Des Droits De l'Homme au Sud Viet Nam, rapport de la Commission d'Enquête sur la Répression des Bouddhistes en 1963.* (Vi Phạm Nhân Quyền Tại Miền Nam Việt Nam, bản báo cáo của Phái đoàn Điều tra Liên Hiệp Quốc về vụ Đàn áp Phật giáo 1963). Tài liệu của Liên Hiệp Quốc do Võ Đình Cường dịch ra quốc ngữ và Hùng Khanh xuất bản tại Sài Gòn năm 1966. Sách dày 297 trang.
8. *Cuộc Chiến Đấu Lịch Sử Của Phật Giáo Việt Nam* của Nam Thanh biên soạn và do Viện Hóa Đạo xuất bản vào dịp Phật Đản năm 1964. Sách lớn khổ 34 x 24 cm, dày 56 trang, biên soạn bằng Quốc ngữ và Anh ngữ, có nhiều hình ảnh về cuộc vận động. Trang 3 của sách có in lời giới thiệu của Tăng Thống Thích Tịnh Khiết. Cách trình bày của sách rất sáng sủa và gọn gàng, hình ảnh rất chọn lọc. Cuốn sách có in bản Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

VỀ CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM

Khuôn khổ của chương này không cho phép nói nhiều đến những ưu điểm và khuyết điểm trong đời của tổng thống Ngô Đình Diệm. Ông lên cầm quyền ở miền Nam từ 1954 mà mãi đến 1963, tức là 9 năm sau, Phật giáo đồ mới đứng dậy chống ông, dù ngay từ buổi đầu nắm chính quyền ông đã có chủ ý chèn ép Phật giáo. Trong thời gian đó ông bị nhiều lực lượng chống đối nhưng ông đã khôn khéo vượt thắng được. Ông đã loại được tướng Nguyễn Văn Hinh, tham mưu trưởng quân đội miền Nam, lật được quốc trưởng Bảo Đại, đàn áp được lực lượng Bình Xuyên, các giáo phái Cao Đài và Hòa Hào. Ông bị ám sát hụt tại Ban Mê Thuật ngày 21 tháng Năm, 1957. Ông lại may mắn thoát được cuộc đảo chánh ngày 11 tháng 11 năm 1960.

Ngày 27.2.1962 ông lại thoát chết trong cuộc dội bom Dinh Độc Lập của hai sĩ quan Việt Nam Cộng hòa. Để củng cố chính quyền, ông Diệm đã tổ chức *Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng* và *Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia*. *Cần Lao Nhân Vị* được tổ chức để trở thành đảng độc nhất ở miền Nam; những thành viên của các đảng phái khác, khi vào đảng Cần Lao Nhân Vị phải vâng theo luật đảng để kiểm soát đảng mình và do đó không có một đảng phái đối lập nào có thể tồn tại. Cờ của đảng là một nền lục trên có ba ngôi sao đỏ tượng trưng cho Cần lao,

Cách mạng và Nhân vị. *Phong trào cách mạng quốc gia* chỉ là cơ quan thừa hành mệnh lệnh của đảng. Nhiệm vụ của tổ chức này là tuyên truyền chính trị. Liên hệ vào tổ chức này có các tổ chức *Thanh Niên Cộng Hòa*, *Phụ Nữ Liên Đới*, *Công Chức Cách Mạng*, v.v... Về chính trị, lưng dựa của chính quyền là đồng bào Công giáo di cư. Về quân sự, trước hết, ông Diệm đưa vào gần mười vạn binh sĩ di cư từ miền Bắc vào Nam, trong số đó phần tử chính là Nùng và Bảo An Bình. Sau khi loại được tướng Nguyễn Văn Hinh, ông thu phục được quân đội miền Nam và bắt đầu võ trang quân đội này bằng viện trợ Hoa Kỳ. Ngoài ra tổ chức *Mật Vụ*, quân sự và dân sự, lại đóng một vai trò vừa quan trọng vừa kinh khiếp trong sự dò xét, bắt bớ và thủ tiêu các phần tử đối lập.

Về phương diện ý thức hệ, chính quyền Ngô Đình Diệm mượn một phần triết thuyết của Emmanuel Mounier làm thành thuyết *Nhân Vị*, thêm vào ý niệm *Duy Linh* rút cảm hứng từ đức tin Cơ Đốc. Từ năm 1956, thuyết này đã được các linh mục giảng dạy tại trường Đại học Văn khoa Sài Gòn. Trung tâm Nhân vị Vĩnh Long do Tổng giám mục Ngô Đình Thục thành lập khi ông còn làm giám mục ở giáo khu này. Tất cả công chức toàn quốc đều phải lần lượt tới học tập lý thuyết Nhân Vị Duy Linh tại trung tâm này, dù là Công giáo hay không Công giáo. Một phần lớn giảng viên và huấn luyện viên của trung tâm là giám mục hoặc linh mục.

Sách *Chín Năm Máu Lửa Dưới Chế Độ Ngô Đình Diệm* của Nguyệt Đàm và Thận Phong, lấy tài liệu từ "Ủy Ban Tố Cáo Tội Ác Của Chính Quyền Ngô Đình Diệm" và từ các cơ quan công quyền khác, đã cung cấp rất nhiều dữ kiện về sự đàn áp và thủ tiêu những thành phần độc lập và đối lập cùng những tham nhũng và lộng quyền của từng cá nhân trong giới lãnh đạo chính quyền cũng như trong gia đình ông Diệm. Các tác giả đã dành trên 300 trang giấy để nói về các vụ này, ở đây ta không cần lập lại việc làm đó. Ta chỉ cần nhận định rằng cuộc vận động của Phật tử mà thành công được là nhờ sự ủng hộ của toàn dân: Người Phật tử thành công vì đã nổi lên cuộc tranh đấu cho bình đẳng tôn giáo với cuộc tranh đấu chống chính sách độc tài.

Ở đây, tưởng nên nhắc tới một số nguyên nhân đã làm phát khởi cuộc nổi dậy của người Phật tử, trước khi xét tới những diễn biến về cuộc vận động.

Tính cách độc tài của chế độ. Các ông Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Cần và bà Trần Lệ Xuân đã nắm hết thực quyền trong tay, thực hành chính sách gia đình trị, không tin tưởng thực sự một người nào khác. Không một thành viên nào của chính phủ ông Diệm còn được giữ lại cho đến khi chế độ sụp đổ. Nhiều người đã từng giúp ông Diệm trong

việc truất phế Bảo Đại và ổn định tình thế lúc ban đầu cũng bị thủ tiêu. Mọi thành phần đối lập dù là đối lập chống Cộng đều bị thanh toán hoặc đàn áp.

Tính cách tàn ác của chế độ. Với tổ chức Mật Vụ và với lực lượng Cảnh Sát Đặc Biệt trong đó có những nhân vật khét tiếng độc ác như Dương Văn Hiếu, Nguyễn Tư Thái, Nguyễn Thiện Dzai, Phan Khanh, v.v... chế độ đã bắt bớ, tra tấn, giam cầm, đày ải và thủ tiêu hàng vạn thành phần đối lập. Có lần Phó Tổng thống đã ra lệnh đánh chìm một thuyền chở phạm nhân chính trị ra Côn Đảo [1]. Về những cách tra tấn và thủ tiêu, sách *Chín Năm Máu Lửa* của các ông Nguyệt Đàm và Thần Phong đã đưa ra nhiều trường hợp cụ thể. Về sự giam giữ đối lập, ta có thể nhắc tới những hầm đá giam người bí mật của ông Ngô Đình Cẩn mà quần chúng thường gọi là Lãnh Chúa Miền Trung. Nguyệt Đàm và Thần Phong viết về các hầm này sau khi đã đi quan sát:

"Từ hầm tra ở ngay giữa đường cho tới hầm giam, chỗ nào cũng ẩm ướt, xông lên một mùi hôi thúi nặng nề khó chịu..."

"Tất cả có chín cái hầm. Mỗi cái có từ hai mươi đến bốn mươi xà lim. Muốn vào hầm chỉ có một cái cửa duy nhất. Tàn nhẫn nhất là cả chín cái hầm dành giam hàng mấy trăm người, bọn Cẩn chỉ để một lỗ thông hơi..."

"Sàn xà lim ẩm thấp và đó đây, chúng tôi thấy có những viên gạch. Có lẽ nạn nhân đã dùng để gối đầu hoặc ngồi lên đó mà ngủ. Mỗi xà lim dài độ 1m50, rộng 60 phân và cao chừng 1m50, bên trên là những chấn song sắt, trên nữa là nóc hầm, ngăn đôi các xà lim là một cửa cây, giữa là một hành lang dài và hẹp".[2]

Tính cách chèn ép bất công của chế độ. Việc đồng bào Công giáo di cư ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm là một sự kiện đương nhiên, không có gì đáng nói. Ông Diệm là một người Công giáo chống Cộng, ở vị thế chính quyền, đang tận lực bảo vệ quyền lợi của người Công giáo di cư, cố nhiên người Công giáo di cư muốn đứng sau lưng ông. Đọc quốc lộ Biên Hòa – Lâm Đồng, các khu định cư Công giáo, dưới sự hướng dẫn của các linh mục địa phương, đã bỏ phiếu ngàn người như một cho chế độ. Bà Ngô Đình Nhu đã đặc cử dân biểu trong môi trường đó. Tuy nhiên, chính quyền đã đi quá đà trong việc nâng đỡ người Công giáo di cư đến nỗi đã tạo ra quá nhiều hư hỏng, lạm dụng và chèn ép đối với người địa phương. Dựa vào sự ủng hộ không dè dặt của chính quyền, người ta lấy của công để xây cất thánh đường, trường học Công giáo, chiếm địa vị ưu tiên trong guồng máy hành chính quốc gia, trong quân đội, trong các ngành giáo dục, y tế và xã hội. Họ trở thành một giai cấp mới, riêng rẽ, nâng đỡ nhau để chiếm lấy những địa vị và những

chức vụ quan trọng nhất trong xã hội...

Trong niềm tin tưởng chỉ có người Công giáo mới thực sự chống Cộng, chính quyền không những có ý dung túng những hành động lạm quyền và chèn ép trên, mà lại còn khuyến khích và tự mình dẫn thân vào con đường ấy. Nhà thờ Đức Mẹ La Vang ở Quảng Trị, một trung tâm hành hương cách vĩ tuyến thứ 17 chừng ba mươi cây số về phía Nam, là một ví dụ cụ thể về phương thức ủng hộ Công giáo chống Cộng của chính quyền.

Tổng giám mục Ngô Đình Thục đã từng gọi nhà thờ này là *tiền đồn tinh thần* của quốc gia và đã vận động nâng nó lên hàng Vương Cung Thánh Đường. Xuất bản năm 1961, những số đầu của tạp chí *Đức Mẹ La Vang* đăng tên những người hảo tâm cúng tiền vào việc xây dựng Vương Cung Thánh Đường: Từ phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ qua tất cả các bộ trưởng, đến đại tướng tổng tham mưu trưởng, các vị tổng giám đốc, v.v... Công giáo hay không Công giáo, ai cũng có tên trong danh sách này. Cảnh sát khắp nơi được giao cho bán vé số Tombola bỏ vào quỹ xây dựng nhà thờ La Vang. Vé xe lửa đi La Vang cho các toán hành hương để dự lễ khánh thành được bớt 50%.

Như ta đã biết, công chức toàn quốc đều phải tuân tự đi học tập tại trung tâm Nhân Vị Duy Linh ở Vinh Long, dù là Công giáo hay không. Những ai phát biểu ý kiến không phục tùng giáo thuyết này đều bị để ý và kết quả là bị sa thải hoặc thuyên chuyển.

PHẬT GIÁO BỊ CHÈN ÉP

Quốc trưởng Bảo Đại bị truất phế từ năm 1955 nhưng Đạo dụ số 10 do ông ký ngày 6.8.1950 vẫn được chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành theo, bởi vì Đạo dụ này không ràng buộc Công giáo vào thể chế hiệp hội và cho phép kiểm chế các tôn giáo khác. Ngoài sự chèn ép các tổ chức Phật giáo, chế độ còn khủng bố những tăng sĩ và cư sĩ đang hoạt động đặc lực tại các chi hội Phật giáo địa phương, ép uổng người Phật tử bỏ đạo để theo Công giáo. Có người vì sợ mất công ăn việc làm đã phải làm lễ rửa tội và theo đạo. Có nhà phải đem bàn thờ Phật hoặc bàn thờ tổ tiên từ nhà giữa vào thiết trí ở nhà sau để khỏi bị dòm ngó. Có người cương quyết giữ vững tín tâm đã bị vu khống và bắt đi "học tập" dài hạn tại các trại Cải huấn. Năm 1963, hội Phật giáo Việt Nam tại Trung Phần công bố hai tập tài liệu ghi chép những vụ vi phạm nhân quyền, kỳ thị tôn giáo và đàn áp Phật tử từ năm 1959 đến năm 1963. Tập đầu dày 49 trang và tập thứ hai 98 trang. Tập sau này có cả những biên bản về các vụ kỳ thị, bắt ép và đàn áp, có đủ tên họ, chữ ký và con dấu của các tổ chức Phật giáo địa phương [3]. Tại Quảng Ngãi chẳng hạn, theo tài liệu ấy, có mười lăm vụ bắt buộc tín đồ

Phật giáo theo Công giáo, một vụ tra tấn và tù đầy tăng sĩ sau khi đã vu khống cho ông là "Việt Cộng". Tại Bình Định, có bảy vụ bắt buộc những cư sĩ lãnh đạo Phật giáo địa phương bỏ nhà cửa để đi "dinh điền" trên cao nguyên, trong khi những người này thuộc các thành phần phú nông, tiểu tư sản, không phải là dân thất nghiệp; và năm vụ ép buộc dân chúng theo Công giáo. Tại Phú Yên có mười lăm vụ ép buộc theo Công giáo, ba vụ hăm dọa thủ tiêu, ba vụ bắt bớ, tra tấn và thủ tiêu Phật tử, một vụ chôn sống hai tín đồ Phật giáo chung trong một hầm... [4]

Năm 1957, chính quyền ra lệnh loại bỏ ngày Phật Đản ra khỏi sổ ngày nghỉ chính thức trong năm. Đây là một đòn lớn đánh vào lưng người Phật giáo. Ngày Phật Đản đối với Phật tử quan trọng không khác gì ngày Giáng sinh Noel đối với người Công giáo. Hành động này của chính quyền cho ta một ý niệm rõ rệt về mức chèn ép và đàn áp Phật giáo của chế độ. Cố nhiên Phật tử rất phản uất trước sự chèn ép đó. Đại hội đồng hội Việt Nam Phật học (Trung Phần) họp vào tháng Ba năm 1957 đã sôi nổi thảo luận về vụ này và đã đánh bức điện sau đây cho Tổng hội Phật giáo Việt Nam tại Sài Gòn: "Tổng hội đồng lần thứ 25 toàn hội Việt Nam Phật học gồm có liệt vị chứng minh đại đạo sư trong Giáo hội Tăng già và đại biểu 14 tỉnh hội đại diện cho 565 đơn vị họp tại chùa Từ Đàm Huế trong các ngày 8 - 9 - 10 và 11 tháng 3 năm 1957 kính đặt niềm tin tưởng vào Tổng hội. Yêu cầu Tổng hội liên tục tích cực can thiệp lên Chính phủ và Quốc hội công nhận ngày Phật Đản mừng tám tháng Tư âm lịch là ngày lễ hợp pháp vĩnh viễn của quốc gia. Chủ tịch đại hội đồng: Thích Thiện Minh" [5]. Phật Đản năm ấy được Phật tử khắp nơi tổ chức rầm rộ lớn bằng mười lần mọi năm để bày tỏ thái độ. Dưới áp lực của quần chúng, chính quyền đã công nhận lại ngày Phật Đản sau đó một năm.

Những đàn áp, bắt bớ, tra tấn và thủ tiêu, những cuộc bầu cử gian lận, những cuộc giam giữ trái phép đối với mọi thành phần đối lập và độc lập đã làm cho quần chúng thù ghét chế độ. Joseph Buttinger, một học giả Tây phương đã nói như sau về chế độ: "*Bị giới trí thức chống đối, giới trung lưu khinh miệt, giới doanh thương từ bỏ, bị tuổi trẻ và các nhà chính trị ái quốc ghét bỏ, chánh phủ Ngô Đình Diệm thiếu hẳn sự ủng hộ của quần chúng và chỉ còn cách dùng đến bộ máy kèm kẹp...*" [6]. Những người trung thành với chế độ ông Diệm thường cho rằng sở dĩ miền Nam sụp đổ là vì chế độ ông Diệm không còn. Sự thực không phải như vậy: Chính vì những tàn ác độc tài của ông mà miền Bắc đã xây được cơ sở chống đối võ trang ở miền Nam. Ký giả Robert Guillain của báo *Le Monde* đã viết về vấn đề này như sau: "*Tại*

Hà Nội, người ta rất bằng lòng ông Diệm. Ông Diệm đã trở thành người tiếp tay hay nhất cho Cộng sản. Tại Sài Gòn, cán bộ Việt cộng thường rỉ tai nhau theo kiểu Voltaire: Nếu không có Diệm thì phải tạo ra cho được Diệm. Ngày 11 tháng 11 vừa qua, chính người Việt Cộng sợ ông Diệm bị lật đổ hơn ai hết. Họ mong cho ông Diệm ngồi trong dinh Độc Lập thêm một thời gian nữa sau đám về binh, trong khi đất nước đang từ từ sụp đổ xung quanh. Họ tính toán rằng chỉ trong một hoặc hai năm thì miền Nam sẽ từ tay ông Diệm qua tay ông Hồ..." [7]

Cuộc vận động của Phật giáo để chống độc tài có lẽ đã đến hơi chậm, nhưng ta biết rằng trước đó, Phật giáo đã chưa hội đủ điều kiện cần thiết.

(còn tiếp)

[1] *Cuốn Chín Năm Máu Lửa Dưới Chế Độ Ngô Đình Diệm* của Nguyệt Đàm và Thần Phong do các tác giả xuất bản năm 1964 tại Sài Gòn là một trong những tài liệu đúng đắn nhất, trang 287 - 288.

Đại úy Không quân Huỳnh Minh Đường nhận lệnh này ngày 5.10.1963 nhưng đã từ chối không thi hành lệnh và đã lái máy bay qua tị nạn ở Cầm-pu-chia.

[2] *Chín Năm Máu Lửa Dưới Chế Độ Gia Đình Trị Ngô Đình Diệm*, Sài Gòn, 1964, trang 287 - 288.

[3] Những tập tài liệu này đã được thiền sư Nhất Hạnh, hồi này đang dạy học tại trường Đại học Columbia ở Nữ Ước, chuyển tới ông chủ tịch Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc và tất cả các vị đại sứ có mặt tại đó vào tháng 9 năm 1963.

[4] Chi tiết về những vụ này có thể tìm trong sách *Phật Giáo Tranh Đấu Sử* của Quốc Oai (Sài Gòn 1963, Tân Sanh xuất bản) và sách *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam* của Quốc Tuệ (Sài Gòn 1964, tác giả xuất bản).

[5] Tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* số 7, Đinh Dậu, 1957, trang 63.

[6] Joseph Buttinger: *Vietnam A dragon embattled*, tập II, Pall Mall Press, London 1967, trang 952.

[7] Robert Guillain. *Le Monde*, Paris, 6.4.1961.



năm tanka cho mẹ già

1.
hai tay bụng kín mặt
bà rí rá khóc cho đến khi
ngọn đôi xanh úng thủy
và sóng lặn tẩn trên bờ đá
khua động giấc mơ ngày đầu xuân

2.
con ếch chồm hồm ngóng
trời vẫn vũ sau cơn động kinh
rặng núi đen tịch lặng
ngón tay bà chậm rãi điếm tô
một buổi sáng xám màu thủy mặc

3.
và buổi chiều âm thầm
đến rồi đi không hề báo trước
không để lại dấu chân
bà trôi theo cơn đau nhỏ giọt
hơn bốn mươi lăm năm đợi chờ

4.
chờ ai? ai đợi bà?
mẹ già còng lưng đôi mắt trông
mòn mỏi — con, con ơi
đêm sụi sụi bà đốt nén nhang
cho đứa con không hẹn ngày về

5.
bà có trăm đứa con
mỗi giấc mơ bà đánh mất một
từ ngày đó đến nay
bà triển miên trong chứng mất ngủ
như hậu chấn tâm lý cuối đời.

nuôi lửa

người khơi lại đống tro tàn
những cục than hồng nay ngậm ngùi
cần môi
cần dưỡng khí

trời chưa rạng đông
trong cái lạnh se da
hai tay mẹ khăng khiu
lòng quặn thắt

mẹ già nuôi lửa
nuôi con
nuôi cháu
nuôi dòng tộc

ngày lại ngày qua
trong ngôi nhà lặng câm
tường vôi loang ố lỗ chỗ
khói sương lấp lửng một đời

mẹ già nuôi lửa
cần môi
cần dưỡng khí
cũng như thân mẹ.

viết vội nửa đêm

đôi khi thơ tôi muốn ngồi yên bất động
nghe chùng cù mì cù mì như củ khoai mì

đôi khi thơ tôi muốn câm như đã chết
gục đầu vào nôi cơm hến đất biển bao dung

đôi khi thơ tôi như mụn nhọt bùng bùng
ôi mũ ôi máu ôi nước vàng đầu thốn tim buốt óc

và có nhiều ngày thơ tôi muốn khóc
trong xốn xang bật dậy ôm mặt nửa đêm

ừ thì thôi, thơ tôi ngồi đó bỏ gối lim dim
thút tha thút thít, rồi khúc kha khúc khích

ngày sẽ đẹp tuyệt vời và người người tử tế
lạy đất trời, lạy tổ tiên, lạy những đấng cru mang.



thơ

QUẢNG TÁNH
TRẦN CẨM



GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

(*Câu Chuyện Cuối Tuần*— bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em (ACE) Lam viên thân mến,

Hôm nay là ngày Rằm Vu Lan, xin thương kính chúc ACE một mùa Vu Lan an lạc và giải thoát.

HAPPY ULLAMBANA!

Thưa ACE, chúng ta, từ Oanh Vũ đến Huỳnh trưởng đều đã thuộc lòng và áp dụng lời chư Phật dạy “Hiếu là hạnh đầu của Phật tử” qua điều luật của Oanh Vũ “em kính mến Cha Mẹ và thuận thảo với ACE,” nên không cần phải nhắc lại công ơn sinh thành dưỡng dục v.v... mà chỉ xin bổ sung thêm hạnh Hiếu của người Phật tử, đặc biệt là người Huỳnh trưởng GDPT. Thật vậy, Hiếu nói chung là lòng biết ơn và đền ơn đối với ân nhân của chúng ta, đó là Tam Bảo, Ông Bà Cha Mẹ và Tổ chức GDPTVN. Có hiếu với tổ chức là tôn trọng và gìn giữ Truyền Thống Thương yêu, kính trọng trong GDPT mà mỗi Đơn vị là một GIA ĐÌNH.

Gia Đình là một đơn vị nhỏ mà căn bản của cấu trúc xã hội đã có lâu đời từ Đông sang Tây, từ Á sang Âu... trong đó cách phân biệt vị trí, thứ lớp, bổn phận trách nhiệm... của mỗi thành viên đều hiển nhiên và rõ ràng. Tình thương là chất keo gắn bó các thành viên lại với nhau tạo nên không khí đầm ấm, hoà thuận, vui vẻ hài hoà. Từ nền tảng tổ chức đó kết hợp với 6 nguyên tắc sống chung hoà đồng (Lục Hoà) trong giáo lý Phật-đà là những yếu tố để thành lập GDPT mà mục đích chính yếu là Phật hoá các thành viên, đó cũng là lý do mà lúc ban đầu sơ khai, GDPT có tên là GD Phật Hoá Phổ. Gia đình huyết thống của chúng ta đôi khi không đủ điều kiện và phương tiện thích hợp cho việc giáo dục con em thành những Phật tử chân chánh sống đúng theo tinh thần Phật Pháp, còn GDPT là một tổ chức đáp ứng được nhu cầu tinh thần của thanh thiếu đồng niên, giúp các em xa lìa

nếp sống xô bồ, trụy lạc, vô trách nhiệm mà xã hội thường phơi bày, cảm dỗ...

Cơ cấu GDPT được thiết lập từ trên xuống dưới có Gia Trưởng, Liên Đoàn Trưởng Huỳnh Trưởng... là những người Chú, Bác, Anh, Chị, những người lớn, có uy tín, có đạo đức, có tu học... mà phụ huynh các em tín nhiệm. Mỗi Đơn vị Gia Đình như vậy sinh hoạt dưới một mái Chùa mà Thầy Trụ Trì được tôn xưng là Cổ vấn Giáo hạnh của Đơn vị GDPT đó.

Như vậy một Gia Đình hoàn chỉnh là gồm có Thầy, có Bác Gia Trưởng, có các Anh Chị Liên Đoàn trưởng, Đoàn Trưởng,... các em Thanh Thiếu Nam Nữ và các em nam nữ Oanh Vũ (đồng niên).

Dưới mái chùa thân yêu, dưới chân đức Phật tôn kính, từ thành thị đến thôn quê, từ trong nước ra đến hải ngoại [phong trào GDPT đã theo làn sóng ty nạn lan rộng ra đến các đảo Galang, Bidong, Hồng Kông... từ năm 1975 và sau lan rộng ra Hải ngoại: Hoa Kỳ, Úc Châu, Âu Châu (Pháp, Đức, Hoà Lan, Na Uy...), Canada...]. Huỳnh trưởng, Đoàn viên các Cấp, các Ngành và Ban Đoàn đã tạo được bầu không khí tương thân tương ái, hoà thuận, vui vẻ trong sinh hoạt tập thể, với châm ngôn Bi Trí Dũng – là những nguyên tắc chỉ đạo cho hành động và lý tưởng của người Huỳnh trưởng cũng như Đoàn sinh GDPT.

Đến với GDPT là tìm đến một Tổ chức giáo dục tuổi trẻ Phật Giáo, một đoàn thể dạy cho đoàn sinh có trách nhiệm với bản thân, với gia đình huyết thống của mình, với Tôn giáo, với Tổ quốc... Qua các Hoạt động Xã hội, GDPT dạy Đoàn sinh của mình về lòng vị tha, tâm hồn hướng thượng, biết tìm hạnh phúc của mình trong hạnh phúc của tha nhân và của muôn loại chúng sanh. Trong hơn nửa thế kỷ sinh hoạt, GDPT đã xây dựng được truyền thống thương yêu, kính trên nhường dưới, không khác gì anh chị em ruột



thịt trong cùng một nhà. Người Huynh trưởng GDPT dù ở vị trí nào cũng không hề nhận một đồng, một cắc hay một xu tiền lương, trái lại tự nguyện đóng góp để lập quỹ Gia Đình, quỹ Đoàn,... để chi tiêu trong sinh hoạt tập thể Huynh trưởng ở Hải ngoại, còn đón đưa các em di sinh hoạt và về bằng xe của mình, mua đồ ăn cho các em khi các em đói, làm babysit nếu cha mẹ các em chưa đến đón các em... Khi Đơn vị đã đông thì có thể thành lập đội Lân và các việc khác như làm bông hồng, nấu cơm chay kiếm tiền gây quỹ. Nói cách khác, người Huynh trưởng GDPT làm việc tự nguyện chăm sóc đàn em, không cần thù lao cũng như không cần báo đáp... Vì vậy các Huynh trưởng được gọi là đang đi trên con đường bồ tát đạo, đem vui tươi và lợi ích đến cho đàn em một cách vô điều kiện.

Sau khi gửi con em đến với GDPT, phụ huynh các em nhận thấy rằng các em được giáo dục để trở thành con ngoan, học trò giỏi, người bạn tốt. Các em được rèn luyện qua các bộ môn Phật Pháp, Hoạt Động Thanh niên, Văn nghệ, Báo chí... theo tinh thần Phật Giáo nghĩa là chú trọng phát triển những hạnh lành của chư Phật và Bồ tát: Từ Bi, Trí Tuệ, Tinh Tấn, Hỷ Xả và Thanh Tịnh.

Tóm lại, GDPT VN đúng theo danh xưng, là một Gia Đình, gồm những người cùng chí hướng, cùng truyền thống dân tộc Việt, hoan hỷ tuân theo những quy luật chung. GDPT không phải là sự hợp thành của các hội đoàn, các công ty, hãng sở, hay liên hiệp quốc; trong đó các thành viên không được phân chia lợi nhuận vật chất nhưng được chia sẻ và truyền đạt về trí tuệ, đạo đức và sự nâng cao tâm hồn được Phật hoá bản thân để có khả năng hướng dẫn, giúp đỡ đàn em đi sau mình... Chu kỳ làm lợi mình lợi người được nối tiếp



LÁC ĐÁC XUÂN THU

*Đất sẽ mòn hao, sông sẽ cạn
Một ngày không gió không mưa bay
Mô cô lô nhô màu sương nắng
Rớt xuống thân tâm chén rượu đầy.*

*Đã thấy quanh đời màu ráng đỏ
Sá gì chút lửa chút tro than
Bụi về phương đó trắng đương ngo
Biển tánh xô xao chôn đá vàng.*

*Phàm thánh bồng bênh cơn mưa sớm
Ông ánh tử sinh bóng phù kiều
Châm chậm hương tràn hương nguyên đán
Tráng lệ đèn soi thủ lãng nghiêm.*

*Đồi nương thảo mộc hoa từng đóa
Người cứ trôi đi những phận người
Đường mây chớp bể sương mù tỏa
Lác đác xuân thu những chuyến về.*

thơ **LÝ THỪA NGHIỆP**

từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ xưa đến nay đã được 5, 6 thế hệ, đông hơn một đại gia đình có 5 đời sống chung với nhau dưới một mái nhà (ngũ đại đồng đường), có những Anh Chị Trưởng nay đã 91, 92, tuổi và những em Oanh vũ mới 6, 7 tuổi.

GDPT ngày càng đông thì càng có nhiều hệ thống hướng dẫn khác nhau; đoàn sinh và Huynh trưởng trẻ có thể nói bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau (Việt, Anh, Pháp, Đức, Hòa Lan...) nhưng châm ngôn, 5 điều luật của Thanh Thiểu và Huynh trưởng cũng như 3 điều luật của Oanh vũ vẫn không thay đổi; tài liệu Phật Pháp ban đầu bằng tiếng Việt, nay cũng đã được Huynh trưởng chuyển ngữ ra tiếng của quốc gia nơi mình cư trú.

Ước mong Tình Gia Đình của ACE Áo Lam trên quả đất này bền vững và mãi tròn vành vạnh như Trăng Rằm Vu Lan.

*"Chuyện ta chuyện tình thương cho nhau
Chuyện hơi ấm con tim nhiệm mầu
Tình Gia Đình càng thêm thăm sâu
Tha thiết đây mình chuyện cho nhau"*

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam (NAL)

RUN TAY

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

Run tay chân là chứng bệnh mà tiếng Anh gọi là Tremor hoặc Shaking Movement. Bệnh có thể xảy ra ở bất cứ tuổi nào kể cả nam lẫn nữ, nhưng thường thấy hơn ở người tuổi cao.

Run là một chuyển động nhịp nhàng, không chủ động tức là mình không kiểm soát được của một bộ phận nào đó trong cơ thể như bàn tay, cánh tay, đầu, mặt, thân mình và chân. Run thông thường nhất là ở 2 bàn tay. Đây là dấu hiệu của nhiều rối loạn thần kinh nhưng cũng thấy ở người lành mạnh.

Bệnh không gây nguy hiểm nhưng người bệnh cảm thấy bối rối và đôi khi không làm được các sinh hoạt hàng ngày như và cạo râu, cài khuy cúc quần áo, đánh răng, cầm một vật gì hoặc khi đi đứng.

Các hình thức run

Run chân tay có nhiều dạng khác nhau như:

- Run khi cơ bắp nghỉ và hết run khi cơ bắp co rỗi làm một động tác nào đó
- Run khi cơ bắp đầu làm một công việc nào đó, như cài cúc áo, dơ tay cầm một vật gì, như cầm ly uống nước
- Run khi tay giữ ở một vị thế nào đó trong một thời gian lâu, như là cầm bút viết cả giờ đồng hồ hoặc hai cẳng chân run run khi đứng lâu.

Có người đầu run giật lên xuống hoặc lắc lắc ngang lắc dọc như khi gập đầu có có, lắc đầu không hoặc khi đưa ngón tay gãi sống mũi thì tay run run không dừng tới mũi được...

Nguyên nhân

Có nhiều nguyên nhân gây ra run tay chân nhưng thông thường nhất là nhóm run mà không biết nguyên nhân do di truyền.

Ngoài ra run còn thấy ở những trường hợp như sau:

- Run khi tinh thần căng thẳng, lo âu, sợ hãi;
- Khi nóng sốt, đường huyết xuống thấp;
- Run khi có thương tích, rối loạn chức năng tế bào thần kinh kiểm soát sự vận động của cơ bắp như trong bệnh liệt rung Parkinson;
- Tổn thương tiểu não sau tai biến động mạch não, u bướu tiểu não;
- Tác dụng ngoại ý của một số dược phẩm như thuốc trị tâm bệnh, thuốc nhóm corticosteroid;
- Tác dụng của rượu khi quá chén hoặc khi thèm nhớ rượu mà không có rượu;
- Hậu quả của ghiền ma túy hoặc ngộ độc thủy ngân;

- Trong các bệnh như cường tuyến giáp, suy gan, chứng đa viêm xơ cơ multiple sclerosis;
- Tổn thương dây thần kinh ngoại vi khiến bàn tay bàn chân run.

Điều trị

Về điều trị thì rất khó khăn vì không có thuốc trị dứt mà chỉ giảm dấu hiệu, giúp khả năng cơ thể ổn định hơn.

Điều trị căn cứ vào nguyên nhân gây bệnh. Chẳng hạn trong liệt rung Parkinson thì dùng hóa chất bổ sung thiếu chất này ở não bộ hoặc do stress thì dùng các thuốc an thần, thuốc chống co giật cơ.

Phẫu thuật đôi khi cũng được áp dụng khi bệnh quá trầm trọng, gây khó khăn cho sự sống của người bệnh.

Ngoài ra còn điều trị với gắn các thiết bị kích thích tế bào thần kinh vào não bộ gọi là Deep Brain Stimulation cũng công hiệu, nhưng thường thường là dành cho các trường hợp run nặng như ở bệnh run khi nghỉ Parkinson.

Nói chung, bệnh nhân cần được bác sĩ chuyên khoa thần kinh nội, ngoại theo dõi và đưa ra các phương án trị liệu.

Vật lý trị liệu cũng giúp bệnh nhân rất nhiều. Chuyên gia sẽ hướng dẫn bệnh nhân cách kiềm chế sự run của cơ; hướng dẫn duy trì sự cân bằng của cơ thể. Chẳng hạn, để tránh run giật ở cánh tay, có thể giữ tay sát vào thân mình, đeo vật nặng ở cổ tay hoặc mang thanh nẹp gỗ hoặc kim loại.

Thân nhân cần thường xuyên hỗ trợ người bệnh cả về tinh thần cũng như thể chất, giúp họ thích nghi với khó khăn, đặc biệt là các hoạt động thường nhật như ăn uống, tắm rửa, vệ sinh cơ thể. Luôn luôn khích lệ và chỉ dẫn họ cách thức kiềm chế sự run.

Lưu ý là run tay mà lại kèm theo cảm giác tê tê ở đầu ngón tay, nửa mình như liệt mất cảm giác, như rầu rầu thì kêu cấp cứu vì có thể là dấu hiệu của Stroke tai biến động mạch não.

Ngoài ra bệnh nhân cũng nên giới hạn cà phê, rượu là những chất kích thích thần kinh, gây ra run. Lâu lâu, ngồi tập trung thư giãn cũng giúp kiểm soát sự run tay.

Mua áo có băng dán dính loại Velcro để thay thế cho cài khuy cúc. Dây dép cài cũng bằng băng dính thay vì cột dây. Ăn với muỗng nĩa có cán lớn để cầm lọt bàn tay.

Đề ý tránh rúi ro té ngã trong khi đi lại hoặc làm một việc gì mà bị cơn run tay chân xuất hiện.

TRƯỚC THỀM VU LAN

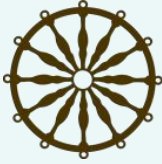
Trở về thăm mẹ chiều nay
Đường nghe nắng phía hiên tây thỏ dài
Hực hãm sao tiết hạ phai
Láng giềng thu chớm rụng vài hoa cau
Con về đây! Mẹ ở đâu!
Hò nghe ngõ trước vườn sau trả lời
Mẹ ngồi hứng bóng chiều rơi
Sóng Trà Giang vô nói lời đắng cay
Hư hao cuối mắt đầu mày
Chân tay chi chút đường cày vỡ hoang
Mắt trông con buổi hạ tàn
Xón xang bầu bãi bàng hoang cỏ cây
Con chờ đực con kéo mây
Thấy hay là chẳng thấy đây hồi người
Nhìn anh sao mẹ chẳng cười
Chẳng vui đâm lệ chẳng lời hỏi han
Người ngồi như tượng đầu non
Mẹ anh ngày ấy biết còn hay không
Cúi xin tặng mẹ bông hồng
Khẽ khàng anh đặt vào lòng tay khô
Còn hần nguyên dấu sẹo thô
Vết thời tro trấu tích hồ đạn bom
Đưa tay nâng tấm lưng khòm
Đầu hôm mờ tỏ một vòm sao đêm
Nghiêng mình xin bé mẹ lên
Thăm tình mẫu tử trước thềm Vu Lan
Giật mình tỉnh giấc ngỡ ngàng
Chỉ là huyền mộng lệ tràn ướt mi.

NGÀY BÁO HIẾU

Tha phương cầu thực xứ người
Vu Lan gõ cửa tiếng cười lặng câm
Nhà nhà dọn cúng hai mâm
Con đây gác trọ buồn cầm gió lùa
Đường nghe ngoài cuộc hơn thua
Vong nhân xá tội về khuya chỗ nằm
Bao nhiêu tháng Bảy ngày Rằm
Ly hương nuốt lệ âm thầm mẹ ơi!
Nhớ thương nói chẳng ra lời
Nắng mưa quất xuống mảnh cời ngựa nghiêng
Ôi! Vạn hạnh hiếu vi tiên
Thế mà con mãi xa miền cố hương
Chiều nay nặng bước phong sương
Ngày Phật hoan hỉ cúng dường phóng sinh
Tủi thân thương mẹ thương mình
Một đời lam lũ tội tình hồi ơi!
Vu Lan con đứng bên trời
Chúc về phương mẹ một lời chẳng trôi.



thơ LƯU LÃNG KHÁCH



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
TỔNG VỤ TỪ THIÊN XÃ HỘI
Chùa An Lạc – 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218 – U.S.A.
Tel.: (317) 545-1234 * (408) 329-3199

THÔNG TƯ

V/V CỨU TRỢ LƯƠNG THỰC VÀ NHU YẾU PHẨM CHO ĐỒNG BÀO BỊ ĐÓNG CỬA CHỐNG DỊCH COVID-19

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Thiên Đức Tăng - Ni,
Kính thưa Quý Đồng Hương Phật Tử,

Đại dịch Covid-19 tiếp tục lan tràn khắp thế giới với biến thể Delta, lây nhiễm nhanh gấp 2.5 các chủng loại coronavirus trước. Các quốc gia Đông Nam Á đều bị bùng phát với biến thể Delta này, và nguy cơ tử vong được tiên liệu là có thể tăng cao hơn đợt dịch Covid-19 ban đầu. Việt Nam hiện tại cũng nằm trong số các quốc gia bị lây nhiễm nhanh chóng, đã có lệnh cách ly toàn xã hội với Chỉ Thị 16 của chính phủ, đóng cửa thành phố Sài-gòn và tỉnh Bình Dương 15 ngày kể từ ngày 9/7/2021; và sẽ tiếp tục đóng cửa thêm 2 tuần nữa kể từ 0 giờ ngày 19/7 áp dụng cho 19 tỉnh thành miền Nam, cùng thành phố Hà Nội và một số tỉnh miền Trung. Đặc biệt là tại Sài-gòn trong thời kỳ cách ly, các đường phố, khu phố đều bị cấm ngặt giao thông, buôn bán, khiến hàng vạn gia đình phải lâm vào cảnh đói thiếu, dân lao động không thể đi làm, người buôn bán lẻ cũng ngưng ra đường. Chợ búa, hàng quán, tất cả cơ sở kinh doanh, công sở đều đóng. Toàn thành phố tê liệt và thiếu thốn lương thực khi việc vận chuyên rau quả, gạo và hải sản từ các tỉnh đều bị ngăn cấm hoặc giới hạn.

Trước thảm cảnh đói thiếu thê thảm và tâm trạng đầy âu lo vì đại dịch, đồng bào Sài-gòn, cũng như một số tỉnh khác chắc chắn phải chịu khổ nạn trong nhiều ngày tháng sắp tới. Do vậy, Tổng vụ Từ Thiên Xã Hội xin thiết tha kêu gọi sự đóng góp của chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử trong cũng như ngoài nước, để cấp thời cung ứng lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm đến tận tay từng gia đình trong vòng khốn khó.

Một số Tăng Ni trong nước đã lặng lẽ thực hiện việc cứu đói cho đồng bào khổ nạn trong những ngày qua. Nay, cán sự xã hội của Tổng vụ Từ Thiên Xã Hội sẽ liên kết với chư tôn đức Tăng Ni tại Sài-gòn và các tỉnh, tiếp tục thực hiện việc phân phối thực phẩm để đồng bào có thể cầm cự trong những ngày cách ly xã hội, không thể ra đường sinh nhai, mua bán.

Xin cùng lắng lòng, khởi Từ Bi quán, hướng về bao đồng bào khổ nạn trên quê hương.

Mọi đóng góp bằng chi phiếu, xin đề AN LAC TEMPLE hoặc HUYEN KHONG MONASTERY, gửi về một trong hai địa chỉ sau đây: 1) **Chùa An Lạc – 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218**; hoặc 2) **Tu Viện Huyền Không - 14335 Story Road, San Jose, CA 95127**. Phần Memo xin vui lòng ghi: “Cứu trợ dịch Covid”. Mọi đóng góp của quý vị sẽ có biên nhận (receipt) với ID Tax của Chùa để quý vị có thể khai miễn thuế nếu cần.

Thành kính tri ân và cầu nguyện cho quý ngài và quý đồng hương Phật-tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát
San Jose, ngày 19 tháng 7 năm 2021
Tổng Vụ Từ Thiên Xã Hội
Tổng Vụ Trưởng,
(ấn ký)

Tỳ Kheo Ni THÍCH NỮ NGUYỄN THIÊN

“NGHIỆP” TÁC ĐỘNG VÀO CÁI CHẾT CỦA CON NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Phật sử ghi lại rằng, vào canh Ba đêm thành đạo, đức Phật đã tìm ra câu giải đáp làm sao thoát khỏi cảnh “Sinh, Già, Bệnh, Chết”, tức thoát khỏi vòng “luân hồi sinh tử”. Câu trả lời là phải đoạn diệt tất cả “lậu hoặc”. Lậu hoặc chính là những dính mắc phiền não, xấu xa, ác độc, tham, sân, si... khiến tâm con người bị ô nhiễm từ đời này sang đời khác, và đời này con người ta vẫn tiếp tục luân tập lậu hoặc, tạo thành nghiệp. “Lậu hoặc” hay “nghiệp” là nguyên tố nhận chìm con người trong luân hồi sinh tử, là nguyên nhân của khổ đau. Muốn chấm dứt khổ đau, chấm dứt luân hồi sinh tử thì phải đoạn diệt tất cả các lậu hoặc, không có con đường nào khác!

Cũng trong canh Ba đêm thành đạo, đức Phật đã chứng ngộ bốn chân lý, đó là Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Qua bốn đế này, chúng ta tạm hiểu là con người sinh ra đời không ai hoàn toàn vui vẻ hạnh phúc. Trong cuộc sống, chúng ta thường gặp những điều bất như ý khiến chúng ta buồn khổ nhiều hơn là an vui, nên gọi là Khổ đế. Nhưng khổ không phải tự nó có, mà khổ do nhiều nguyên nhân gây nên. Muốn diệt khổ phải tìm cho ra những nguyên nhân gây khổ để từ bỏ. Những nguyên nhân này gọi là Tập đế. Khi không còn Tập đế nữa thì con người sẽ được giải thoát hết khổ, gọi là Diệt đế. Nhưng làm sao để diệt các nguyên nhân gây ra khổ, nghĩa là làm sao đoạn diệt “lậu hoặc”, đức Phật đưa ra phương pháp tu tập gọi là Đạo đế. Đạo đế là “Con đường chân chánh” gồm tám nhánh. Trong kinh gọi là “Bát Chánh Đạo” hay “Bát Thánh Đạo” là con đường tu tập đưa đến giải thoát giác ngộ của các bậc Thánh gồm: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. (Xem “Tương Ứng Giữa Giới-Định-Huệ

và Bát-Chánh-Đạo” trong quyển “Trên Đường Về Nhà” cùng tác giả).

Bài toán khó đã được đức Phật tìm ra phương trình giải đáp, phần còn lại, chúng sanh muốn đạt được cứu cánh, phải tự mình áp dụng tu tập, trải nghiệm trên thân tâm của mình.

Tất cả mọi người, mọi loài sinh ra ở thế gian này, đều trải qua chu kỳ “Sinh, Già, Bệnh, Chết”. Đức Phật nói “Sinh (sống), Già, Bệnh, Chết” là bốn cái khổ to lớn đè nặng trên mỗi con người. Trong bài viết này chúng ta chỉ đề cập đến nỗi khổ cuối cùng của đời người đó là cái chết. Nói về chết, thì ai cũng phải chết. Ngay cả đức

Phật hay các vị Thánh Tăng đệ tử của Ngài cũng không thoát khỏi cái chết. Đúng rồi, ai cũng chết! Nhưng không phải mọi cái chết đều giống nhau. Có cái chết nhẹ nhàng thành thoi như kiết của một số thiền sư bỏ thân phàm một cách nhẹ tênh như cởi bỏ chiếc áo bông cũ rách mùa đông để thay chiếc áo mới, hay cái chết quằn quại đau đớn sợ hãi của những con người phàm tục tham sống sợ chết?

Là người phàm phu, đương nhiên chúng ta khó tránh được sự sợ hãi khi nghĩ đến cái chết. Chết là một nỗi thống khổ trong bốn cái khổ to lớn và vô số cái khổ khác mà con người phải chịu đựng trong cuộc sống ở thế gian này. Đối diện với cái chết con người thường lo lắng không biết lúc ra đi, mình sẽ đi như thế nào cho được an lành thanh thản? Và sau đó thì đi về đâu trong ba cõi sáu đường? Đương nhiên kinh nghiệm này chúng ta chưa trải qua nên không biết được cái chết sẽ đến với chúng ta ra sao? Nhưng là người Phật tử, chúng ta có niềm tin vào những lời dạy của đức Phật. Đức Phật dạy rằng con người sống bằng thực dưỡng và hơi thở. Chỉ cần một niệm thở ra và không hít vô nữa, thì người đó sẽ chết. Ngay khi đó thần thức lập tức tái sanh qua đời sống khác. Còn tâm thần



tứ đại sẽ tan rã theo thời gian. Nhưng mà trước khi chấm dứt hơi thở thì tâm trạng của người sắp chết như thế nào?

Chúng ta, không ít thì nhiều cũng đã từng chứng kiến sự ra đi của người thân quen. Hoặc đã từng nghe nói có những vị tu hành lâu năm, mà khi ra đi rất vất vả, ngược lại có những người cả đời không biết một câu kinh tiếng kệ, mà ra đi một cách an ổn nhẹ nhàng. Tại sao thế? Người hiểu Phật pháp sẽ trả lời rằng: “*Đó là do nghiệp nặng hay nhẹ của mỗi người*”. Trong bài chia sẻ này chúng ta cùng nhau tìm hiểu khái quát về ảnh hưởng của nghiệp tác động vào cái chết của mỗi người, nhất là tìm hiểu thế nào là nghiệp nặng, thế nào là nghiệp nhẹ?

II. NGHIỆP LÀ GÌ?

Nghiệp là những ý nghĩ, tư duy, lời nói và hành động được cất giữ trong ký ức của con người. Những ý nghĩ tốt hay xấu, những việc làm thiện lành hay ác độc, những lời nói êm ái hay xía xói kết hợp với những đam mê ghiền nghiện từ nhiều đời trước, theo ta sang tới đời này cùng với những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến... mang đến hạnh phúc hay phiền não cho chính mình, hay cho những người xung quanh mình. Đó là nghiệp cũ đã đeo theo mình, cộng thêm nghiệp mới tạo ra trong đời này. Nghiệp là những nguyên tố đóng góp làm ô nhiễm tâm, trong nhà Phật gọi chung là “*lậu hoặc*”. Hễ còn “*lậu hoặc*” là còn sinh tử!

Nghiệp gây ra dù cố tình hay vô tình, dù quên hay nhớ, tất cả đều được cất giữ trong ký ức của người gây ra nghiệp. Đức Phật dạy rằng: “*Con người tạo ra nghiệp và thừa tự nghiệp mình đã gây ra*”. Nghiệp cất giữ trong ký ức lâu ngày sẽ có năng lực ảnh hưởng tới đời sống của con người gọi là “*Nghiệp lực*”.

Người mang nghiệp nặng là người đã từng có những hành động xấu ác, trong tâm người đó luôn nặng nề vẫn đục, luôn nóng nảy bất an, có khi buồn khổ vì bứt rứt hồi hận điều gì đó còn ẩn chứa trong tâm không thể nói ra trước khi chết. Lại có những dạng người trong giờ phút lâm chung phải chịu nhiều đau đớn, muốn chết ngay cũng không chết được. Đó là những người khi sống hành nghề đồ tể, giết bò, giết heo hay hại người đến chết. Những tiếng thét la đau đớn hằng ngày của những con người hay con vật bị ép tử đó, lúc này vây quanh ám ảnh, khiến tâm thức người sắp chết vô cùng hỗn loạn sợ hãi. Khi chết, cái tâm nặng nề đó bị nghiệp lực xấu cuốn hút sanh về đường dữ mà thuật ngữ trong kinh gọi là “*ác thú*”. Người mang nghiệp nhẹ là những người khi sống tạo ra nghiệp tốt nhiều hơn nghiệp xấu. Tóm lại, tùy theo nghiệp nặng hay nhẹ mà sự ra đi của người đó được nhẹ nhàng an nhiên hay khó khăn, chật vật, đau khổ?

III. CÁC LOẠI NGHIỆP QUYẾT ĐỊNH SỰ TÁI SANH

Trong nhà Phật có bốn loại nghiệp quyết định sự tái sanh của người sắp chết. Đó là Thường nghiệp, Tích lũy nghiệp, Cực trọng nghiệp và Cận tử nghiệp.

A. THƯỜNG NGHIỆP

Thời nay, khoa học nói rằng một người có bộ não bình thường, ký ức tế bào não sẽ ghi nhận tất cả những gì con người làm hằng ngày qua tác ý, lời nói và hành động. Ngày xưa, đức Phật giảng rằng Thường nghiệp là những gì chúng ta làm hằng ngày qua ý, lời và hành động thành thói quen, được cất giữ trong tàng thức. Con người gây ra nghiệp gì thì sẽ thừa hưởng hậu quả của nghiệp ấy! Thường nghiệp có hai loại: Thiện và ác.

1. Thường nghiệp thiện: Còn gọi là “*Tập quán nghiệp*”. Tập quán nghiệp là những việc thiện hay ác mà người ta làm hằng ngày theo thói quen không từ bỏ được. Thường nghiệp thiện có thể nói là cuộc sống hằng ngày của con người, là việc làm thiện lành đóng góp vào sự phát triển của đời sống cộng đồng xã hội như những vị Bác sĩ cứu người, như những vị hành nghề giáo dục, truyền dạy văn hóa giúp học sinh mở mang kiến thức giúp đời, hay các nhà nghiên cứu tìm tòi phát minh trên nhiều mặt y học, khoa học, thiên văn, vật lý, kỹ thuật v.v... giúp cải thiện cuộc sống nhân loại trên hành tinh này. Chẳng hạn như mới đây trong một thời gian ngắn các nhà bác học đã nỗ lực phát minh ra các loại thuốc chích ngừa giúp xoa dịu sự kinh hoàng của nhân loại trước căn bệnh lây lan Covid-19 đã lấy đi mạng sống của gần 2 triệu người trên toàn cầu... Về đạo đức, như những người sống trong gia đình là những người con hiếu thảo thuận hòa, chăm sóc ông bà, cha mẹ già yếu với lòng trân trọng biết ơn người sanh ra và dưỡng dục mình. Là người chồng, người vợ chung thủy. Là bậc cha mẹ biết hy sinh vì con cái. Ra ngoài xã hội, là người hay làm việc thiện, đóng góp ít nhiều công sức vào những công tác thiện nguyện giúp người cơ nhỡ đói nghèo bất hạnh. Về tâm linh là người hay đến chùa nghe kinh nghe kệ, tham dự những khóa học Phật pháp hay nhập thất chuyên tu nhằm chuyển đổi nhận thức, chừa bỏ tật xấu, siêng làm việc lành tránh việc ác. Những việc phước báu như thế lâu ngày sẽ tạo nên sức mạnh gọi là “*Nghiệp lực*” thúc đẩy người đó khi lâm chung được sanh trở lại Cõi Người hay lên Cõi Trời.

2. Thường nghiệp ác: Ngược lại với Thường nghiệp thiện là Thường nghiệp ác. Những người chuyên sống bằng các nghề mang lại sự đau khổ, chết chóc như thọc huyết trâu, bò, heo, chó, hành nghề buôn lậu, buôn bán người, buôn bán trẻ em, buôn



bán si-ke ma túy, độc dược, hay làm việc trong các kỹ nghệ chế tạo sản xuất súng đạn là những vũ khí giết người v.v... Những Thường nghiệp ác này kết tụ thành lực, và lực này đặc biệt sẽ tác động vào con người khi lâm chung tái sanh vào cõi xấu.

B. TÍCH LŨY NGHIỆP

Có sách ghi là "*Bảo lưu nghiệp*", tích lũy hay bảo lưu là giữ lại. Tích lũy nghiệp là những việc làm nhỏ nhặt, tốt hay xấu, làm rồi mà không để tâm nhớ đến, nhưng nó vẫn được cất giữ trong tàng thức. Tích lũy nghiệp tuy không có công năng mạnh mẽ như Thường nghiệp, nhưng khi đủ lực, nó cũng ảnh hưởng đến cuộc sống của con người, bởi lẽ gây nghiệp thì phải thọ quả nghiệp mình gây ra.

1. Tích lũy nghiệp lành: Chẳng hạn như một người đi đường thấy cây đinh liềm lượm lên mang về nhà cho vào thùng rác. Người lượm đinh lúc đó không nghĩ là mình đang tạo nghiệp tốt, chỉ là không muốn mình dẫm lên cây đinh. Nhưng hành động này vô tình giúp cho những người khác không bị thương khi vô ý dẫm phải. Đây chính là hành động thiện lành. Hành động này đã được cất giữ trong tàng thức của người đó, mặc dù sau một thời gian người đó không còn nhớ tới và cũng không có cơ hội thường lượm đinh nữa! Một thí dụ khác, như giúp một cụ già băng qua đường, hay tặng cho người ăn xin vài đồng, hoặc thấy con mèo sắp vỡ chú chim, người đó nhanh chân xua đuổi mèo giúp con chim thoát chết. Những việc làm này khác thời điểm, khác không gian, người làm không mấy chú ý quan tâm, nên sau một thời gian thì quên bẵng đi. Tuy vậy, những việc làm thiện nho nhỏ, tích lũy lâu ngày sẽ thành lớn, gọi là "*tích lũy nghiệp thiện*", như nước rỉ từng giọt trong lu chứa, lâu ngày nước sẽ đầy lu.

2. Tích lũy nghiệp xấu: Là những việc làm ác ý hay không ác ý, khiến tổn thương những sinh linh khác, như trong nhà

có mấy con gián cảm thấy bực mình đập chết. Ngoài sân có mấy ổ kiến mình rải thuốc hoặc xịt nước cho nó đi chỗ khác. Vô ý dẫm đạp côn trùng nhỏ dưới chân v.v... Trong cuộc mưu sinh hằng ngày thỉnh thoảng có những va chạm, nói năng xúc phạm người này, đụng chạm người khác, hay trong sở làm mình đối xử không công bằng, bênh vực người này, ép bức người kia, khiến người này vui, người kia tổn thương v.v... Lâu ngày quên mất!

Tất cả những việc nhỏ, lớn, dù thiện dù ác, dù cố ý hay tình cờ, nhớ hay không nhớ... đều tích lũy trong tàng thức của mình tạo thành nghiệp. Khi năng lực Tích lũy thiện mạnh tự đứng một ngày đẹp trời gặp người tốt giúp đỡ mình vô vụ lợi, hoặc gặp may mắn trong công ăn việc làm, hay xui khiến đang đứng chỗ này bỗng đứng dời sang chỗ khác không lý do, lại tránh được tai nạn. Khi nghiệp ác tích lũy nhiều, đủ năng lực, nó sẽ xuất hiện hỗ trợ Thường nghiệp ác, khiến cho người gây nghiệp trở tay không kịp, gặp chuyện xui rủi hay tai nạn bất ngờ. Nói chung, những may rủi họa phúc xảy ra bất chợt giống như tình cờ đó, một phần có thể do Tích lũy nghiệp thiện hay ác thúc đẩy.

Tích lũy nghiệp không có sức mạnh lộ diện rõ ràng như Thường nghiệp, nhưng nó có sức mạnh giúp đỡ hỗ trợ hay ngăn cản những Thường nghiệp. Biết như vậy, chúng ta chớ xem thường những Tích lũy nghiệp này.

C. CỰC TRỌNG NGHIỆP

Cực trọng nghiệp là nghiệp có năng lực mạnh mẽ, cho Quả vượt trội hơn các nghiệp khác. Có hai loại: Cực trọng nghiệp thiện và Cực trọng nghiệp ác.

1. Cực trọng nghiệp ác: Trong Kinh văn, đức Phật dạy có năm cực trọng nghiệp ác là: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm Phật bị thương và chia rẽ hòa hợp Tăng. Ngày nay chỉ còn ba Cực trọng nghiệp, vì đời này không có vị A-la-hán, không có Phật. Người nào giết Cha, hay giết Mẹ hoặc gây chia rẽ Tăng đoàn thì cho dù người ấy làm nhiều việc tốt như đóng góp tiền tài vật chất xây cất chùa chiền, như góp công góp của đúc chuông, đúc tượng Phật, tượng Bồ-tát, sửa đường, xây cầu, đào giếng, giúp nuôi trẻ mồ côi, giúp nuôi người già neo đơn v.v... nhưng lỡ phạm một trong ba cực ác này thì khi chết bị đọa liền địa ngục không ai cứu nổi.

2. Cực trọng nghiệp thiện: Có hai quả Cực trọng nghiệp thiện.

a) Thứ nhất là người nào cả đời thường làm những việc phước đức lớn lao. Khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên cõi Trời ngay tức khắc.

b) Quả thiện cực trọng thứ hai là đắc các tầng Thiên. Nếu trong giây phút lâm chung,

người đó đặc thiên Định, thì Cực trọng nghiệp thiên này đưa người đó lên cõi Phạm Thiên liền. Còn những tội lỗi trước lúc chưa đặc Định hay những Thường nghiệp khác nếu có, không kịp trở Quả trong lúc này.

D. CẬN TỬ NGHIỆP

Là nghiệp tạo ra ngay trước lúc chết, có năng lực vô cùng mạnh mẽ, ưu tiên trả Quả trước cả "Thường nghiệp" và "Tích lũy nghiệp". Thí dụ như một sát-na trước khi lâm chung mình đang nghĩ đến điều tốt đẹp, chẳng hạn như tưởng nghĩ đến hình ảnh đức Phật, đến một cảnh chùa quen thuộc, hoặc đang nghe một bài kinh, hay đang niệm Phật, hoặc đang trong thiền Định... Nếu ngay lúc đó chấm dứt hơi thở, thức cuối cùng do nghiệp lành thức đẩy sanh về cõi lành ngay tức khắc.

Nếu tâm người sắp chết xuất hiện những sân hận thù ghét, những bức tức khó chịu, thì thức cuối cùng này đưa thân thức tái sanh đến những đường dữ, bởi những Thường nghiệp lành chưa đủ mạnh để vượt qua Cận tử nghiệp.

Nếu có nhiều phước báu gặp Cận tử nghiệp tốt, thì người sắp lâm chung ra đi nhẹ nhàng. Tuy nhiên cũng có trường hợp "Thường nghiệp ác" quá mạnh với sự hợp tác của "Tích lũy nghiệp ác" sẽ trôi lên đây Cận tử nghiệp tốt yếu ớt qua một bên, và dẫn tâm thức đi tái sanh vào cõi xấu ngay tức khắc, hoặc vào Thường nghiệp thiện gặp duyên may trôi lên tác động tử thức tái sanh vào cõi lành. Nên thật khó biết được Cận tử nghiệp của mình ra sao, vì thế lúc sinh thời nên tu tập tạo nghiệp lành tránh nghiệp dữ, để mình có tư lương thiện lành mạnh mẽ chuẩn bị cho lúc cuối đời.

Đời nay, chúng ta thấy có nhiều gia đình khi có thân nhân sắp qua đời đã mời quý Thầy đến khai thị, tụng kinh, niệm Phật hộ niệm. Việc làm này có giá trị là giúp cho người sắp qua đời nghĩ nhớ đến những điều lành, hướng tâm đến Phật, buông bỏ tất cả những tình cảm luyến ái của cái trần gian để nhẹ nhàng ra đi. Trong giây phút Cận tử nghiệp mà tâm thần được an ổn, ý thiện xuất hiện ngay lúc đó sẽ được tái sanh về cõi lành. Đó là tự mình cứu lấy mình, chứ những người hộ niệm xung quanh chỉ hỗ trợ giúp mình mà thôi!

(còn tiếp một kỳ)



THƯƠNG CHA

*Thương cha tóc bạc da môi
Xác thân đau nhức đến hồi suy hao
Một đời vất vả gian lao
Nuôi dạy con cái biết bao nhiêu tình*

*Cuối tuần ngồi tụng Tâm kinh
Chữ nghĩa hư huyền hóa hình bóng cha
Thái sơn cao vợi câu ca
Nhờ công ơn ấy mà ta nên người*

*Thương cha móm mém nụ cười
Cái già hủ hoại một thời trẻ trai
Tháng ngày đẽ nặng hai vai
Cha giờ hao hót hình hài mỗi mê*

*Từ cha dạy lối đi về
Sơ tâm dẫn đạo chưa hề lãng quên
Tình cha nghĩa mẹ mong mệnh
Sao đời vật đổi, còn trên đời này*

*Nỗi niềm cha có ai hay
Nhiều khi ngậm đắng nuốt cay trong lòng
Niệm câu kinh kệ sắc - không
Tự thân học đạo hằng mong Phật đà*

*Thương cha đang chịu cái già
Cầu Phật gia hộ thân và tâm an
Sống vui trong ánh đạo vàng
Phước huệ đầy đủ đôi đàng tương lai*

*Phương trời xa thăm dậm dài
Nhớ cha nhớ mẹ vẫn hoài trong tâm
Thời gian biến biệt tháng năm
Ngày cha nhắc nhở thì thăm đạo con*

thơ

HIỀN NGUYỄN

Ât Lăng thành, 06/2021

Mẹ và Thơ: Nhìn từ Châu Á

NGUYỄN GIÁC

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Chúng ta đang trong mùa Lễ Vu Lan Báo Hiếu. Truyền thống Phật Giáo Việt Nam đón Lễ Vu Lan sẽ là ngày rằm tháng 7 âm lịch. Lễ này xuất phát từ sự tích ngài Mục Kiền Liên, vị môn đồ đệ nhất thần thông của Đức Phật Thích Ca, nhìn thấy mẹ của ngài thọ khổ dưới địa ngục, nên ngài đã xin Đức Phật chỉ phương pháp cứu mẹ ra khỏi kiếp quỷ đói. Tại Việt Nam, Phật tử đón Lễ Vu Lan Báo Hiếu thường là trọn tháng ăn chay, tụng kinh, làm từ thiện để hồi hướng công đức cho cha mẹ. Mẹ già như chuối ba hương, như xôi nếp một như đường mía lau... Hình ảnh người mẹ luôn luôn là nguồn cảm hứng thi ca. Lòng mẹ nhìn từ các nhà thơ Châu Á sẽ là chủ đề của bài này.



Jūkichi Yagi

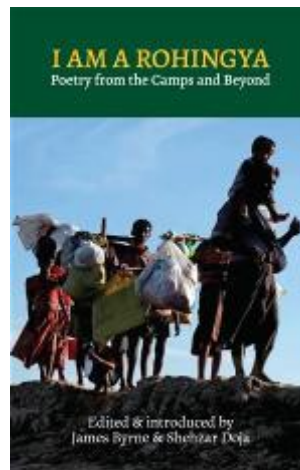
Nhà thơ NHẬT BẢN **Jūkichi Yagi** (1898-1927) là nhà thơ, nhà văn, nhà giáo. Năm 1925, ông xuất bản thi tập đầu tiên, nhan đề "Autumn's Eye" (Mắt Mùa Thu). Ông gia nhập một nhóm các nhà thơ tại Tokyo, và thơ ông xuất hiện trên nhiều tạp chí văn học. Năm 1926, ông

bệnh lao phổi, và năm liệt giường cho tới khi từ trần năm 1927; lúc đó, ông mới 29 tuổi. Năm 1928, thi tập thứ nhì của ông gồm các bài thơ ông đã chọn trước khi chết, nhan đề "Poor Believers" được ấn hành. Các bài thơ chưa xuất bản khác của ông được ấn hành trong nhiều năm sau nữa, và sau cùng, toàn tập thơ ông "The Complete Poems of Jūkichi Yagi" ấn hành năm 1959. Sau đây là bài thơ nhan đề "Mắt Của Mẹ Tôi" của Jūkichi Yagi.

MẮT MẸ TÔI
© Jūkichi Yagi

*Trong đêm
khi tôi mở mắt
tôi nghĩ về mẹ tôi nơi quê nhà xa xôi*

*cũng mở đôi mắt của mẹ và nói, "Ôi đứa con
thương của mẹ." (Hết)*



Zaki Ovais là một nhà thơ sắc tộc ROHINGYA, và là một nhân viên phát triển cộng đồng trong một trại tỵ nạn nằm giữa Miến Điện và Bangladesh. Người Rohingya liên tục chạy tỵ nạn trong 200 năm qua, khi họ bị quân đội Miến Điện liên tục bóp rập, xua đuổi ra khỏi quê nhà họ ở Rakhine. Vào tháng 12/2017, sau khi bị quân đội Miến Điện tổng tấn công, đốt nhà, hiếp dâm, tra tấn... khoảng 625,000 người Rohingya chạy tỵ nạn từ Rakhine, Miến Điện, sang nước láng giềng Bangladesh. Bài thơ "I am a Rohingya" (Tôi là một người Rohingya) là bài thơ đầu tiên của chàng thanh niên Zaki Ovais, cho thấy anh sợ hãi chính phận người của anh, và tự thấy anh như gà con nép mình dưới cánh gà mẹ. Bản Anh dịch của James Byrne.

TÔI LÀ MỘT NGƯỜI ROHINGYA
@ Zaki Ovais

*Tôi là một con ruồi trong bếp, vo ve
trên mép bờ của một bức vách che.*

*Tôi là một con gà dưới cánh mẹ
ẩn trong khe hẹp của bờ ức mẹ.*

*Tôi là một chim bồ câu trên đường phố
Yangon
bị giam trong chiếc lồng bất nhân.*

*Tôi là dòng nước chảy trong sông Mayu
nhớ tới người bạn thân thương: Khí trời.*

*Tôi là một người trong vũ trụ
bị bác bỏ hầu hết các quyền căn bản.*

Tôi là một người tự sợ chính mình. (Hết)



Nhiều thế hệ người TÂY TANG sinh ra và trưởng thành tại Bắc Ấn Độ, trong đó có nhà thơ **Kaysang**. Cô lớn lên tại thành phố Dharamshala,

trú xứ lưu vong của Đức Đạt Lai Lạt Ma đời 14, học văn học tại Delhi. Kaysang là đồng sáng lập Drokmo, một tổ chức nữ quyền hoạt động trong các cộng đồng người Tây Tạng và các sắc dân Hy Mã Lạp Sơn tại Ấn Độ. Thi tập đầu tiên của cô là "broken portraits" (các chân dung tan vỡ) xuất bản năm 2016. Bài thơ sau đây của Kaysang có nhan đề "untitled" (không đề) như một lời thưa với mẹ, mang âm hưởng thần thoại, nhìn mẹ như một hóa thân bồ tát, trích các đoạn cuối như sau.

UNTITLED

@Kaysang

*...mỗi khe nứt trên da của mẹ
ủ các chuyện kể về
một trăm ngàn ngày
nuôi ăn một trăm người.*

*các anh em mẹ gọi mẹ là
thiên nữ
kiêu hùng
thần nữ bảo vệ ---
họ là các con trai mẹ
và con, đứa con gái duy nhất của mẹ.*

*bàn tay mẹ chỉ biết
để yêu thương,
để làm việc,
để tận hiến,
để chăm sóc.*

*thưa mẹ, con đã
thừa hưởng
đôi tay mẹ
và trọn sức nặng của chúng. (Hết trích)*

O Yöng-jae, nhà thơ ĐÀI HÀN nổi tiếng, sinh năm 1935 tại Jangsung, tỉnh Chonnam, Nam Hàn. Khi Cuộc Chiến Triều Tiên bùng nổ vào năm 1950, ông nhập ngũ trong Quân Tình nguyện Nhân Dân khi mới 16 tuổi, và từ đó ông sống tại Bắc Hàn. Ông là tác giả nhiều thi tập. Đối với dân Nam Hàn, ông được biết nhiều nhất với bài thơ "Mother, Please, Don't Get Older" (Mẹ ơi, Xin Mẹ Đừng Già Thêm Nữa) ông sáng tác khi gặp lại mẹ ông năm 2000 trong sự kiện hội ngộ các gia đình ly tán giữa Nam và Bắc Hàn. Bài thơ sau

đây nhan đề "Oh, My Mother" (Ôi, Mẹ của Con) do O Yöng-jae sáng tác khi nghe tin mẹ vẫn còn sống ở Nam Hàn sau 40 năm bất tin. Toàn văn như sau.

ÔI, MẸ CỦA CON

@ O Yöng-jae

--- khi nghe tin sau 40 năm rằng mẹ vẫn sống ở Miền Nam

*Sống,
Vẫn sống,
Và gần tám mươi
Ngay cả hôm nay Mẹ vẫn còn sống.
Một mặt trời đột nhiên lên cao
Giữa đêm đen
Trận mưa rào niềm vui tràn ngập
Chảy tràn bờ, và tuôn trào từ tim con.
Một niềm vui nặng nề đè bẹp con.
Ngã xuống, con khóc,
Đứa con trai này kêu khóc.
Trên đầu gối con, cảm giác con... biến mất,
Con quỳ lạy lần nữa và lần nữa.
Những gì đã gìn giữ Mẹ
Cho tới hôm nay,
Không phải ơn phước nào từ Trời,
Cũng không phải Thời Gian thấy tội nghiệp.
Chính là niềm tin của Mẹ
Đã giữ đầu Mẹ ngẩng cao với thế giới
Bởi vì Mẹ sẽ không nhắm mắt lại
Cho tới khi Mẹ ôm đứa con trai này một
lần nữa.
Hướng về niềm tin của Mẹ
Con quỳ gối xuống
Mẹ ơi, con cảm ơn Mẹ
Ôi Mẹ ơi, con cảm ơn Mẹ. (Hết)*



U Sam Oeur là nhà thơ CAM BỐT, sinh năm 1935, sống sót qua 4 năm trong các trại tập trung của chế độ Pol Pot bằng cách giả như mù chữ sau khi hủy hết tất cả các bản thảo văn học của ông để đóng vai lao động cưỡng bách ở các nông

trường. Ông trưởng thành ở tỉnh Svey Rieng, lên học ở thủ đô Phnom Penh, du học Hoa Kỳ, lấy bằng Cử Nhân ở Cal State-Los Angeles và bằng Cao Học M.F.A. về Thơ tại Iowa Writers Workshop, về lại Cam Bốt năm 1968, sống bằng nghề dạy học, nhập ngũ hai năm (1970-1972), đắc cử chức Dân Biểu và được chọn làm đại biểu Cam Bốt tại Liên Hiệp Quốc. Tháng 4/1975, quân Khmer Đỏ toàn thắng. Vợ chồng ông, đứa con trai

và mẹ vợ bị đưa vào tuần tự 6 trại tập trung trong vòng 4 năm. Khi vợ ông trong trại tập trung sinh ra cặp song sinh, bà đỡ trong trại siết cổ chết hai bé song sinh theo lệnh cai tù vì không thể có thêm miệng ăn trong tù. Khi quân đội Việt Nam đánh bại quân Khmer Đỏ, U Sam Oeur và gia đình trở về Phnom Penh.

Ông vào làm ở Bộ Kỹ Nghệ. Năm 1991, một bài thơ ông chỉ trích quân Việt Nam đang giấu trong học bàn bị lộ ra, ông bị quy chụp là âm mưu hoạt động dân chủ Cam Bốt, và bị ép nghỉ việc. Một nhà thơ Hoa Kỳ, bạn học của ông, vận động tổ chức Dashiell Hammett-Lillian Hellman Foundation Fund For Free Expression bảo lãnh ông sang Hoa Kỳ trong một chương trình văn học quốc tế kéo dài ba tháng vào tháng 9/1992. U Sam Oeur được các bạn học Hoa Kỳ đưa vào Iowa's International Writing Program với cương vị Independent Scholar (Học giả Độc lập) và do vậy kéo dài thời hạn chiếu khán. Trong thời gian ba tháng, ông dịch nhiều bài thơ của ông sang Anh văn, gửi tới nhiều tạp chí Mỹ. NXB Coffee House Press in tập thơ song ngữ của ông, nhan đề "Sacred Vows" năm 1998, và in tập hồi ký nhan đề "Crossing Three Wildernesses" của ông năm 2005. Bây giờ, hai vợ chồng ông đều là công dân Mỹ, định cư tại Texas. Sau đây là toàn văn bài thơ "Only Mothers will Embrace Sorrows" về những bà mẹ Cam Bốt bị thảm trong cuộc chiến.

CHỈ CÁC BÀ MẸ ÔM LẤY NỖI BUỒN @ U Sam Oeur

*Tôi dò bước, đi xuyên qua nỗi cô đơn
tới căn chòi nơi chúng tôi trước kia
ngồi tụ tập uống rượu để
vui với hòa bình giả tạo.
Tôi ngồi dưới mái nhà lợp lá cọ*

*nhìn vào ghế của các bạn
nhưng không còn thấy ai
nghe chỉ những tiếng cười của các bạn.*

*Nơi đây, y hệt như mọi nơi khác ---
bỏ hoang,
các ngôi làng của những căn nhà không mái
đen thui
tôi không thấy dù là một con chó.*

*Những tiếng mìn nổ
tiếng súng đại bác gầm rú
từ tuyến đầu tới tuyến đầu, lay động tất cả
những hạt phấn của hoa champa.*

*Không nơi để trốn, không nơi nào dưới bầu
trời được an nghỉ
và tiếng rên rỉ của trẻ em
và tiếng khóc của các bà mẹ*

vang theo lửa đạn lóe lên khắp nơi.

*Và thân xác các bạn, các anh em, đã
che chúng tôi
chắn đạn, và máu các bạn
tung lên khắp Mẹ chúng ta, thúc đẩy hồn tôi
vĩnh viễn tôn thờ hoa sen và hoa nhài. (Hết)*



Li-Young Lee là nhà thơ INDONESIA gốc HOA, sinh năm 1957 tại Jakarta, Indonesia, ba mẹ là người Hoa. Thân phụ của Lee là bác sĩ riêng cho Mao Trạch Đông khi còn ở TQ, đã đưa cả gia đình sang được Indonesia. Năm

1959, gia đình Lee lại bỏ trốn khỏi Indonesia khi phong trào bài Hoa tăng vọt đẫm máu, và sau chuyển đi dài 5 năm qua Hồng Kông và Nhật Bản, vào Mỹ định cư năm 1964. Nhờ đó, Li-Young Lee trưởng thành trong nền học vấn Hoa Kỳ. Thi tập "The City in Which I Love You" (Thành Phố Nơi Đó Tôi Yêu Em) của Lee được giải thưởng Lamont Poetry Selection năm 1990 của Academy of American Poets. Bài thơ nhan đề "I Ask My Mother to Sing" (Tôi Mời Mẹ Tôi Hát) của ông với hình ảnh tiếng hát lẫn vào tiếng mưa, như sau.

TÔI MỜI MẸ TÔI HÁT @ Li-Young Lee

*Mẹ khởi đầu, và bà ngoại cùng cất tiếng theo
Mẹ và con gái hát y hệt như các cô gái nhỏ
Nếu cha tôi còn sống, ông sẽ chơi
đàn phong cầm và lắc lư như một chiếc
thuyền.*

*Tôi chưa từng ở Bắc Kinh, cũng như tại Cung
Điện Mùa Hè
cũng không từng đứng trên Thuyền Đá vĩ đại
để xem
mưa bắt đầu rơi trên Hồ Kuen Ming Lake,
những người tới chơi
đang chạy biển đi trong cỏ.*

*Nhưng tôi yêu thích được nghe hát
nhìn các cây bông súng tràn ngập nước mưa
cho tới khi
chúng lật nghiêng, tràn nước vào nước hồ
rồi đứng thẳng lại, và ngập nước mưa trở lại.*

*Cả hai người đàn bà bắt đầu khóc
Nhưng không ai ngưng tiếng hát. (Hết)*

Ko Soe Naing, nhà thơ MIỄN ĐIỆN và là một nhà hoạt động dân chủ. Anh là một sinh viên của Học Viện Kỹ Thuật Ragoon (Rangoon Institution of Technology) tham gia cùng các bạn chống lại nhà nước quân phiệt. Anh bị cảnh sát bắn bị thương, trầm trọng tới mức hết cứu nổi, trong tháng 3/1988. Trước khi chết, anh làm bài thơ "Real Answer" (Câu Trả Lời Thực), trong đó có lời gửi tới ba mẹ. Toàn văn bài thơ như sau.

CÂU TRẢ LỜI THỰC

@ Ko Soe Naing

*Bạn tôi ơi
Tôi không muốn thì thăm
cơn đau tôi chịu đựng
nhưng muốn kể mọi thứ.*

*Đó là cảm giác xúc động
Viên đạn trong phổi tôi
như các bác sĩ đã nói.*

*Nhưng bạn ơi
nhà độc tài đã ra lệnh để môi tôi phải nói
đó là vết thương
gây ra từ một mũi tre nhọn*

*Sau chai máu thứ tư
bơm vào
nhưng không gì đỡ hơn*

*Tệ hại nhất tôi cảm thấy buồn là
những chiếc còng ở cả bàn tay và cổ chân.
Không để tấm thân xanh xao của tôi
cử động gì.*

*Ba má tôi thở dài và khóc
những đôi mắt đen sẫm và tai đã lãng
Tôi nhận ra và cảm nhận hoàn cảnh mình
lần cuối trong đời mình
lựa lọc những chữ căng thẳng
và để trả lời câu hỏi
của "Ủy Ban Thanh Tra Bí Mật"
về sự thật mà họ không ưa thích.*

*Cái Nằm Trong Phổi Tôi
Là Một Viên Đạn Thực. (Hết)*

Nhà thơ **Nhã Ca** nổi tiếng từ thời còn ở VIỆT NAM. Bà sinh năm 1939 tại Huế, vào Sài Gòn năm 1960, sáng tác với nhiều thể loại văn học như thơ, tiểu thuyết, bút ký, hồi ký. Năm 1964, thi tập Nhã Ca Mới của bà ấn hành, và được trao Giải Thi ca toàn quốc năm 1965. Trong khoảng thời gian 1960 - 1975, bà xuất bản 36 tác phẩm nhiều thể loại. Trong đó, tác phẩm Giải Khăn Sô Cho Huế viết về biến cố Tết Mậu Thân 1968 tại Huế được trao Giải thưởng Văn học toàn quốc năm 1970. Cũng vì tác phẩm này, sau ngày



Nhã Ca tại Thụy Điển, 1989

30/4/1975, bà là phụ nữ duy nhất có tên trong danh sách 10 "biệt kích văn hóa" ở miền Nam Việt Nam, cùng với các nhà văn khác, và bị nhà nước CSVN bắt giam trong 2 năm. Chồng bà, nhà văn Trần Dạ Từ, bị giam hơn 12

năm. Năm 1989, do can thiệp của Văn Bút Quốc tế, Ấn xá Quốc tế và Thủ tướng Thụy Điển Ingvar Carlsson, bà và gia đình sang Thụy Điển tị nạn. Năm 1992, bà và gia đình sang California định cư, cùng chồng sáng lập Việt Báo Kinh Tế và rồi đổi tên là Nhật Báo Việt Báo. Sau đây là bài Thơ Sớm Mai của nhà thơ Nhã Ca, ghi lời người mẹ viết cho ngày đầy tuổi của con.

THƠ SỚM MAI

@Nhã Ca

*Buồn buổi sớm đầy trong ngăn kín
Vườn ăn năn cây cối vừa xanh
Sáng chủ nhật mặt trời đỏ chín
Đầy tuổi con rồi đó nghe anh*

*Nghe đó anh, con đây tiếng nói
Sự thật kia, con nói đi con
Nói đi con, nói dùm mẹ với
Buồn bã nào cóm nỗi lộc non*

*Con nói đi kia mặt trời mọc
Mặt trời đang mọc mặt trời hồng
Mặt trời đang mọc ba đừng khóc
Mưa gió nào chôn nỗi rặng đông*

*Con nói đi, kia sáng chủ nhật
Chủ nhật sao đây ắp cửa nhà
Nụ cười trong máu hơi trong đất
Tiếng nói con đây lịch sử ta*

*Sáng chủ nhật đầy ắp mọi người
Con nói đi mặt trời đang mọc
Mặt trời mọc, mọc rồi, mọc rồi
Mặt trời mọc mà sao mẹ khóc. (Hết)*

Một nhà thơ ẤN ĐỘ xưa cổ... **Ubbiri** là một vị Hoàng Hậu, trước khi trở thành một vị Thánh Ni. Nỗi đau đớn khóc con đã dẫn bà tới cơ duyên gặp Đức Phật và rồi học đạo. Trong hàng môn đệ của Đức Phật có hàng trăm vị Thánh Tăng, Thánh Ni để lại các bài thơ bất tử. Trường hợp bà Ubbiri đã có duyên lành từ nhiều kiếp xưa. Trải qua nhiều kiếp quá khứ, bà Ubbiri đã có nhiều công đức trong thời của nhiều vị Cổ Phật. Trong một kiếp ở thời Cổ Phật Padumuttara Buddha, bà sinh tại thị trấn Hansavatī. Một

hôm, khi ở nhà một mình vì ba mẹ dự tiệc ngoài phố, bà nhìn thấy một vị A La Hán tới gần, bà mới bước ra cung thỉnh vị sư tới trước nhà, mời ngài ngồi, lấy bình bát của ngài và chắt đầy thức ăn dâng cúng. Vị trưởng lão thọ nhận, cảm ơn và bước đi. Nhờ công đức như thế, bà sinh lên cõi trời. Tới thời Đức Phật Thích Ca, bà sinh trong một gia tộc quyền quý ở thành Savatthi.

Vì bà xinh đẹp, Vua Kosala đưa bà vào nội cung. Vài năm sau, bà sinh hạ một bé gái tên là Jiva. Vua hài lòng, tấn phong bà Ubbiri làm Hoàng Hậu. Một thời gian ngắn sau, bé gái từ trần, và bà tới khóc con hàng ngày ở nghĩa trang. Một hôm, bà tới bày tỏ lòng tôn kính Đức Phật, ngồi xuống giây lát, và rồi bước ra, đứng than khóc bên bờ Sông Achiravati. Đức Phật hiện thân thông, tới trước mặt bà và hỏi rằng tại sao lại khóc. Hoàng hậu bạch Thế Tôn rằng bà khóc vì con gái từ trần. Đức Phật nói: "Thieu xác trong nghĩa trang này có 84,000 đứa con gái của con, con muốn khóc đứa nào?" Oai lực từ lời dạy của Đức Phật Thích Ca và công đức nhiều kiếp quá khứ tức khắc giúp bà Ubbiri nhìn thấy cái mệnh mỏng vô tận của cõi luân hồi, và nhận ra bà đã nhiều kiếp ẵm xác con ra thieu nơi nghĩa trang này.

Đức Phật đọc bài kệ:

Người khóc trong rừng: "Jiva, con gái ta ơi."

Ubbiri, tình thức đi: 84,000 đứa con trước giờ đều có tên Jiva

đã thieu xác nơi nghĩa trang này.

Người thương khóc đứa con nào?

Hoàng Hậu Ubbiri tức khắc đặc quả A La Hán. Đây là một trong vài trường hợp hy hữu, đặc quả cao nhất trong khi chưa xuất gia. Bà Ubbiri đọc bài thơ tạ ơn Đức Phật:

Xong rồi, đã hoàn toàn

bút ra mũi tên rất mực khó thấy

từ trái tim con

Con đang tràn ngập nỗi đau đớn vì thương đứa con gái

Và Đức Thế Tôn đã lấy ra nỗi đau cho con.

Hôm nay — với mũi tên bút ra

không còn tham luyến gì, toàn bộ

là Niết Bàn —

Đối trước Phật, Pháp, Tăng

con xin quy y Tam Bảo.

Và sau cùng, kính chúc tất cả độc giả một Đại Lễ Vu Lan trang nghiêm và hạnh phúc, sức khỏe an lành, thoát hiểm nạn, vượt qua mùa đại dịch.

THẦY (3)

*Đất lệch cơ đồ đổ ngã nghiêng
Bao nhiêu oan uổng với ưu phiền
Sinh lộ cùng đường duyên tắc biến
Muôn vạn người đi biển máu loang
Phải buổi gian nguy biết đá vàng
Tinh thần vô úy chí bên gan
Từ bi chan chứa bao dung chúng
Chịu trận hồng phong phụng pháp tràng
Áo vải hài rom giữ pháp hành
Tắc lòng tha thiết độ nhơn sanh
Gậy trúc trường sơn đường thạch trụ
Hải Đức thiên môn đủ chỉ thành
Hỏa hận tràn lan họa hiểm hung
Nhân tâm ly tán thậm mông lung
Tăng tục đôi đàng đầy ách nạn
Đạo đời hai nẻo hạn nghiệp chung
Thầy chẳng ra đi vì đại chúng
Cầm trượng đương thân đáng đại hùng
Chỉ lớn mưu đồ cơ phục hoạt
Ngục tù hình án vẫn ung dung
Núi dựng rừng xanh bóng áo già
Độc hành ly viễn khúc trường ca
Cung đàn cao xướng ai tòng hưởng
Du sĩ không nhà đường thăm xa
Khí phách ẩn tàng thân sậy lau
Cắt lời tâm huyết dậy cơn đau
Quốc độ, dân sinh cùng đạo cả
Tiếc thay pháp lữ đã phai màu
Trí huệ thậm thâm rất nhiệm màu
Đồng đạo bao người hiểu được đâu
Long tượng tòng lâm đâu vị tướng
Chỉ vì cơ nghiệp xướng thệ sâu
Đạo pháp xương long dân tộc hưng
Lê, Lý, Trần, Lê... cũng đã từng
Thiền sư hộ quốc còn ghi chứng
Sử sách ngàn thu xưng tán danh
Đôi mắt tinh anh thấu nhiều nhưng
Giương cao đuốc tuệ giữa đêm trường
Lời tâm huyết gọi trùng quang án
Truyền thừa chánh pháp tận hồng dương
Viết sách dịch kinh vẫn miệt mài
Bản hoài chí nguyện chẳng hề phai
Vô ngã dân thân hành hoạt xử
Xưng danh trường tử sư Như Lai.*

thơ ĐỒNG THIÊN

MẸ TA HOA PHẬT

Thích Thanh Thắng

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Có những lúc nghe tiếng mưa đêm mà nhớ mẹ, nhớ khung cảnh của những ngày xưa cũ. Thấp thoáng bóng mẹ ngồi ở đầu ngõ đợi con về. Mỗi lần tôi về thăm nhà, mẹ mừng lắm, nhưng mỗi lần xin phép mẹ đi, mẹ bảo mẹ phải mất hàng tuần mới bình thường lại được.

Cả đời mẹ lúc nào cũng trông mong các con các cháu về. Hôm nghe tin mẹ yếu dần, tôi điện thoại về, mẹ vẫn nói rõ từng câu: "Mai thầy về với mẹ đi!" Đây là câu cuối cùng trong đời mẹ dành cho tôi. Khi tôi về đến nhà thì mẹ đã yếu lắm rồi. Dù mắt nhắm, mẹ không nói được, nhưng khi tôi ôm mẹ vào lòng và nói mẹ ơi, thầy về với mẹ rồi đây, bỗng thấy mắt mẹ chớp chớp.

Tôi là con của mẹ, sao dám xưng thầy, nhưng lúc nào mẹ cũng gọi tôi như thế, nên tôi gọi để mẹ nhận ra tôi. Khi nghe tiếng tôi gọi, tay mẹ cử động rồi lần tìm nắm chặt tay tôi. Tôi nói mẹ ơi, ngày đã về chiều rồi, tiếng mẹ niệm Phật hay lắm, mẹ cùng con niệm Phật mẹ nhé. Tôi ôm mẹ trong vòng tay cùng với tiếng niệm Phật, khoảng 10 phút sau, mẹ tôi nấc vài tiếng rồi nhẹ nhàng ra đi. Tôi biết mẹ đã dành hết những năng lượng cuối cùng chỉ để chờ tôi về...

"Mẹ vừa đi rồi các anh các chị ơi! Sao thầy về thì mẹ lại đi chứ?"

Tôi đã khóc như một đứa trẻ dại. Có lẽ trong đời tôi chưa bao giờ trải nghiệm

tiếng khóc nào sâu thẳm từ trong lòng như thế, dù sau khi bố tôi mất, nhìn sức khoẻ của mẹ tôi luôn biết ngày tôi xa mẹ cũng đang đến rất gần.

Tôi ngồi niệm Phật với mẹ suốt đêm hôm ấy. Đàng sau bi thương, tôi đã trải nghiệm nỗi khổ chia ly lớn nhất trong đời. Khi bố tôi mất, nhìn mẹ tôi vẫn thấy bố tôi, nhưng khi mẹ tôi mất, tôi thấy mất mát ấy không dễ gì diễn tả được.

Cũng may, sau ngày bố tôi mất, mẹ tôi từng vào ở chơi trong cốc mấy tháng. Thỉnh thoảng mẹ tôi cũng có nhắc chuyện nếu sau này mẹ mất thì thầy cứ hỏa táng mẹ cho sạch sẽ. Mẹ đã chuẩn bị sẵn thời gian vô thường cho cuộc đời mình, lẽ nào tôi chỉ là người học thuộc câu kệ "*Các hành vô thường/ Là pháp sinh diệt/ Sinh diệt diệt rồi/ Tịch diệt là vui*".

Mỗi lần nhớ mẹ, đọc câu kệ trên lòng tôi vui trở lại, vui vì cả cuộc đời mẹ thâm tín Tam bảo và thực hành pháp môn niệm Phật, nên tôi tin mẹ đã về trời. Tôi không biết cảnh trời của mẹ đẹp như thế nào. Nhưng có lần trong nắng sớm, đứng im lặng ở một góc vườn nhìn mẹ bước đến từng chậu hoa, tia những chiếc lá úa vàng, tần ngần với mỗi bông hoa đẹp trong tiếng chim hót ban mai. Màu tóc trắng và khoảng trời xanh, gió nhẹ đi qua những hàng cây, tôi thấy mẹ đẹp bao dung... Mẹ ta hoa Phật!

May mắn cho tôi, khu vườn này đã có một cảnh trời như vậy để tôi nhớ về mẹ. Em gái tôi ở bên Đức cứ mỗi lần nhớ mẹ là lại khóc. Đôi lần tôi nói với các anh em, bố mẹ vẫn đang sống trong hình hài của anh em mình mà. Mọi điều mình làm mẹ vẫn biết hết. Thương mẹ là thương mình, thương mình để giữ pháp thân cho mẹ từ nơi những cát bụi kia. Khi anh em mình còn tồn tại trên đời là mẹ mình vẫn còn đó. Hãy cùng thở và hãy mỉm cười cho cha cho mẹ nào...

Ngày mốt là ngày giỗ cha, con xin mẹ cùng về chứng tácc lòng thành.

Nam mô A Di Đà Phật



P/s: Ảnh: Mẹ tôi tuổi đôi mươi!

MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÚN KIỂM



Kiểm có vị trí đặc biệt trong văn hóa ẩm thực thuần Nam bộ, được xem có nguồn gốc từ các chùa. Do lòng thành tâm cúng dường của Phật tử, người quả bí, kẻ miếng khoai, những rau củ ngon thơm của quê nhà được kết hợp để trở thành một món ăn không thể thiếu trong nếp sống ăn chay của người dân Việt kính trời, hiếu đạo.

Nguyên liệu: (cho 2 phần ăn)

- 1 miếng bí rợ nhỏ
- 1/2 củ khoai môn cao nhỏ
- 1 củ khoai lang bí nhỏ
- 1 củ cà-rốt nhỏ
- 1 củ sắn nhỏ
- 1 miếng đậu hủ
- 7-9 trái đậu que
- 1 thanh tàu hủ ky cây
- 50 grams (khoảng 1/4 chén) bột khoai
- 50 grams (khoảng 1/4 chén) đậu phộng
- 2 tai nấm mèo
- 1 lọn bún tàu
- 1 trái mướp nhỏ
- 1 chén nước cốt dừa, khoảng 300 ml (1 1/4 chén)

Gia vị:

Hạt nêm chay

Sơ chế:

- Khoai lang bí, khoai môn cao, củ sắn gọt vỏ, rửa sạch, cắt thanh dài 4-5 cm (2 inches), dày 1 cm (1/2 inch).
- Cà-rốt gọt vỏ rửa sạch, tía hoa.
- Bí rợ gọt vỏ rửa sạch, cắt hình tam giác.
- Đậu que rửa sạch, bỏ phần xơ, cắt đôi.
- Bún tàu ngâm cho nở.
- Nấm mèo ngâm nở, rửa sạch, cắt sợi bề ngang khoảng 1 cm (1/2 inch).

- Bột khoai ngâm nước cho mềm.
- Tàu hủ ky cây ngâm nước khoảng 2-3 giờ cho mềm, để khi nấu gia vị được thấm vào bên trong.
- Tàu hủ cắt hình quân cờ.
- Đậu phộng ngâm nước, rửa sạch.
- Mướp gọt vỏ rửa sạch, cắt lát.

Thực hiện:

1. Khoai lang bí, khoai môn cao đem chiên vàng, vớt ra để riêng.
2. Cà-rốt, tàu hủ ky cây, nấm mèo xào sơ qua với chút dầu ăn. Nêm 1/2 muỗng cà-phê hạt nêm, để riêng.
3. Cho vào nồi khoảng 1 lít (4 chén) nước và 1/3 chén nước cốt dừa. Cho đậu phộng vào ngay ban đầu, nấu sôi.
4. Khi nước vừa sôi cho khoai lang bí, khoai môn cao đã chiên vàng vào. Cho luôn cà-rốt, nấm mèo và tàu hủ ky cây đã xào sơ vào, đây nắp nấu sôi khoảng 5 phút trên lửa nhỏ cho các nguyên liệu vừa chín mềm. (Chú ý không để lửa lớn sẽ làm nát các nguyên liệu.)
5. Sau đó cho bí rợ, củ sắn, đậu hủ vào. Nêm vào nồi khoảng 1 muỗng canh hạt nêm chay. Nấu thêm khoảng 2 phút nữa cho tất cả nguyên liệu vừa chín mềm.
6. Cuối cùng cho đậu que, bún tàu, bột khoai và mướp vào.
7. Cho hết phần nước cốt dừa còn lại vào. Nêm lại lần cuối cho vừa ăn, món này phải vừa có độ mặn mặn, độ béo của nước cốt dừa, và độ ngọt thiên nhiên của rau củ. (Chú ý lúc này phải thật nhẹ tay để các nguyên liệu không bị nát.)

Bún kiểm ăn kèm với rau thơm rất ngon và có nhiều dinh dưỡng.

Vũ Quỳnh



Bể Dâu

(Lời của cầu Tràng Tiên)

TRINH TIÊN (1921—2020)

Tôi nằm ngang qua lòng sông Hương, uốn cong mười hai nhịp để nhận thu âm điệu của đời. Ôi! những ngày nghênh ngang của tấm thân sắt lạnh! Chân tôi đứng vững vàng trên lòng sông sâu, đầu ngẩng phất lên nhìn vòm trời xa rộng: oai nghi và lộng lẫy, đẹp đẽ mà dịu dàng.

Tôi như một cây đàn mà bao nhiêu người đến phổ âm thanh vào từng nhịp. Mỗi đêm, nhất là những đêm trăng, thì đây là nhịp rền hồn của người thất chí, đây vang lời tha thiết của những lứa yêu ương, và đây hận não nề của tâm hồn tuyệt vọng.

Mỗi mùa hoa phượng nở, tôi, cầu Tràng Tiên, là nơi ghi tâm niệm ước ao của những nam thanh nữ tú. Bao nhiêu người đứng dựa vào thân tôi để hưởng lây hơi gió quạt, ánh đèn trắng, và nghe tiếng nước nhịp như giọng đàn, trong khi mắt nhìn những con thuyền trôi qua dưới chân

cầu, dưới chân người.

Ngoài những thi vị êm đềm mà người ta tìm nơi tôi, với cả tấm thân sóng soài nổi hai bờ sông Hương, tôi đã vượt những chiếc đồ chậm chạp để giúp cho khách qua sông mau chóng hơn. Ngày qua đi, bận rộn mà reo vui: những nhấn chân đội vang nhịp điệu, như truyền cho tôi âm hưởng cuộc đời.

Nhưng, dưới bàn tay dã man, bàn tay tàn bạo của chiến tranh phá hoại, thân tôi gãy đổ, oằn oại giữa lòng sông. Đời tôi đang rợn rùng bỗng nhiên thành hiu quạnh. Như cây đàn gãy phím bị hất hủi, rời lạc tay đời, tôi nhớ nhung bao âm điệu, thăm tiếc bao hình ảnh của những ngày xưa.

Thăm tiếc và nhớ nhung: là bông hoa trong mầm sung sướng rồi, nếu tôi khỏi nhìn thấy tác động đáng tủi hờn. Không tủi hờn làm sao được khi người ta đem rắp

vào cái thân tàn tật của tôi những thanh tre yếu ớt? Như thế chỉ để lập lại một lối nói to tát: "qua cầu Tràng Tiên".

"Qua cầu Tràng Tiên"?! Tôi lắng nghe tiếng chân bước vội vàng mà dè dặt, hấp tấp mà nghi ngờ. Người ta đi qua chỉ để cho đỡ hao tiền đồ, chứ không còn là những bước chân thông dong tin cậy, đầy quyền luyến dịu dàng, những nhịp bước như bật theo nhịp lòng hân hoan vui vẻ.

Không một tiếng động, không một bóng người. Không cảm thấy những bàn tay mát dịu ôm vịn vào tôi; không có những tà áo mềm phất nhẹ vào tôi với mùi hương ướp ngát. Không. Vắng vẻ cả. Chỉ có những chuyển đồ ngang qua lại, những khách quá giang đông đảo vui vẻ bên cạnh cái thân đứt rạn lạng lẽ của tôi.

Không một tia mắt an ủi từ những nét mặt quen thuộc của bao nhiêu khách qua cầu. Hình như họ không nhìn thấy tôi nằm đây, hay họ có nhìn mà không hoài niệm gì đến cái thân tàn vô dụng này nữa.

Hỡi thần Tài và thần Mỹ Thuật! Xin hoàn lại cho tôi hình dáng năm xưa!

... Không biết ở phương nào, có một thi nhân đang khóc cuộc bể dâu, mà gió từ núi Ngự Bình mang đến cho tôi những hơi thở dài não nuột. Nhưng dòng nước từ tả ngạn sông Hương vẫn chảy nhẹ nhàng vỗ về tôi; cả ánh trăng mùa hạ và những áng mây... tất cả hình ảnh sắc màu phô diễn chan hòa trời Tràng An, đều kêu gọi tôi đứng lên chung góp vẻ đẹp, điểm tô thêm cho non nước thanh bình.

Trinh Tiên
(tức nhà thơ **Tâm Tân**)

(Huế, mùa hạ 1947)



Photo: wikipedia

PHỤ ĐÍNH: **LỊCH SỬ CẦU TRƯỜNG TIỀN**

(theo Wikipedia - tiếng Việt)

"Căn cứ bài thơ "Thuận Hóa thành tức sự" của nhà thơ Thái Thuận, thi sĩ Quách Tấn đã cho rằng dưới thời vua Lê Thánh Tông, sông Hương đã có cầu. Chiếc cầu đó, được làm bằng song mây bó chặt lại với nhau và nối liền nhau, nên có tên là **cầu Mây**. Vì cầu có hình cái mống úp lên sông, nên còn có tên là cầu Mống. Trải bao năm tháng, không biết khi nào, cầu Mống được làm lại bằng gỗ, mặt cầu lát bằng ván gỗ lim.

Nguyên cây cầu bằng sắt này do Hãng Schneider et Cie et Letellier thiết kế, khởi công vào tháng 5 năm 1899 và khánh thành vào ngày 18 tháng 12 năm 1900. Cơ bản cầu có 6 vòm, mỗi vòm dài 66,66 mét. Mặt cầu rộng 4.5 m và có hai lề đường hai bên, mỗi bên rộng 0,75m. Chi phí hoàn thành là 732.456 Francs.

Trận lụt năm Thìn (11/9/1904) đã cuốn trôi 4 vòm xuống sông.

Hãng Daydéet Pillé được giao cho việc sửa chữa hai vòm cầu còn lại và làm 4 vòm cầu mới khác theo kiểu cũ.

Năm 1907, khi vua Thành Thái bị thực dân Pháp đày sang đảo Réunion, thì chính quyền thực dân Pháp cho đổi tên là **cầu Clémenceau**, theo tên của Georges Clemenceau, một Thủ tướng Pháp thời Thế chiến thứ nhất.

Trong những năm 1905-1915, mặt cầu được phủ lớp bê tông cốt sắt. Cầu bị xuống cấp do rỉ sét và lưu lượng qua lại ngày càng nhiều nên chính phủ thời đó đã thương lượng với Hãng Eiffel (tên lúc đó là Công ty Xây dựng Levallois Perret - La Société Constructions Levallois-Perret) tìm phương pháp tu bổ cây cầu này. Theo đó, các nhà chuyên môn đã quyết định: thay thế những khung dầm sắt bị hư hỏng, mặt cầu đúc xi măng cốt sắt, lòng đường rộng hơn, hai lề đường cho người đi bộ rộng 1,95, làm ra phía ngoài và mỗi chỗ trụ cầu phải nở rộng hơn để làm chỗ tránh. Toàn bộ cầu được sơn phủ nhiều lớp để tránh rỉ sét. Chi phí nâng cấp lần này là 435.000\$.

Ngày 20 tháng 6 năm 1937, Hãng Eiffel - lúc đó mang tên mới là Anciens Etablissements Eiffel - dưới sự chỉ huy của giám đốc - kỹ sư Martin André đã tiến hành thi công mở rộng cầu. Vào tháng 11/1939, sau 29 tháng thi công, cầu Tràng Tiền hoàn thành.

Năm 1945 chính phủ Trần Trọng Kim đổi tên là **cầu Nguyễn Hoàng**.

Năm 1946, trong chiến tranh Việt - Pháp, cầu bị Việt Minh đặt mìn, giật sập hai nhịp phía tả ngạn. Hai năm sau cầu được tu sửa tạm để qua lại. Năm 1953, cầu được sửa chữa hoàn chỉnh như cũ."

Trong Sự kiện Tết Mậu Thân, trụ 3 và nhịp 4 bị phá hủy, khi quân Mặt trận Giải phóng miền Nam cho giật sập để cắt đường phản công của quân đội Việt Nam Cộng hòa. Sau đó, một chiếc cầu phao được dựng tạm lên bên cạnh để nối đôi bờ; rồi cầu được tu sửa tạm thời."

(hết trích)

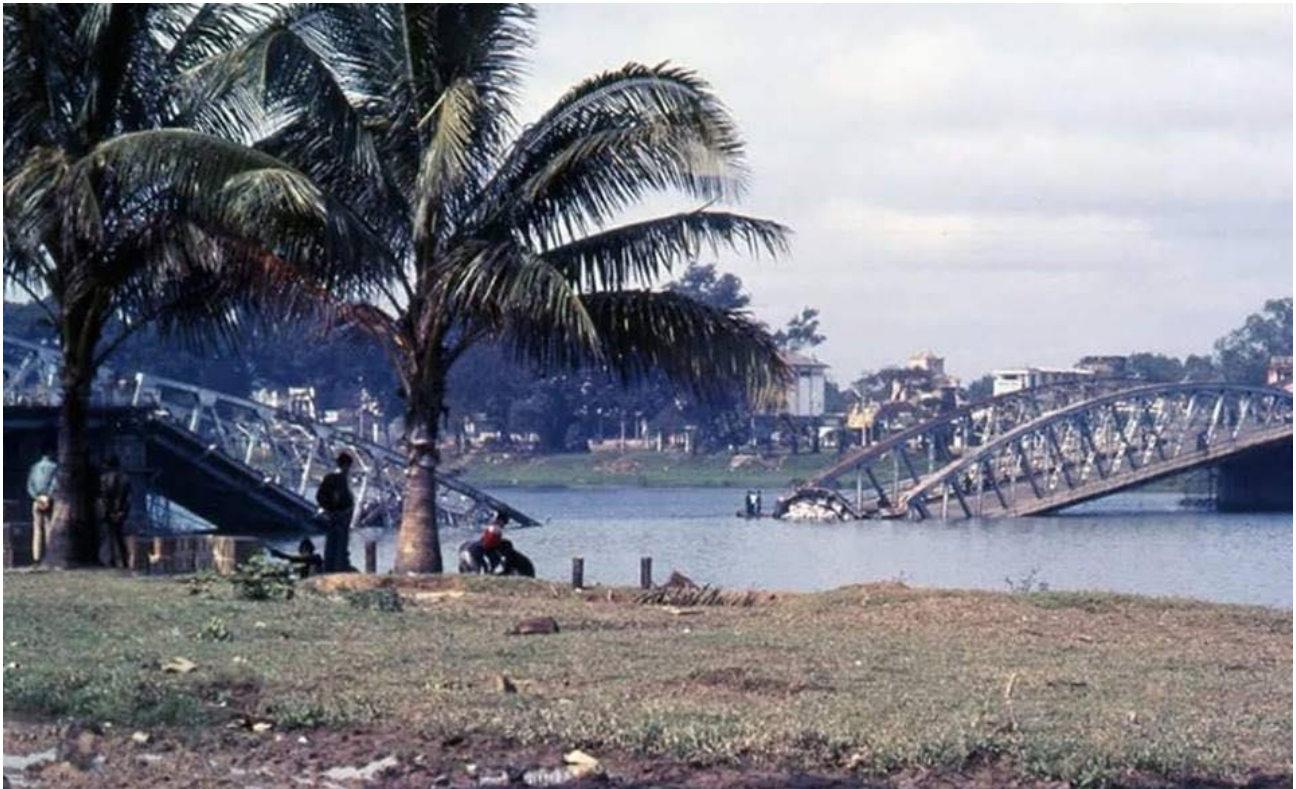


Photo: songhuonghue.com

NGHĨA TRANG

Ở đây lớp lớp mộ vô chủ
Nào có ai dành một nén hương
Ở đây tối tối hồn oan khóc
Tiếng dế đêm sâu nảo nuốt buồn

Bao nhiêu mộ chí nằm nghiêng đổ
Bạn với trâu bò mỗi giấc trưa
Lối nhỏ hoang tàn gai mắc cỡ
Nào ai thăm viếng lúc sang mùa

Người từ tuyến lửa chở về đây
Tử sĩ Bình Long ngăn đá đầy
Từng dãy Poncho về bãi H
Trực thăng lên xuống bụi mù bay

Về đây rũ sạch trần duyên cũ
Lặng lẽ đi về cõi tịch liêu
Về đây hoàn tất phần chung sự
Đồi thắp thiên thu lộng gió chiều

Ở đây bình đẳng nằm thanh thản
Kẻ trước người sau... những dãy mộ
Ở đây tất cả là huynh đệ
Mật thiết nhau từ mảnh vải xô

Đồi vắng chiều hôm ai đứng đó
Bàng hoàng lịch sử đã sang trang
Xa xa Châu Thới xanh màu núi
Thánh giá nghiêng xiêu lệ mấy hàng

Người sống hôm nay còn thẹn mặt
Với hồn tử sĩ với trăng sao
Ngoài kia pho tượng... đi đâu mất
Chiếc bệ còn nguyên nổi nghẹn ngào

Ở đây tháng Bảy mùa ân xá
Luống những điều tàn chẳng khói hương
Ai thỉnh cho hồi chuông siêu độ?
Giải oan hồn phách lạc mười phương

Bao nhiêu tuổi lệ bao nhiêu máu?
Rồi cũng ô hô kiếp dã tràng
Một sớm Xuân về nghe bão tới
Sơn hà sao xuyên lệ dầm chan

Từ đây miền Nam... thành khánh tận
Sạch trơn bờ cõi trắng tay chung
Nổi trôi vận nước bèo mây dạt
Xi xóa cho rồi cuộc phế hưng

Túi thân người lính nằm trong mộ
Nợ máu xương này biết hỏi ai?
Đêm bắc hồn oan theo bóng đóm
Vật vờ ghènh bãi... ánh ma trôi

Nhân chứng là đây... từng dãy mộ
Đoạn trường chi lẫm núi sông ơi!
Có nghe tiếng quốc buồn bi thiết
Hòa tiếng mưa rơi cuối... cuối trời.

thơ HỒ THANH NHÃ





Một ngày cho Mẹ

VÕ HỒNG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Sáng hôm nay, chúng tôi vào lớp được nửa giờ thì đoàn Thanh niên Phật Tử kéo đến đóng cọc chằng dây chiếm nửa sân trường. Tiếp tới, họ chia nhau căng lều đóng trại.

Tôi thì thầm hỏi Nhung:

- Không nghỉ lễ mà sao họ cắm trại?

Nhung che miệng - sợ thầy ngó thấy - nói nhỏ:

- Ngày rằm tháng Bảy, lễ Vu Lan.

Tôi mừng quá: ngày mai được nghỉ lễ.

Những em thiếu nhi quần áo xanh dương đậm, sơ mi màu da trời tíu tít đóng cọc, chằng dây theo lệnh của mấy anh huynh trưởng. Sau một giờ, họ đã hoàn thành hai dãy lều nhỏ thật gọn, thật xinh. Dây nhả tồn ngày thường dùng làm chỗ để xe đạp, hôm nay được trang hoàng cũng thật nhanh. Khi chuông rung ra chơi thì dãy nhà tồn biến thành phòng triển lãm. Họ kéo vải trắng làm phông, họ phủ vải trắng hai bên dây ghề dài làm chỗ trưng bày sản phẩm triển lãm. Chúng tôi bắt chập hàng dây neo to chằng làm ranh giới, chúng tôi cứ chui luồn dưới dây để vào xem.

Buổi chiều, các em Oanh, Vũ mang những cái hộp lớn kèm với những giỏ hoa. Tiếng loa phóng thanh lanh lảnh:

- Bông hồng cài áo! Mùa Vu Lan là mùa báo hiếu. Báo hiếu trước hết cho Mẹ. Cho Cha rồi Ông Bà, tổ tiên. Ai vui mừng vì Mẹ còn tại thế thì xin cài một đoá hoa hồng. Ai xót xa Mẹ đã qua đời xin cài lên một đoá hoa màu

trắng. Nơi giỏ hoa này, xin các bạn chọn. Bạn vui lòng bỏ vô hộp một ít tiền mà bạn có dư. Tiền đó sẽ giúp cô nhi viện.

Chúng tôi nghe nói giúp cô nhi viện thì rủ nhau đi xuống sân. Hai em Oanh Vũ tiến lại gần chúng tôi:

- Chị cần hoa hồng hay hoa trắng?

Nga nói:

- Hoa hồng.

Một em mỉm cười:

- Em xin chia nỗi vui mừng với chị.

Em thứ hai:

- Chị đưa hoa đây em cài lên áo cho chị.

Em bé đứng thấp nên Nga phải cong người xuống.

Đoá hoa xếp bằng lụa mỏng màu hồng tươi, cánh mượt trông mỹ miều như hoa thật. Khi hoa đã cài chắc lên áo, Nga mở nắm tay vào khe hộp bỏ một tờ giấy năm mươi đồng.

Phước Võ tiến tới chọn lấy ở trong giỏ một đoá hoa hồng. Và Phước Võ xếp nhỏ một tờ giấy bạc - tôi không kịp thấy bao nhiêu - nhét vào trong khe hộp. Tôi lặng lẽ nhặt một hoa trắng, ra dấu Mai cài lên áo dùm tôi. Không có đứa nào ngạc nhiên vì đứa nào cũng biết má tôi mất hồi tôi mới lên ba tuổi. Chúng nó chỉ biểu lộ nét buồn bằng sự im lặng. Tôi xếp một tờ giấy trăm đây vào khe hộp. Tiếp theo là Xuân, Mai, Thu lan. Đứa nào cũng cài hoa hồng. Tôi thầm cảm tạ Thượng Đế đã bảo vệ một người Mẹ cho mỗi đứa.

Từ nãy giờ con Vĩnh Hiệp cùng đi với chúng tôi nhưng

nó chỉ đứng im lặng. Xuân quay hỏi nó:

- Vĩnh Hiệp, mày không cài một đoá hoa?

Thu Lan nhặt một đoá hoa màu hồng trao cho nó. Nó cầm lên rồi bỏ xuống giỏ. Chúng tôi ngạc nhiên vì thái độ thiếu thiện chí đó. Cùng đi với nhau mà nó không chịu hoà đồng với chúng tôi. Nhưng lạ nó không chịu rời tay ra khỏi giỏ. Rồi một lúc chúng tôi không ngờ nhất, nó cầm lên một đoá hoa trắng. Nó khẽ bảo Nga:

- Gài lên áo dùm cho mình.

Chúng tôi đều ngạc nhiên. Học chung với Vĩnh Hiệp hơn hai năm rồi mà chúng tôi không hề biết nó mất mẹ.

Nga cài hoa lên áo nó xong, nó xếp một tờ giấy một trăm đồng bỏ vào thùng. Chúng tôi tiếp tục đi nhưng ai nấy đều im lặng. Không biết nên nói cái gì vì cái gì cũng dư, cũng vô ích. An ủi nó chẳng? Tôi không biết nên chọn lời nào. Đành im lặng vậy. Đến lúc đó tôi mới chợt biết: chia vui thật dễ. Còn chia buồn....

Chuông rung, chúng tôi vào lớp. Hai giờ toán trôi qua. Chúng tôi được nghỉ ra chơi. Chuông lại rung, chúng tôi vào lớp trở lại. Còn một giờ nữa, giờ chót của ngày hôm nay, giờ Hóa học. Thầy Khang tươi cười bước vào lớp. Chắc thầy vừa nói chuyện gì vui với các thầy khác ở ngoài văn phòng nên thầy còn giữ nụ cười. Chúng tôi đứng dậy chào, thầy đứng ở bàn chào lại. Tôi chợt thấy thầy nhìn chăm chăm chúng

tôi, vẻ ngạc nhiên lộ trên nét mặt. Thầy để tắt nụ cười, cho chúng tôi ngồi xuống. Hỏi bài cũ, giảng bài mới, công việc tuần tự trôi qua. Bài giảng xong, còn chừng mười phút thì hết giờ, thầy chợt nói:

- Hôm nay các em cài hoa....

Nhiều cái miệng "ồ" lên một lượt:

- Dạ, Bông hồng cài áo, thầy.

Thầy gật đầu. Im lặng một giây, thầy nói:

- Tôi vui mừng thấy màu hoa hồng nở trên áo các em, và đau xót khi thấy một đóa hồng trắng. Trong lớp này hoa hồng nhiều mà hoa trắng chỉ có một, hai.

Chúng tôi đưa mắt nhìn về Vĩnh Hiệp.

- Rất nhiều người chưa cài hoa. Nhất là con trai. Con trai đi học không có sẵn tiền đem theo nên không có hoa để cài. Nếu tất cả đều cài thì tôi mong chỉ rất một màu hồng. Hai, ba đóa hoa trắng trong một lớp đủ làm tâm hồn tôi u buồn. Tôi tha thiết muốn tất cả các em đều vui vẻ, sung sướng, bởi nếu mất đi một người mẹ thì ta không thể nào vui vẻ sung sướng được. Khi thầy ngừng nói, Yến chồm người tới hỏi:

- Lát nữa thầy cũng cài hoa lên áo chứ, thầy? Thầy cài màu gì?

Giọng thầy nói nhỏ lại:

- Màu trắng.

-

- ...Chắc những người lớn như tôi đa số phải cài màu trắng. Và như vậy thì màu hồng sẽ nổi bật lên, mọi người sẽ bao vây để chúc tụng sự trưởng thọ phúc đức của mẫu thân người nào còn cài được đóa hoa hồng. Nhưng "Ngày của Mẹ" đặc biệt dành cho các em nhiều hơn. Bởi má các em còn sống và các em phải biểu lộ lòng hiếu.

Thằng Độ:

- Đi học nghèo mặt rệp, muốn ăn cà rem cũng xin tiền bà, muốn cúp tóc cũng xin tiền bà, muốn mua sách

cũng để tiền bà, mình nghèo kiểu đó thì lấy tiền đâu mà mua quà mà báo hiếu.

Nghĩa dơ một ngón tay xin nói:

- Năm đệ thất có học bài "Báo hiếu cha mẹ" rồi. Học giỏi là báo hiếu. Vâng lời cha mẹ, giúp đỡ cha mẹ, thương yêu cha mẹ là báo hiếu.

Độ chống chế:

- Học trong bài là một chuyện, áp dụng thực tế ngoài đời là một chuyện. Nói như mày ai nói mà không được?

Đúng là thằng Độ già miệng, lại còn noi dõc nữa. "Nói như mày ai nói không được". Phải có thuộc bài thì mới nói chớ. Đâu có dễ? Mà Độ thì chuyên môn cúp cua.

- Văn, Thơ, Nhạc, Họa...

đều ca ngợi người mẹ rất nhiều, - thầy nói tiếp - Ai cũng biết lòng mẹ là đại dương, bàn tay mẹ là dịu hiền, tia mắt nhìn của mẹ là triu mến. Riêng tôi thì tôi thấy rằng càng lớn lên chúng ta càng cực nhọc lao khổ, nếu không cực thể xác thì tinh thần. Giữa những hồi mệt mỏi, chán nản như vậy, ta hay ngồi nhớ lại quá khứ, đoạn quá khứ nào êm đềm nhất của ta. Đối với mọi người, đoạn quá khứ êm đềm là đoạn ta sống bên cạnh mẹ ta. "Ngày của Mẹ" nhắc nhở ta, khi còn nhỏ, đừng làm điều gì cho mẹ buồn. Chăm học, ngoan ngoãn vâng lời... là những bổn phận hàng ngày. Khi ta lớn lên và mẹ ta đã già "Ngày của Mẹ" càng trở nên cần thiết.

- "Ngày của Mẹ" là ngày gì vậy thầy? - Một tiếng cất lên hỏi cắt ngang câu nói của thầy.

- À, tôi quên chưa giải thích. Ở nhiều nước, người ta lấy một ngày trong năm, ngày chủ nhật thứ nhì của tháng Năm, đặt tên là "Ngày của Mẹ". Trong ngày đó các người con tụ hội xung quanh mẹ để chúc tụng, để vấn an,

để biểu lộ cụ thể lòng hiếu thảo của mình. Biểu lộ bằng hoa, bằng quà, bằng điện từ, bằng tiệc mừng. Các em hiểu chưa?

- Dạ hiểu.

- Lúc này tôi nói tới chỗ ta càng lớn mẹ càng già thì "Ngày của Mẹ" càng trở nên cần thiết. Đố các em có biết vì sao không?

Không ai muốn suy nghĩ để trả lời hết. Ai cũng "dạ không" để trả lời lại câu hỏi của thầy, thầy đành tiếp tục:

- Bởi vì mẹ không còn nhanh nhẹn nữa. Không còn khoẻ mạnh nữa, không còn sáng suốt nữa mà chúng ta có một người mẹ gánh nặng, đau ốm thường xuyên. Những lúc đó người con thường không còn giữ lòng yêu mến trọn vẹn như xưa, thậm chí có người còn bạc đãi mẹ, nặng lời với mẹ. Các em có thấy xung quanh mình những cảnh này không?

Nhiều người nhao nhao trả lời "Dạ có".

Thầy chỉ ngay Trọng hỏi:

- Em thấy "có" như thế nào?

Trọng đứng dậy:

- Dạ ở gần nhà em có một ông công chức. Mẹ ông già hơn tám mươi tuổi, bệnh liên miên. Bà vợ ông ngán quá, than trời. Hồi nào ông công chức ở nhà thì đỡ, hễ ông đi làm là bà vợ mắng bà già sa sả. May bà già điếc nên cứ tha hồ mắng, bà chẳng trả lời.

Cần vừa giơ tay vừa đứng dậy:

- Dâu mắng còn đỡ. Đẳng này thằng con trai cũng mắng mẹ nữa.

Thầy hỏi:

- Em thấy ở đâu vậy?

- Dạ hồi ba em còn làm việc ở Ba Xuyên chưa ra đây, em có biết một ông chủ tiệm xe đạp. Bà mẹ ông già mà sanh bệnh lở loét cùng mình. Ông cứ rửa cho bà mau chết.

Thầy rầu rầu nét mặt và chúng tôi cũng thấy buồn lây.

Bầu vô ý nhất lớp, giơ tay hỏi thầy:

- Như vậy thì bày ra "Ngày của Mẹ" làm chi thầy? Người lớn họ bất hiểu quá mà.

Thầy dịu dàng nhìn:

- Số người bất hiểu không nhiều như em nghĩ đâu. Mà thường thì khi lớn lên chúng ta bận rộn nhiều công việc, nhiều mối lo khiến ta không còn nhiều thì giờ để nghĩ đến cha mẹ, để trò chuyện âu yếm cùng mẹ, để săn sóc mẹ. Chính vì lẽ đó mà người ta bày ra "Ngày của Mẹ". Nó nhắc nhở ta nhớ đến công lao của người đã mang nặng đẻ đau, người săn sóc bú mớm, người chăm lo từng li từng tí từ khi ta còn măng sữa yếu đuối. Cha dẫu thương con nhưng không nặng bằng tình mẹ. Cha dẫu làm việc nhọc nhằn nhưng quăn quýt triu mến thì mẹ hơn hẳn cha.

- Mình có thể lấy ngày Rằm tháng Bảy, - Ngọc nói.

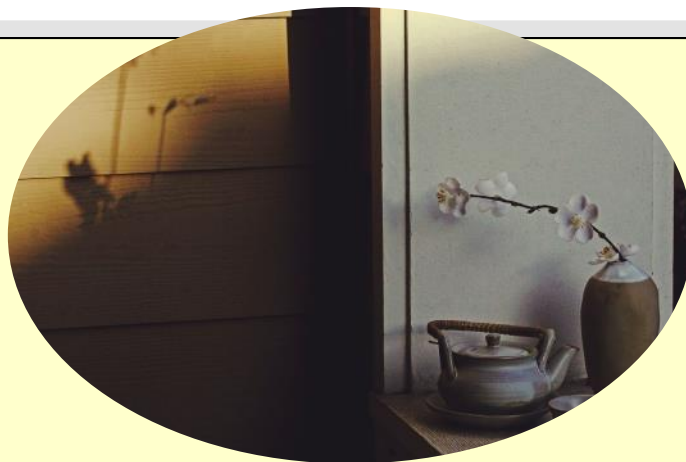
- ...Như gia đình Phật Tử đang làm đó, - Thầy tiếp lời - Trong khi chờ đợi cho một ngày chính thức cho toàn quốc thì ta tạm lấy ngày Rằm tháng Bảy. Phải đó, sang năm chúng ta sẽ thấy thêm thương mến người bạn nào mang đóa hoa màu trắng. Chúng ta dồn tất cả tình yêu của mình cho người bạn không may đó.

Chuông reo bãi lớp đã từ lâu mà chúng tôi không bõn chồn đi về như mọi lần khác. Thầy nhìn xuống đồng hồ rồi bảo chúng tôi:

- Thôi các em ra về. Thầy chúc các em một ngày lễ Vu Lan đầm ấm trong gia đình.

Chúng tôi rào rào xếp cặp đứng dậy lũ lượt ra khỏi lớp. Thầy đứng ở bàn nhìn theo và thầy ra sau cùng.

Trên đường về nhà, óc tôi cứ bị vấn vương về những điều thầy vừa nói. Một ngày lễ Vu Lan đầm ấm! Thầy ơi, suốt cả đời con, sẽ không có một ngày lễ Vu Lan nào đầm ấm như lời thầy vừa mong ước cho chúng con đâu.



ĐÊM DÀI

*Thức lâu mới rõ cảnh đêm dài
Chuông điểm từng hồi, một lại hai
Tịch tịch canh trường... gà cất tiếng
Lạnh lùng phố vắng... chó ra oai
Đảo điên thế sự thêm buồn mắt
Inh ỏi trò đời dễ chán tai
Trần trọc thâu đêm sao khó ngủ
Đời là thế đó! Nghĩ chi hoài!*

BỀ SÀU NHÂN THẾ

*Nhân thế rong chơi giữa bể sâu
Lênh đênh trước sóng biết về đâu
Hành trang, danh lợi chi cho lắm
Gió dập, mưa vùi đắm vực sâu.*

KHÔNG KHỞI TÂM ÁC

*Chen chúc lợi danh cũng chán rồi
Đường trần tạo nghiệp mãi không ngơi
Đẩn đo hơn-thiệt làm chi nữa
Lo lắng, bại-thành cũng thế thôi
Đã biết phù sinh là giấc mộng
Thì xem phú quý tựa trò chơi
Ngoài ra chẳng có gì cao cả
Bằng nghĩa yêu thương người với người
Nếu thiên hạ không khởi tâm ác
Trần gian này đẹp biết dường bao!*

thơ **DIỆU VIÊN**

Đổi cả thiên thu

NGUYỄN NGỌC TƯ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Bạn đi chợ về, thấy cửa sổ mở tung, là biết ba bạn vừa ghé qua nhà. Dầu vết của ông già đây: mấy bóng đèn điện chong chổ bàn thờ thần tài và hồ cá kiếng đã bị tắt, cái quạt hút cũng ngừng quay. Và cửa sổ thông thoáng gió trời, mang vào nhà nắng sáng, không khí mát lạnh cùng bao nhiêu là bông sậy chín.

Lần nào ba bạn ghé qua thì cũng làm bao nhiêu chuyện đó, cùng với một năm cảm rằm, sao mà tụi bây xài phí... Bạn cười, có bao nhiêu đâu mà ba cứ cần nắn... Cả nhà bạn cũng nghĩ vậy, trả mười ngàn cho một vài kí điện thì đáng gì. Ông già chậm rãi nói, tiết kiệm đâu có gì là xấu, phải biết chặt mót cho con cháu sau này... Khi đó, bạn đã tưởng ba nói đến tiền bạc, nhưng dường như không chỉ vậy. Cho đến tối nay, khi người biên tập viên chương trình thời sự trên ti vi khép lại chuỗi tin bão lũ cuối ngày, bạn bỗng nhận ra ba mình kều dành dụm những thứ hơn cả tiền, những thứ có bao nhiêu tiền vẫn không mua lại được, một khi đã bán đi rồi.

Và sự thật đã có những cánh rừng, những con sông... đâu đó trên đất nước này bị xé mảnh, ngã khúc bán chác, bị biến đổi thành một món hàng mà ai cũng cần: điện. Cuộc mua bán đó bạn cũng có phần, là làn gió mát từ cánh quạt xoay, là ánh sáng bùng lên đến từng góc nhà, là những cái máy biết vâng lời sau mỗi lần nhấn nút, chúng nấu cơm, giặt sạch áo quần, làm nước nóng

lên hay đông lại thành viên đá nhỏ... Đã từng chống mông thổi lửa nấu cơm khói cay xè gian bếp, từng học bài, khâu áo trong ánh đèn dầu tù mù đỏ nhói, từng ngủ hàng ngàn giấc đầm mồ hôi...nền điện là món hàng bạn sẵn sàng mua mà không mảy may đắn đo nghĩ ngợi. Dù đôi khi cầm hóa đơn mua điện trong tay, bạn cũng bắt chước người ta dèm pha, "mấy ông nhà đèn sướng thiệt, mua một bán mười, chặn sông làm năm bảy khúc, nước trời có sẵn chảy tới đâu điện... tuôn ra tới đó mà lại bán buôn đắt đỏ..." nhưng bạn biết, bạn cần món hàng này biết bao nhiêu, bạn muốn có nó dù đắt đến đâu. Như con nghiện vậy...

Giờ thì bạn biết món hàng này đắt đến nỗi dường như bạn không thể trả nổi, và nợ nần chồng chất thêm sau mỗi cơn giận dữ của thiên nhiên. Lần đầu tiên trong cuộc đời, bạn bắt công tắc đèn, nghe sợ. Đèn này thắp sáng trong vòng một giờ bạn sẽ phải trả khoảng ít ngàn đồng, không biết người ta có để dành một phần nào bù đắp lại cho những vùng đất khát khô kiệt quệ, những vùng đất chìm trong biển nước, những khu rừng đã mất, những dòng sông đã chết... hay quên mất? Và những con người đã chết hoặc vì bão lũ hoặc vì đói nghèo, hơi thở họ là vô giá, làm sao tính được vào những hóa đơn? Vì vậy mà người ta đã gạt những sinh mạng đó ra ngoài cuộc bán mua này, coi như không có?

Những ngày này đọc đâu đó, nghe đâu đó cụm từ "con người đang trả giá...", nhưng chính xác ai trả giá? Câu trả lời có vị chất: người nghèo. Còn những kẻ trực tiếp xẻ sông, san rừng, phá núi núp trong những tòa nhà cao, kín đáo... họ không bị làm sao hết, không cái gì ngăn được họ làm giàu và mưu tính để giàu thêm thêm nữa. Dù đổi cả thiên thu...

Ờ, đổi cả thiên thu, mà vẫn họ vẫn thiếu thiếu sao ấy, bạn nghĩ vậy, thiếu cái gì thì bạn vẫn đang nghĩ thêm, để tìm những từ ngữ ít phủ phàng hơn sự thật. Nhưng chắc chắn là nhà họ thiếu một... ông già giống như ba bạn. Một ông già nghèo mà vẫn tiếp, đi đến đâu đánh thức những cái đẹp thắm sâu, những cái đẹp bị vùi lấp, bị từ bỏ. Cả những thứ vô cùng bình thường như gió mát, nắng sớm cũng được ông già mời gọi nâng niu, bởi chúng làm người ta trong trẻo và thanh thản. Hơn hết, ông nhắc dành phần cho con cháu, dạy bạn biết sợ khi vui trên nỗi đau người...



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



CHỨC

Quốc vận đến hồi suy nên dân tình khốn đốn, pháp vận đương lúc mạt tử chúng phân ly, pháp lý đa đoan. Ngài cùng một số ít huynh đệ vẫn giữ lòng trung tín, tận tâm phụng Phật hoằng pháp, hộ quốc hộ dân. Ngài bị mạ lỵ, ngục tù đầy đọa nhưng ý chí kim cương không lung lay, đau lòng vì nước loạn dân oan nên kiến nghị triều đình:

- Lấy ngày tàn cuộc chiến làm ngày chúc sinh người sống, chúc siêu người chết, chúc hòa dân tộc...

Tiếc thay đàn gảy tai trâu, triều đình không nghe mà còn khùng bổ dử dội hơn. Pháp lý có người nhị tâm cười cợt:

- Chỉ là trùng pháp danh, ông tăng này là người đang có rắc rối với triều đình chứ không phải ông tăng thời Đông A.

Những đồng đạo theo chủ mới nghe thế thì vui ra mặt nhưng những người chân chính thì đau lòng lắm. Hậu sanh có kẻ cảm phục ngài viết:

HUYỀN diêu hạnh sa môn vô úy tử bì cụ bị độ cả hàng tăng tục

QUANG minh thừa Thế Tôn tinh tấn trí tuệ viên mãn giáo dưỡng chúng hậu sanh.

KHÔNG THẤY TÁNH

Thầy cùng với một nhóm đệ tử xuất gia lần tại gia đi hành hương, sau khi lễ Phật viếng chùa xong, thầy cùng mọi người đi vắng cảnh và

thăm thú đời sống dân tình. Họ ghé vào một lò đúc xem những người thợ làm những sản phẩm mỹ nghệ, nào là tượng, mâm, nồi, chân đèn, lư hương... Ai cũng trầm trồ khen đẹp, khéo tay, công phu. Thầy nói:

- Các sản phẩm này có cái tướng vô cùng sai biệt, vậy nên cái dụng cũng khác nhau. Các người đi tìm cho ta một ít đồng đem lại đây xem sao.

Mọi người tản ra xung quanh tìm kiếm đồng, sau một hồi cả bọn quay lại thưa:

- Chúng con tìm không thấy đồng, chỉ có sản phẩm đã hoàn thiện.

Ông thầy chỉ vào những món đồ ấy và cười:

- Đồng đây nè! Tất cả đều là đồng, các người chấp tướng nên không thấy tánh.



HƯỜNG GIÁN TIẾP

Thầy nói pháp hơi cao và thâm, nhiều Phật tử ngỡ ngác. Giờ ăn ở trai đường, có người nói:

- Thầy mới nói nhiều đó mà không nạp nổi, tiêu hồng xong. Đụng tới tam tạng kinh điển hay những bộ luận lớn chắc chết! Ngồi nghe không hiểu liệu có ích gì?

Đạo hữu có người giải thích:

- Trận mưa nhỏ đổ xuống, cây cao bóng cả hưởng hết, hạng cây cỏ lè tè chẳng được bao nhiêu nhưng cũng gián tiếp hưởng bóng mát chở che.

Thầy nghe đặng chuyện đối đáp bèn bảo:

- Các vị đều đúng, thầy phải xem lại cách của mình, nói cao thì người thấp không hiểu, nói thấp quá thì người biết sẽ buồn ngủ. Phật pháp vốn khế cơ khế lý là vậy!

ĐỘ

Mỗ cũng như những đồng hương của mình, yếu thể thao lắm, mê bóng đá quá độ luôn. Thế giới có bao nhiêu giải đấu thức trắng để coi, nào là: cúp thế giới, cúp châu Mỹ, cúp châu Âu, cúp châu Á, cúp đồng nam Á, cúp quốc gia... đã thế còn cá độ nữa, mức độ cá độ ngày càng tăng, cường độ càng lớn, biên độ càng nhật hơn. Thịnh thoảng thẳng nhỏ, hầu hết là thua liểng xiểng, vợ mỗ tỏ thái độ bất bình:

- Những tướng có trình độ, nào ngờ si mê vô độ, đem

tiền cá độ, đến nỗi thua vô hạn độ.

Tiền bạc và tài sản ra đi sạch, mồ côi chiếc xe độ cọc cách cà tàng đi làm. Bạn mồ có người tu theo tịnh độ, thấy vậy thương tình nên thường tìm cách giúp đỡ và rộng độ mồ. Nhiều người nói ra nói vào:

- Cái tay mê cá độ ấy không thể độ, dù có tế độ cũng uống công.

Người bạn ấy không nản lòng, vẫn ra tay giúp bạn và còn khẳng khái:

- Tự độ chưa đủ, còn phải độ tha, hãy làm đến mức độ tốt nhất mà mình có thể.

Mồ nghe thế cảm động, đi làm về viết tặng bạn:

Cá độ hơn thua vô độ chơi bởi lượng độ hạn hẹp quốc độ khổ đau

Thái độ hiền thiện hạn độ giữ gìn tâm độ rộng rãi tịnh độ an lạc.

XỨ MÌNH

Xứ mình có một vùng đất khô cằn sỏi đá, thời tiết khắc nghiệt, nắng hạn mưa lũ... Ấy vậy mà sanh ra lắm người giỏi, bởi vậy thiên hạ kháo nhau rằng: "Địa linh sinh nhân kiệt". Thời hiện đại có ông tướng, ông tổng và ông tăng cùng xuất phát từ đây. Ông tướng hô hào:

- Thế giới đại đồng nhuộm hồng dân tộc.

Ông tổng phản pháo và chủ trương:

- Áo đen đạo dòng áo hồng quốc giáo.

Cả hai ông đều muốn và tìm mọi cách buộc ông tăng phải phục tùng mình. Ông tăng tử bi, tay không tắc sắt nhưng ý chí kim cương:

- Đạo theo sự thật Phật phi chính trị.

Khộng lời kéo được ông tăng. Ông tướng và ông tổng ra sức lợi dụng, trói buộc, triệt hạ cho bằng được. Cuối cùng ông tổng đi trước và ông tướng đi sau nhưng ông tăng trước sau vẫn vậy. Không biết xuất phát từ đâu mà dân gian truyền nhau bài ca dao mới:

Ông tướng ông tổng hung hăng

Bao năm đấu đá nhì nhằng biết bao

Ông tăng chẳng dính dự vào

Mà thiên hạ cũng xì xào thị phi

Vẫn không đánh mất từ bi

Giữ gìn đạo pháp cũng vì quốc gia

Anh em nguồn cội một nhà

Trên thì phụng Phật dưới là chúng sanh.

NÊN RA THẾ ẤY

Hai người bạn rủ nhau đi mua sắm, họ vào một tiệm bán máy móc say mê nhìn ngó. Người quản lý đến bên hỏi:

- Quý khách cần gì? Tôi sẵn sàng giúp đây!

Một người nói:

- Tôi muốn mua một số phụ tùng cho cái máy của tôi nhưng tôi muốn món ấy phải là: Made in the USA.

Người quản lý cười:

- Anh tìm thấy món đồ nào có chữ đó thì tôi cho không anh, đừng nói ở tiệm tôi mà tiệm nào cũng thế thôi!

Hai người bỏ đi, người có yêu cầu ấy cảm râm:

- Xứ gì mà toàn bộ đồ đạc từ thượng vàng đến hạ cám đều làm ở nước ngoài, vậy công ăn việc làm, an ninh xã hội sẽ sao đây?

Người bạn anh ta phì cười:

- Lợi nhuận là việc của chủ, công ăn việc làm và xã hội là việc của chính phủ, thời thế thế nên ra thế ấy!

TÊN TÔI LÀ NẠN NHÂN

Quan quyết cướp đất lấy ruộng vườn để bán hoặc cho thuê, kẻ đồng môn quyết giữ đất, kêu gọi dân làng đồng tâm ngăn cản, bởi vậy bị bắn chết, mồ bụng phanh thây để thị uy. Dân oan có người bất bình, thu thập bằng chứng đăng lên mạng xã hội cho bàn dân thiên hạ biết. Quan hận lắm, bắt cả

ba mẹ con chị ta bỏ tù, kết tội:

- Bêu xấu quan nha, phá hoại chính sách triều đình, tiếp tay thế lực thù địch...

Ngày ra tòa, quan tòa hỏi tên. Chị đồng dạc:

- Tên tôi là nạn nhân của cường quyền, tất cả dân oan đều đồng một tên là nạn nhân.

Quan giận tím mặt, rút bản án có sẵn trong túi ra đọc để răn đe. Chị vẫn ngẩng cao đầu không một chút sợ sệt. Ấy vậy mà trí thức lại sợ xanh mặt, đồng loại lặng im, tuy vậy cũng có người khóc

Cái thời vô cảm đã lâu

Dân tình quốc sự hơi đầu luận bàn

Sá gì quốc độ giang san

Phổ cho quan liệu lấy đàng tự lo.

TỶ PHÚ GỐC MÍT

Cũng đều là dân tỵ nạn gốc mít cả, nhưng y lanh lẹ và cũng nhờ dự phước kiếp trước nên làm ăn phát đạt, trúng chứng khoán mà thành tỵ phú. Thật tình mà nói thì y cũng là dân có trình độ chứ hồng phải hạng cà lơ phất phơ. Y đem tiền sửa sắc đẹp, khổ nổi trông còn quái dị hơn. Y xúng xính y cầm hồi hương, vừa đầu tư kiếm lời vừa ăn chơi thả giàn. Y cặp một em chân dài nhưng trí ngắn và tư cách nhỏ. Cô ấy sống buông thả lấy lỗi làm lãi, kiếm tiền bằng mọi cách, bất chấp luân thường đạo lý. Cô ấy tuyên bố:

- Đạo đức thì cạp đất mà ăn à?

Chuyện lùm xùm quá độ, thiên hạ cười chê, mạng xã hội dậy sóng, nhóm truyền thông cũng rần rần ăn theo. Y giận đùng đùng vừa chửi bới vừa dọa kiện ra tòa. Nhân sĩ ta thán:

- Cha chú cũng hàng trí thức nổi danh của cựu trào, sao hậu duệ lại ra nông nổi này?

Steven N

Georgia, 07/2021

CHÀNG CON KHÔN NGOAN

Gia đình điển chủ thời xưa
Có con trai nọ mới vừa sinh ra
Đẹp lòng mẹ, hài lòng cha
Khi chàng khôn lớn cả nhà vui tươi.
Đột nhiên ông nội qua đời
Cha chàng từ đó thành người khổ đau
Nhớ thương ông nội dài lâu
Tro tàn hài cốt cha đâu nữa rồi
Mang về chôn cất tận nơi
Nắm mồ xây giữa vườn thời đẹp thay,
Mỗi khi cha đến nơi đây
Thường mang phủ khắp mộ đầy bông hoa
Khóc than nước mắt nhạt nhòa
Uống ăn cha chẳng thiết tha nữa rồi
Chẳng buồn tắm rửa thân người
Việc nhà việc cửa cha thời bỏ lơ.
Chàng trai thấy vậy xót xa
Nghĩ thầm: “Mình phải giúp cha lành hiền
Ngưng đau khổ, dứt muộn phiền
Chuyện này ai sẽ làm nên ngoài mình.”
Khi chàng dạo bước ngoài thành
Thấy con bò chết nằm quanh bên đời
Chàng bèn mang cỏ thật tươi
Cùng bao nước uống tới nơi cạnh bò
Mời bò: “Cỏ hãy ăn no!
Nước ngon hãy uống! Ta lo sẵn sàng!”
Bà con qua lại thấy chàng
Nghĩ chàng mất trí và đang điên cuồng
Thế là họ vội tìm đường
Chạy về báo lại cha chàng đầu đuôi.
Cha chàng nghe nói rụng rời
Đang ngồi than khóc ở nơi vườn nhà
Tạm ngưng giọt lệ xót xa
Rời mồ ông nội chạy ra tìm chàng
La lên: “Con thật bất thường
Xác bò chết sắp xình trương lên rồi

Đưa nước tốt, mời cỏ tươi
Bò sao ăn uống, con thời u mê.”
Chàng con thưa: “Cha nhìn kìa
Bò còn đầy đủ tứ chi, thân người
Đủ cả đầu, thêm cả đuôi
Thời bò sống lại mấy hồi đó cha!
Còn như ông nội ở nhà
Thân người hỏa táng thành ra tro tàn
Đầu mình cùng với tay chân
Có còn đâu nữa, đã tan biến rồi
Cha còn than khóc mãi thôi
Theo con thiết nghĩ tức cười lắm sao
Chẳng tinh khôn một chút nào
Chỉ thêm nhọc xác tổn hao tâm thần.”
Cha chàng chợt tỉnh, nghĩ thâm:
“Con ta quả thật vô ngàn khôn ngoan
Biết điều gì đúng cần làm
Tỏ ra khôn khéo khuyên can cha mình.”
Ông bèn nói, giọng tâm tình:
“Con tôi trí tuệ, tinh anh vô ngàn
Giờ đây cha đã nhận chân
Đâu tồn tại mãi tấm thân con người
Vô thường sự vật trên đời
Mong manh như giọt sương rơi đầu cành
Từ nay cha nguyện tâm thành
Xua cơn bi thảm quanh trong đầu,
Con như làn nước nhiệm màu
Tươi vào dập tắt lửa sầu trong cha,
Con như tay khéo nhổ ra
Cái gai nhức nhối xót xa muộn phiền,
Lòng cha giờ thật bình yên
Tràn nguồn an lạc, xa miền thương đau.”

*

NHẬN DIỆN TIỀN THÂN
Chàng con khôn ngoan là tiền thân Đức Phật.
(thi hóa, phỏng dịch theo bản văn xuôi THE SUJATA
trong “Stories Of The Buddha”
của Caroline A.F. Rhys Davids)



TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

Sợi tơ vắt qua hồ và chiếc lá vàng của Zen Master Bodhi

TRẦN HOÀNG VY

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Forest Park, khu công viên rừng gần ngàn mẫu cuối mùa đông như đắm mình trong giá băng lạnh lẽo. Hơi nước như sương mờ mỗi buổi sáng trưa chiều tối. Cây sồi cổ thụ ngót nghét vài trăm tuổi, trở những thân cành như những sợi dây leo khổng lồ, xoắn vặn chắc vào nhau thành những bấp cây như thùng chảo, cổ quái những hình thù nghệ thuật với đủ các trường phái, bên cạnh những hang hốc của duy nhất loại sóc nâu, với những cái đuôi trông giống hết những chùm bông lau di động, rượt đuổi bắt, cắn la chí chóe. Con đường mòn toàn cây phong hai bên như những hàng người tư lự, xếp hàng đi sâu vào xứ sở của nước, lá mục và vô số những nấm lạ, rải thảm đến tít tắp của màu xanh xám mờ mịt, ẩm ướt.

Tiếng quạ bỗng xao xác, quang quác phía rừng thông. Chợt vút cao tiếng kêu của loài chim lạ, lạnh lốt, vang xa và trầm ấm. Tiếng bầy quạ im bật. Cảnh khu hồ xanh, nước đã đóng băng từ hơn tháng trước, lấp lánh phản chiếu ánh dương quang buổi sáng, bóng dáng chiếc áo dài nâu thấp thoáng và dừng hẳn ở khu nhà lục giác, trông như cái ngó sen, chập chờn trên làn nước băng lạnh.

Tỳ kheo dáng dấp người Châu Á, nước da ngăm đen, đầu trọc nhẵn bóng, hàm râu quai nón xoắn tít ép sát vào

hai bên quai hàm. Nhìn ông, khách có cảm giác như đứng trước một pho tượng đồng hun của thế kỷ thứ XV, XVI,



khoác hồ lên trên tấm khăn màu nâu đất đã bột bột màu sương gió. Trong khi gió buốt từ khu rừng vẫn không ngừng len lỏi, lách qua rừng cây như mũi dao nhọn đang lách từ từ vào da thịt...

Tỳ kheo vẫn nghiêm trang, đứng nhìn chăm chú vào tia nắng lấp lánh phía mặt trời mọc, mặt lạnh giá như lớp băng mỏng ngài đứng dưới chân. Khách im lặng, quan sát. Dõi theo cái nhìn như có lửa ấm của Tỳ kheo, khác với toàn thân như có lớp băng bằng bạc phủ. Bất giác nụ cười như trẻ thơ mập má sau làn râu rậm, khách nghe như có

tiếng người từ trong sâu thẳm vang vọng lại:

"Chào ông! Ông từ đâu đến? Tôi có thể giúp được gì cho ông?"

"Thưa...Thưa...?" Khách chợt ngấp ngừng, lúng túng bởi chưa tìm được tên gọi để xưng hô.

"Không sao. Ta là Zen Master. Mọi người vẫn gọi ta là Bodhi!"

"Vâng! Gọi ngài là Thiền sư (Zen Master)... và tôi phải hiểu như thế nào về ý nghĩa "Bồ đề" hay "Giác ngộ" (Bodhi)." Khách kính cẩn nghiêng người.

"Ha, ha... 'Giác ngộ' ư? Lúc ta tỉnh thức, bỗng thấy vạn vật này, vũ trụ này dường như không có, chỉ mịt mù mưa gió, nắng lửa. Hỏi thấy được gì khi chính nó là không? Hãy cứ gọi ta như sự vốn có. Ta hành thiền và tu thiền, tên gọi là Zen Master (Thiền sư) thế thôi!"

"Vâng! Zen Master! Tôi ở cách đây chừng một dặm (khoảng 1,6 km), sáng sớm thường hay tập thể dục ngang đây..." Khách nhỏ nhẹ trả lời.

"Tập thể dục? Điều lợi cho sức khỏe, nên làm! Nhưng mỗi ngày ông ngang đây thấy gì? Sao hôm nay mới vào đây?"

"Dạ, cảm ơn Zen Master đã khen! Hàng ngày ngang đây, tôi vẫn hiểu là một khu rừng. Suốt mùa đông, cây rụng hết lá, chỉ có tuyết bằng phủ trắng, đi sâu vào cảm

thấy rất lạnh, nên tôi ngại vào. Hôm nay thời tiết ấm áp hơn, tôi muốn...”

“Khám phá, tìm hiểu chú gì? Khu rừng vẫn là khu rừng. Hình thức thay đổi theo bốn mùa là thuận theo tự nhiên để sinh tồn và phát triển theo qui luật đào thải. Mùa đông qua, mùa xuân đến, ấm áp và sinh khí đang dần sinh sôi nảy nở. Muôn loài sẽ ùa kéo về. Có điều là...”

Một tiếng chim thánh thót, ấm áp vút rơi ngang trời, lay động những cành khô, rào rạt trút giá băng xuống lòng hồ xanh ngắt, cắt ngang lời nói của thiền sư.

“Ồ! Hồng hạc lại đến sớm trước ta, từ phương bắc quê hương của nữ thần Tuyết...”

Thiền sư bỏ lưng câu nói. Câu chuyện chấm dứt, dang dở khi thiền sư ngồi xuống, lấy trong chiếc bình bát ra cái bánh bích qui nhỏ, ông bóp vụn ra và rải xuống mặt hồ và cả trên cái trụ hình hoa đăng ẩm ướt rêu xanh. Đường như có tiếng cá quẫy dưới lớp băng mỏng. Khách giật mình, sờn gai ốc khi thấy một con nhện hình thù như một nhúm rêu úa, đang đu đưa theo sợi tơ mỏng, bay lay phay trong không gian, bắt ánh sáng nắng, cứ loang loáng như có, như không. Con nhện đang lần theo sợi tơ tiến về phía những vụn vỡ của chiếc bánh, rải trên cái trụ hoa đăng. Thiền sư miệng lầm rầm đọc mật ngôn, khách nghe như có lời chào buổi sáng bằng tiếng Anh “Good morning! Good morning!” Thiền sư chào... lũ cá, con nhện hay chào mình? Khách ngẩn ngơ tự hỏi!...

oOo

Nắng rực rỡ, những chiếc lá còn đang là mầm, là nụ, xanh mòng manh, tím nhàn nhạt như muốn phô bày hết sự sống và sinh sôi nảy nở, lỏng lẻo muôn vàn hạt sương li ti, vốn là từ hơi nước, chuyển hóa qua mấy tầng lớp

của sự sống, giống như con người, luôn chuyển hóa cùng với thời tiết, thích nghi mọi hoàn cảnh để sinh tồn, song sự an nhiên, bình yên thì mỗi loài đều có cách khác để mà xây dựng cả với niềm tin cao cả.

Khách đang đứng giữa ăng lạng của khu hồ xanh Forest Park. Ba hôm rồi không thấy bóng Thiền sư, những vụn vỡ của chiếc bánh cũng đã không còn. Nhìn xa ra phía mặt hồ, dưới ánh nắng lấp loáng được lọc qua của muôn tầng xanh lá non, sợi tơ nhện mỏng tang như vẫn còn vắt ngang đầu đó, giữa cành cây phong sang đến ngọn tung non hăm hở chọc thẳng lên bầu trời xanh, nổi qua chiếc lá sẫm màu của cây sồi già trầm mặc... nhưng tịnh không nhìn ra chú nhện màu rêu hôm trước...

“Ồ! Thiên tai! Thiên tai! Lại có duyên hội ngộ ông đây...”

Khách giật mình, lời nói như mọc dưới đất vọng lên. Phía sau những bông hoa súng nước màu vàng nhạt, thiền sư xuất hiện, hai mắt nheo nheo, mặc dù phía ấy không hề có chói nắng!

“Ta sẽ chào nhau hôm nay. Ngày mai sẽ là quá khứ! Duyên hội ngộ còn tùy...”

“Dạ thưa! Zen Master sẽ đi đâu ạ?”

“Ta về nơi từ đó ta đến! Ông có nghe về một ngôi làng nghèo nàn, xa xăm chưa? Ngôi nhà ở Nat Purwa... xứ Ấn Độ của ta đó!”

“Sau đó thiền sư sẽ làm gì?”

“Như các ông cần phải lao động, làm lụng để có cái ăn, cái mặc, duy trì sự sống. Với ta ư? Chỉ cần cái đẹp, cái tịnh. Ta tìm viên mãn trong bộn bề và thay đổi của vạn vật... Ví như chiếc lá vàng này.” Thiền sư xòe tay, trong lòng bàn tay là chiếc lá bồ đề, đúng hơn là gân của một chiếc lá bồ đề

óng ánh như được kết lại bằng những sợi tơ màu nhiệm!

“Đẹp quá!” Khách buột miệng khen.

“Chỉ là... bộ xương khô!”

“Chắc phải qua hàng chục năm?”

“Chiếc lá bồ đề, nơi Đức Phật nhập niết bàn, đem để dưới lớp băng của rừng Himalaya...”

“Ồi, trên hai ngàn năm rồi ư?”

“Ta chỉ mới lấy lên từ hơn tháng trước! Đem so những gân lá với sợi tơ nhện cũng chỉ là cái cớ. Không bằng! Không bằng!”

Khách đưa mắt tìm kiếm sợi tơ nhện, chỉ thấy những sợi nắng xuyên qua tầng tầng kẽ lá, nhảy múa trên dòng nước mặt hồ yên tĩnh.

“Lũ quạ đã đi xa từ khi bầy hồng hạc trở về. Thường cái thô thiên hay biến mất trước cái tinh tế, vô nhiễm.” Thiền sư chuyển đề tài và quay lưng bỏ đi.

Tia nắng buổi sớm như rẽ quạt, lỏng lẻo sắc màu kỳ bí của thiên nhiên. Chiếc lá bồ đề do con người chế tác đã trở thành tơ, kim cương bất hoại nhưng so với sợi tơ nhện kia vẫn không sắc sảo tinh tế hơn.

Bàn tay thiên nhiên thì bề bộn, ngọn ngọn sinh sôi từ cuộc sống. Con người với trí huệ tài hoa chỉ góp phần xếp đặt cho ngăn nắp và đúng vị trí của sự vật.

Thiền sư đã rẽ vào khu trồng hoa vô ưu, ngài lại đọc mật ngôn, nghe như có tiếng “All or Nothing” rền rền dưới màu xanh ngồn ngồn của cỏ dại...





NẮNG CÒN TRONG ĐÊM

“Còn Cha gót đỏ như son
Đến khi Cha mất gót con đen xì”
Câu ca trôi với tháng ngày
Ngậm ngùi nghiền ngẫm nhìn mây ngắm trời
Gọi thầm hai tiếng “Cha ơi!”
Đường xa tối sáng mặt trời ngủ yên
Nắng còn đâu đó trong đêm
Bóng Cha loáng thoáng ngoài thềm rêu xưa
Nhớ Cha biết mấy cho vừa
Ấm trà, điều thuốc ngày mưa lạnh lòng
Nhạc già treu lệ rung rung
Bên sông nắng gió tiếng buồn thổi ra
Đàn con tí tẩn bốn ba
Sớm hôm thanh vắng góc nhà Cha trông
Bao nhiêu chất chứa nỗi lòng
Bấy nhiêu thương nhớ mới mong sáng trời...
Vầng dương vang bóng một thời
Cuối đời vẫn cứ không lời khoe khoang
Nắng hiền thương chiếu đời con
Tình Cha âm áp vẫn còn muôn đêm...

NỬA ĐÊM DÂNG MẸ BÀI THƠ

Nửa đêm con ngồi hầu
Trước cửa phòng Mẹ yêu
Không khóc cũng không sầu
Cung kính chữ Tiêu Diêu
Con mới hẹn khi trưa
Để chiều con hót tóc
Hẹn vậy mà vẫn chưa
Đã nghe anh, chị khóc...
Đi nhẹ nhàng thanh thoát
Văng vẳng tiếng nam mô
Sen hồng hương thơm ngát
Sinh tử nhập một bờ
Con ngồi hầu không ngủ
Thôn thức nhìn trông trơ
Trăm năm tròn cuộc lữ
Dâng Mẹ hiền bài thơ...
Mẹ vẫn còn, còn mãi
Lưu lại đời hạnh tu
Vàng soi khắp đại hải
Miên trường ánh trăng thu.

thơ **VĨNH HỮU**



Còn đem theo gì...

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, đã được chính Đức Thế Tôn tuyên dương là Bốn Kinh Thượng Thừa, bao gồm những bí yếu cực kỳ nhiệm mầu, vì diệu mà Chư Phật trao truyền lại cho những ai đủ tín tâm thọ nhận.

Pháp-bảo được lưu truyền đến nay, vẫn sáng ngời toả rạng lưu ly qua bao thăng trầm của thế sự vô thường, với tâm nguyện hoằng truyền Chánh Pháp của các bậc minh sư, tùy căn cơ chúng sanh mỗi thời mà soạn dịch.

Một, trong những bốn kinh Diệu Pháp Liên Hoa thường được trì tụng tại các tự viện là bốn cổ đại lão Hoà Thượng Thích Trí Tịnh biên soạn, hoàn tất với 557 trang, gồm 7 quyển, chia thành 28 phẩm, mỗi phẩm đầy đủ văn kinh và thi kệ.

Cũng do nhu cầu và phương tiện tu học của Phật tử mà Hoà Thượng Thích Trí Quảng cũng đã lược soạn Diệu Pháp Liên Hoa Kinh thành Bốn Môn Pháp Hoa Kinh để Phật tử tại các Đạo Tràng Pháp Hoa có thể hàng ngày trì tụng mà không bị gián đoạn vì không đủ thời gian.

Bốn Môn Pháp Hoa Kinh được Hoà Thượng trân trọng biên soạn, cô đọng 7 phẩm cương lĩnh trong 28 phẩm từ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, gồm:

- Phẩm Tựa – thứ nhất
- Phẩm Pháp Sư – thứ 10
- Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất – thứ 15
- Phẩm Như Lai Thọ Lượng – thứ 16
- Phẩm Phân Biệt Công Đức – thứ 17

Phẩm Phổ Môn – thứ 25, và

Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát – thứ 28.

Phật tử các Đạo Tràng Pháp Hoa, khoan thai chậm rãi trì tụng Bốn Môn Pháp Hoa Kinh, từ nguyên hương tới hoàn kinh chỉ khoảng 1 giờ đồng hồ. Thừa vãng, chỉ 60 phút, nếu giữ tâm chánh niệm thì có thể thọ nhận được hạnh phúc vô biên vì Văn Kinh đã được truyền đạt qua Ý Kinh, từ những phẩm tiêu biểu nhất.

Hành giả may mắn được Sư Cô trong một Đạo Tràng Pháp Hoa tặng cho một cuốn. Nâng cuốn kinh mỏng, khổ giấy 4 rưỡi X 7 inch trên tay mà cảm động xiết bao trước tâm nguyện nhiệt thành hoằng pháp của Chư Tôn Đức.

Khi trì tụng Bốn Môn Pháp Hoa Kinh vào mỗi thời công phu sáng trong một lần phát nguyện nhập thất, hành giả đã cảm nhận niềm hạnh phúc an lạc, nhẹ nhàng như có làn gió từ không gian Linh Thứu năm xưa thoảng tới. Những thời công phu chiều, khi tụng kinh A Di Đà thì niềm hạnh phúc lại rõ hơn khi tiếng niệm Phật bỗng lung linh nét chữ trong một đoạn của Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát:

**"... Tất cả trí nhân
Cần nên suy nghĩ
Những gì đáng quý
Trên cõi thế gian
Đến lúc mạng chung
Còn đem theo được
Rồi nên tích cực
Đúng pháp tu hành ..."**

Sự kết nối tự nhiên và thuần khiết này, như tình cờ

mà thực chẳng tình cờ vì Phật thuyết nhất ngôn, chúng sanh tùy loài giải. Căn cơ chúng sanh chẳng đồng, nên trong kinh điển mới có con số tượng trưng là 84 ngàn pháp môn.

Người tu thiền khi vào Định có khác người tu Tịnh Độ khi niệm Phật đạt nhất tâm bất loạn không?

Điều này, nhiều vị giảng sư đã khai triển, đã giảng dạy, hầu giúp giải toả nỗi băn khoăn của những ai, tuy đã chọn được pháp môn cho mình nhưng đôi khi vẫn cần phương thức của pháp môn khác để hỗ trợ cho một khía cạnh nào đó, mà bỗng phù hợp với chặng đường đang đi.

Hành giả tu Tịnh Độ cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc mà trong thời niệm Phật, tâm bỗng hiện lên lời khuyến phát của Bồ Tát trong phẩm cuối Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, là Bồ Tát đang nhắc nhở gì đây?

Lời nhắc nhở như quyện vào tiếng niệm Phật thầm, vẫn đều đặn trong tâm, không áp đặt nhau và không gì mở đi. Sự hài hoà dẫn dắt tâm ý hành giả tới niềm hạnh phúc sáng rỡ!

Là đây! Hỡi hành giả đang lặng thính niệm Phật một mình trong đêm khuya thanh vắng! Hành giả niệm Phật, nguyện phút lâm chung được Đức Phật A Di Đà cùng hàng Thánh Chư Phật phóng quang tiếp dẫn về Tây Phương Cực Lạc, phải không? Vậy, hãy chỉ nhiếp tâm vào tâm nguyện đó mà đi. Bất cứ gì cản lối đều là những nghịch duyên, phải dừng mãnh gạt bỏ.

Làm sao nhận diện

ngịch duyên để kịp thời gạt bỏ? Phải chăng đó là: "...*Tất cả trí nhân. Cần nên suy nghĩ, Những gì đáng quý. Trên cõi thế gian. Đến lúc mạng chung. Còn đem theo được. Rồi nên tích cực. Đứng pháp tu hành ...*"

Lời dạy cất lên, hình ảnh trong Alaya-thức bỗng hiển lộ, hỗ trợ cho lũ khách đang độc hành trên đường thiên lý. Đó là hình ảnh ngày công tử A Nậu Lâu Đà, với bạn thiết là tổng trấn Bạt Để, cùng mấy người bạn cũng thuộc giòng dõi quý tộc và đồng trang lứa, một lòng cùng nhau lên đường đi tìm Đức Thế Tôn để xin xuất gia.

Chiếc xe tứ mã vang vang tiếng cười hoà cùng nhịp vó rộn rã đưa nhóm người trẻ đi cầu đạo. Khi qua khỏi khu rừng thưa, đến đầu một thôn xóm, công tử Bạt Để dừng cương, nhìn một lượt khắp các bạn rồi phá lên cười.

Công tử A Nậu Lâu Đà hỏi bạn:

- Có điều chi mà huynh dừng xe, cười dữ vậy?

- Không buồn cười sao được? Nay, chúng ta hãy đều tự nhìn lại mình xem, có ai đi xuất gia tu học mà ăn mặc sang trọng như vậy không? Mũ áo xênh xang chưa đủ, còn vòng vàng châu ngọc đeo đầy người thế kia! Chúng ta không định làm trò cười đấy chứ!

Bấy giờ, ai nấy đều xuống xe, xắm soi, ngắm nghĩa mình rồi cùng rũ ra cười. Thế là họ cùng đồng ý, buộc giây cương chiếc xe tứ mã vào thân cây sồi bên đường, cởi bỏ áo quần sang trọng, chỉ mặc bộ đơn giản nhất. Bao nhiêu vàng bạc châu báu cũng trút hết, cho vào một túi vải rồi cùng tiến về thôn làng trước mặt, với ý định sẽ trao tặng cho những người nghèo khổ trong làng.

Ngay trên con đường đất đỏ dẫn vào làng, họ thấy một quán lá siêu vẹo. Đó là quán hớt tóc của một thanh niên trạc tuổi họ, gương mặt sáng

sủa khôi ngô nhưng quần áo thì rách rưới nghèo nàn.

Họ ghé vào quán, hỏi đường tới vương quốc Câu Tát La. Người hớt tóc biết ngay là nhóm người trẻ này muốn tìm tới nơi Đức Phật đang thuyết giảng vì mấy ngày nay cũng có nhiều người đi tới đây, rồi không biết phải rẽ hướng nào mới tới biên giới Câu Tát La.

Sau khi được chỉ đường rất ân cần, cặn kẽ, công tử A Nậu Lâu Đà đại diện các bạn, tặng người hớt tóc nghèo khổ gói châu báu và tất cả áo quần sang trọng vì từ nay họ không còn cần tới nữa.

Người hớt tóc đứng lặng, ôm gói châu báu, nhìn theo những vị công tử khuất dần sau cánh rừng thưa. Khi mở túi vải ra, người ấy rụng rời, sửng sốt! Chưa từng bao giờ trong đời, người ấy được nhìn thấy vàng bạc châu báu nhiều và lộng lẫy như vậy. Nay, không những được nhìn thấy mà tất cả tài sản này đang thuộc về mình! Người ấy sung sướng tới run rẩy vì từ nay hết đói lạnh, hết nghèo khổ, hết bị khinh khi.

Nhưng chỉ thoáng chốc thôi, người ấy lại run rẩy, không phải vì sung sướng mà vì sợ hãi! Nếu có ai biết những gì người ấy đang ôm trong tay thì chắc mạng này không còn! Lại nữa, với châu báu này, làm sao người ấy có thể an giấc trong đêm nơi chòi lá trống trải này? Rồi khai báo với quan quyền thế nào khi một kẻ thuộc giai cấp bần cùng hạ tiện bỗng có tài sản lớn lao! Có khai thật, cũng ai tin? Hay nhiều phần sẽ bị giam cầm, tước đoạt?!

Người ấy chợt nhận ra, chỉ dăm phút trước đây thôi, tuy nghèo nàn nhưng an vui, thanh thản. Dăm phút sau, có một tài sản lớn lao mà bất an, lo sợ tứ bề!

Người ấy lại nghĩ, những vị công tử giòng dõi quyền quý kia, tài sản của họ hẳn có gặp bội lần thế này mà họ bỏ hết, đi tìm Phật, thì chắc là những gì Phật cho họ phải



lớn lao vô cùng, so với tài sản kia. Còn ta, nghèo quá, chẳng có gì phải bỏ. còn không theo bước họ, tính đợi đến bao giờ?

Nghĩ tới đây, tâm người ấy lập tức trở lại trạng thái bình an, vui vẻ. Người ấy nhìn quanh rồi chọn một nhánh liễu cao, buộc gói châu báu lên đó. Ai tìm thấy trước sẽ là sở hữu chủ. Rồi chẳng buồn nhìn lại thôn xóm, người ấy ba chân bốn cẳng chạy về hướng biên giới Câu Tát La, mong bắt kịp nhóm vương tử để được đi cùng.

Người ấy tên là Ưu Ba Ly, sau này là một, trong mười đại đệ tử của Đức Thế Tôn với khả năng vượt trội về trí giới nên được danh xưng là vị Đệ Nhất Trì Giới.

Qua giai thoại này, hành giả đã nhìn thấy "*Những gì đáng quý. Trên cõi thế gia. Đến lúc mạng chung. Còn đem theo được ...*" chắc chắn không phải là sự giàu sang về vật chất.

Trong đạo là thế, ngoài đời thường thì sao?

Alaya-thức lại đưa hành giả về thời điểm mà cá nhân một người-chỉ một người thôi - đã làm rung chuyển cả thế giới. Người đó là Đại Đế Nã Phá Luân (Alexander) vị vua nổi tiếng nhất thời cổ đại. Vó ngựa phi tới đâu là chinh phạt, mở rộng lãnh thổ tới đó, dựng lập một đế chế hào hùng vũ bão từ Âu

sang Á. "Danh" người đó như sấm sét long trời lở đất, cũng như "Lợi" thì phú ngập không thể đo lường.

Vậy mà, năm 323 (Trước Tây Lịch - theo tài liệu Wikipedia) trên đường trở về Babylon, Alexander lâm trọng bệnh. Trước phút lâm chung, ông gọi quần thần đến gần và dặn dò phải tuân thủ 3 việc:

1. Triệu tập các ngự y giỏi nhất nước, khiêng quan tài.

2. Rải hết vàng bạc châu báu trong kho trên suốt dọc đường tới nghĩa trang cho ai may mắn kịp biết thì nhặt về.

3. Đặt hai bàn tay thò ra ngoài nắp quan tài để mọi người đều nhìn thấy rõ.

Thông điệp của một người có vượt trội cả Danh và Lợi qua 3 điều tâm huyết đó chính là:

- Dù tất cả ngự y giỏi đến đâu cũng không ngăn được sự chết !

- Dù tiền bạc của cải nhiều đến đâu, khi nhắm mắt xuôi tay cũng chỉ là những thứ lớt đường và sẽ thuộc về người khác!

- Khi lìa đời, ai cũng ra đi với hai bàn tay trắng như nhau!

Đáng suy ngẫm biết bao khi đọc những trang sử này để quay về với lời dạy trong Bốn Môn Pháp Hoa Kinh, phẩm thứ 28, mà nhận diện những gì không thể đem theo khi mạng chung là Danh và Lợi trong kiếp người ngắn ngủi vô thường này, dù danh lợi có đạt tới tột đỉnh!

Rồi chấp tay búp sen, hướng tới những gì còn đem theo được. Lấy Chánh Pháp làm nơi nương tựa, từng bước vững vàng tìm cầu giải thoát luân hồi sanh tử, tin lời Phật hứa khả là Tam Bảo sẵn có trong mỗi chúng sanh:

Khả năng giác ngộ là Phật

Pháp môn tu học là Pháp

Những yếu tố hỗ trợ cho việc tu học là Tăng.

Người-con-Phật vững tin nơi tự tánh-Tam-Bảo sẽ có thiện duyên được Chư Phật gia hộ mà an trú trong chánh niệm để **tích cực đúng pháp tu hành, đến lúc mạng chung sẽ đem theo được những gì đáng quý.**

Huệ Trân

(Tào-Kê tịnh thất
- những ngày tịnh tu)



VU LAN HIẾU HỘI

*Tháng Bảy về đây với thế gian
Những người con hiếu hội Vu Lan
Lên chùa lễ Phật lòng thương tưởng
Đốt nén trầm thơm hương khói loang*

*Cha mẹ dày công sức lo toan
Vất vả nuôi con những tháng ngày
Bao nhiêu khó nhọc cùng cay đắng
Không thể nào nguôi, chẳng thể quên*

*On đức mẹ cha tựa miếu đền
Kể từ vô lượng vẫn không tên
Núi cao biển rộng thường so sánh
Hãy nhớ em ơi hạnh hiếu tròn*

*Cơ hàn thống khổ những héo hon
Bát cơm hóa lửa tựa than hòn
Vì chưng bòn xén từ tâm niệm
Biết đến bao giờ hiểm nạn tan*

*Đức Mục Kiền Liên xót ruột gan
Thấy, nghe mẹ phải chịu làm than
Cầu thập phương tăng đồng hiệp sức
Thanh tịnh tâm tăng đức đại từ*

*Ngẫm lời chư Phật lẽ chọn như
Muôn sự tại tâm thật chẳng hư
Thiện ác tông tâm chiêu nghiệp cảm
Buông bỏ rồi ra Phạm Chí thành*

*Tháng Bảy tròn trăng thế giới lành
Tâm từ thấm đượm mọi chúng sanh
Phật đạo đầu tiên cầu hiếu hạnh
Cung kính toàn tâm đánh lễ ngài*

*Tháng Bảy Vu Lan hiếu hội khai
Thương cha nhớ mẹ tưởng Như Lai
Nếp sống bao đời dân tộc Việt
Đạo đời đồng hiệp tuyệt đẹp sao!*

thơ **TIÊU LỤC
THẦN PHONG**

Át Lăng thành, 07/2021



The Story of an Old Brahmin

Dhammapada, Verses 324

While residing at the Veluvana monastery, the Buddha uttered Verse (324) of this book, with reference to an old Brahmin.

Once, there lived in Savatthi an old Brahmin who had eight lakhs in cash. He had four sons; when each one of the sons got married, he gave one lakh to him. Thus, he gave away four lakhs. Later, his wife died. His sons came to him and looked after him very well; in fact, they were very loving and affectionate to him. In course of time, somehow they coaxed him to give them the remaining four lakhs. Thus, he was left practically penniless.

First, he went to stay with his eldest son. After a few days, the daughter-in-law said to him, "Did you give any extra hundred or thousand to your eldest son? Don't you know the way to the houses of your other sons?" Hearing this, the old Brahmin got very angry and he left the eldest son's house for the house of his second son. The same remarks were made by the wife of his second son and the old man went to the house of his third son and finally to the house of his fourth and youngest son. The same thing happened in the houses of all his sons. Thus, the old man became helpless; then, taking a staff and a bowl he went to the Buddha for protection and advice.

At the monastery, the Brahmin told the Buddha how his sons had treated him and asked for his help. Then the Buddha gave him some verses to memorize and instructed him to recite them wherever there was a large gathering of people. The gist of the verses is this: "My four foolish sons are like ogres. They call me 'father, father', but the words come only out of their mouths and not from their hearts. They are deceitful and scheming. Taking the advice of their wives they have driven me out of their houses. So, now I have got to be begging. Those sons of mine are of less service to me than this staff of mine." When the old Brahmin recited these verses, many people in the crowd, hearing him, went wild with rage at his sons and some even threatened to kill them.

At this, the sons became frightened and knelt down at the feet of their father and asked for pardon. They also promised that starting from that day they would look after their father properly and would respect, love and honour him. Then, they took their father to their houses; they also warned their wives to look after their father well or else they would be beaten to death. Each of the sons gave a length of cloth and sent every day a food-tray. The Brahmin became healthier than before and soon put on some weight. He realized that he

had been showered with these benefits on account of the Buddha. So, he went to the Buddha and humbly requested him to accept two food-trays out of the four he was receiving every day from his sons. Then he instructed his sons to send two food-trays to the Buddha.

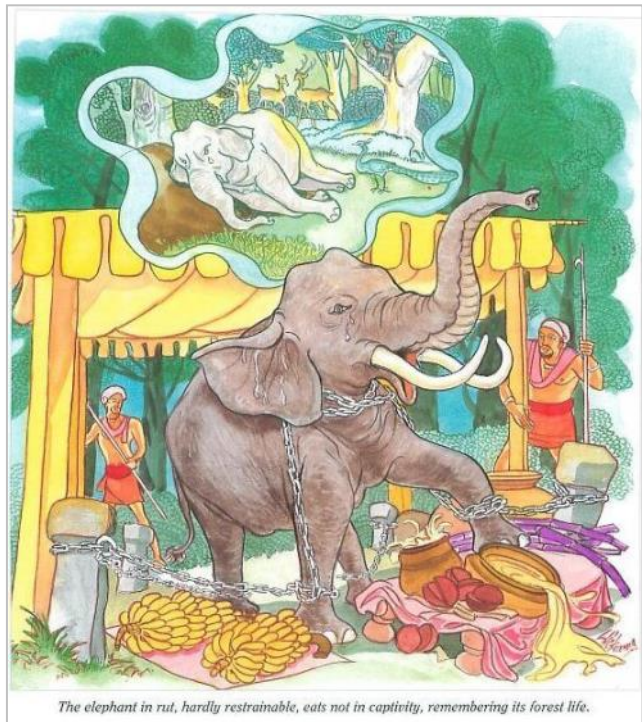
One day, the eldest son invited the Buddha to his house for alms-food. After the meal, the Buddha gave a discourse on the benefits to be gained by looking after one's parents. Then he related to them the story of the elephant called Dhanapala, who looked after his parents. Dhanapala when captured pined for the parents who were left in the forest.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 324: *The elephant called Dhanapala, in severe must and uncontrollable, being in captivity, eats not a morsel, yearning for his native forest* (i. e., longing to look after his parents).

At the end of the discourse, the old Brahmin as well as his four sons and their wives attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



The elephant in rut, hardly restrainable, eats not in captivity, remembering its forest life.

Nước mắt mẹ hiền

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Nặng chiều ửng vàng những căn nhà mới dựng trên bãi biển của thành Ba La Nại. Đó là nhà của một người lái buôn giàu có. Hơn mười năm nay, anh ta đã bao lần lên đênh trên biển cả, tìm đến những bến bờ xa lạ của các nước A Rập, tiếp xúc với những dân tộc hiền lành cũng như hung dữ. Sau mỗi chuyến đi anh ta lời rất lớn. Rồi anh trở thành một trong những người nhiều của cải nhất.

Vợ anh là một người đảm đang. Mắt nàng luôn ấn về lo buồn. Và ngày về của chồng với bao đồ quý giá vẫn không làm cho nàng vui, vì cái viên ảnh của ngày ra đi, của cuộc chia ly sắp đến.

Hai vợ chồng sanh được một đứa con trai. Nàng đặt cho nó cái tên thật dài Métracanyaca. Đứa bé đem lại cho nàng những nỗi khuấy khỏa trong lúc xa chồng.

Métracanyaca đã lên sáu. Một đêm về mùa đông nàng thao thức không ngủ được vì sắp đến ngày cha Métra về. Đến gần sáng, trời bỗng trở gió, gió càng lúc càng mạnh. Tiếng gió bẽ ảm ảm. Những nỗi lo ngại như nhiều lần trước trời dậy. Mãi đến chiều đoàn thuyền vẫn chưa thấy về. Người ta ra bãi ngóng trông.

Đến gần tối, một chiếc thuyền buồm xuất hiện. Trong số hàng chục chiếc ra đi chỉ có một chiếc trở về, và chiếc đó không phải là thu-

yền của chồng nàng. Người ta báo cho nàng cái tin hung dữ. Thuyền của chồng nàng bị đánh đắm. Nàng ngất đi. Sự đau đớn lớn lao nhất của đời nàng ghi mãi nét buồn trên gương mặt nàng. Và tất cả hi vọng của mình còn lại, nàng đã trút vào cuộc đời của Métra.



Métra lớn lên khoẻ mạnh hơn người. Mắt hắn long lanh đen nháy, luôn luôn nhìn thẳng ra xa mơ ước một cuộc đời phiêu bạc. Nàng đã đoán trước được điều ấy nên tìm hết cách khuyên bảo con. Đôi lúc hắn hỏi mẹ: "Mẹ ơi! Cha con thuở trước làm nghề gì?" Câu hỏi đó đã làm nàng nhiều đêm không ngủ yên. Nàng thấy lại nỗi đau xót của mình trong buổi chiều đông năm xưa. Nàng nói dối hắn: "Cha con hồi trước làm nghề đi buôn trong nước". Hắn liền nuôi mộng đi buôn trong nước.

Năm năm sau, Métra trở thành một thanh niên cứng cỏi, và hắn đi buôn trong nước. Trong chuyến đi

buôn đầu, hắn lời được bốn đồng. Đó là một thành công lớn đối với kẻ còn thiếu kinh nghiệm như hắn. Hắn đem cả bốn đồng về giao cho mẹ hắn và yêu cầu mẹ cúng dường giúp đỡ các vị Sa môn, Ba La môn, các người nghèo khổ và ăn xin. Mẹ hắn tưởng hắn an phận thích nghề ấy rồi.

Nhưng một hôm hắn trở về buồn rười rượi. Hắn muốn đổi nghề vì nghe người ta nói cha hắn làm nghề bán dầu thơm. Mẹ hắn đành chiều hắn. Ngày hôm sau hắn lập quán trong thành phố. Lần này hắn lời được tám đồng khá hơn lần trước. Nhưng cái nghề bán dầu thơm tầm thường nọ không làm hắn hứng thú chút nào. Lại thêm có người báo cha hắn trước kia làm nghề bán nữ trang. Thế là lần sau, hắn đem tám đồng về cho mẹ nó với cả ý định bỏ nghề bán dầu thơm.

Nó chuyển sang nghề bán nữ trang. Nó bán chạy và cạnh tranh với những tiệm vàng lớn trong thành phố. Nó lời tháng đầu mười sáu đồng. Tháng sau ba mươi hai đồng. Thật là những món tiền to lớn. Hắn đem về cho mẹ và cũng yêu cầu mẹ làm các việc công đức như những lần trước. Nhưng cái nghề này giữ chân hắn một chỗ và hắn thấy bực bội. Sự hoạt động của hắn bị bó hẹp, tầm mắt hắn bị chặn lại. Rồi có một chủ tiệm vàng đến nói với hắn: "Sao chàng không làm nghề hàng hải như ông thân

chàng mà lại đi làm nghề bán nữ trang hèn mọn tù túng chỗ... Vậy là hôm sau, Métra bán tất cả số vàng còn lại dồn được một số vốn lớn. Bế khởi với sóng gió ngàn trùng, với các bến bờ xa lạ kêu gọi hân. Hân nhất quyết rồi, hân về nói với mẹ: "Thưa mẹ có phải cha con trước kia làm nghề hàng hải không? Mẹ cho con theo nghiệp cha con đi buôn ngoài bể cả".

Mẹ hân sững sốt. Bà đã cảm thấy trước điều mong muốn của con. Bà đã để ý đến cái nhìn đăm đăm của hân ra tận bể khơi như cố tìm đến bên kia bờ đại dương. Bà đã để ý con say sưa thềm thường cuộc đời của những thủy thủ trên các thuyền buồm từ xa đến. Bà cũng muốn cho con thỏa nguyện, nhưng hình ảnh của cuộc ra đi không ngày về của cha Métra đã làm cho nàng tìm hết cách ngăn con: "Phải, Métra à! Cha con trước đây làm nghề hàng hải nhưng bị nạn chết đánh từ ngoài bể khơi. Mẹ đã đau khổ lắm rồi. Nay mẹ chỉ có mình con, con nữ nào bỏ mẹ đi ra góc bể chân trời, mẹ sẽ khô héo mà chết".

Métra tuy cảm động nhưng hân đã quyết. Chiều hôm ấy hân cho người đánh chuông rao khắp kinh thành Ba La Nại: "Hỡi các thương gia đáng tôn kính! Métra sắp đi buôn xa, vậy ai muốn đem hàng ra hải ngoại thì cứ đi chung với người".

Mẹ Métra khuyên răn hân rất nhiều. Hân vẫn không đổi ý định. Đến ngày ra đi, năm trăm lái buôn cùng đi chuyến này với hân, bà mẹ quá thương con. Cái cảnh ra đi giống hệt như cảnh ra đi của chồng bà ngày trước, làm bà quá đau xót. Bà ngã xuống ôm lấy chân con mà khóc. Mọi người đều cảm động, Métra ngồi xuống một lát, nhưng hân bỗng đứng dậy, rút một chân ra, bước qua đầu mẹ hân. Hân đi thẳng xuống thuyền không ngoái



nhìn lại. Bà mẹ chậm chạp ngồi dậy và trong nước mắt mà niệm nho nhỏ: "Con ơi! Mẹ cầu cho con tai qua nạn khỏi. Mẹ cầu cho con khỏi bị quả báo đã bước ngang đầu mẹ con ơi".

Đoàn thuyền vượt sóng đã ba ngày trường, đến ngày thứ tư trời bỗng đổi biển đột ngột rồi có gió mạnh. Gió cuốn từng hồi báo trước một cơn bão lớn. Mọi người lo ngại và cố sức chống chọi. Nhưng chuyện phải đến đã đến. Bão to đã đánh tan cả đoàn thuyền.

Métra đeo trên một tấm ván và may mắn trôi dạt vào bờ xa lạ. Hân lần hồi tưởng lại và đi đến một thành phố. Đây là thành Ramana. Anh chàng thanh niên của kinh thành Ba La Nại được người ta niềm nở tiếp đón. Có bốn nàng tiên đẹp để đến chào hân, trước ngực mỗi nàng đều lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng tiền vàng hân đã trao cho mẹ ngày trước đây. Các nàng tiên nói với hân: "Chào chàng Métra, đây là đền đài của các em. Đây là tất cả sự khoái lạc ở đời. Chàng vào đây chung vui với chúng em". Métra nhận lời. Hân sống đầy đủ về vật chất như được hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước, nhưng hình như có một nguyên do vô hình thúc đẩy hân: Hân buồn ý và ra đi, xuống miền Nam. Hân đến thành Sadamaham. Có tám nàng tiên trẻ đẹp đến chào hân. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng tiền vàng của hân đã trao cho mẹ ngày trước đây. Các nàng tiên cũng nói với hân những

lời dịu dàng như những nàng trước. Hân cũng nhận lời ở lại đây và hân cũng đã sống đầy đủ về vật chất như được thừa hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước. Sau, buồn ý lại ra đi, xuống miền Nam.

Hân đến thành Nandana. Mười sáu nàng tiên đẹp để đến chào hân. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng tiền vàng hân đã trao cho mẹ hân ngày trước. Các nàng dịu dàng mời hân ở lại và chăm sóc như những nàng trước. Hân đã sống đầy đủ về vật chất như được thừa hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước. Nhưng rồi hân cũng lại ra đi về phía Nam.

Hân đến thành Brahmottora. Ba mươi hai nàng tiên đẹp để chào hân. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng tiền vàng hân đã trao cho mẹ hân ngày trước. Hân được mời ở lại hưởng khoái lạc trong thành. Đến đây nhiều điều đã làm cho hân suy nghĩ: Tại sao hân, một kẻ có tội với mẹ, hân đã hưởng những sung sướng đã qua. Phải chăng đó là do ngày trước hân đã trao những món tiền bốn đồng, tám đồng, mười sáu đồng, và ba mươi hai đồng cho mẹ hân để làm việc thi ân. Nhưng sự sung sướng được hưởng đối với hân quá nhiều rồi. Hân không thể ở lại đây nữa. Hân lại muốn ra đi xuống miền Nam, mặc dù các nàng tiên hết sức khuyên can.

Lần này hân đi thật xa. Hân đến một bức thành bằng sắt. Hân đi vào thành thì cửa thành đóng lại. Hân cứ đi nữa và không mấy chốc gặp một người to lớn trên đầu đội một vành sắc cháy đỏ. Lửa phun rừng rực, máu mù trên đầu người ấy chảy tràn xuống miệng, người ấy liếm tất cả. Hân đến gần và hỏi:

- Nhà người là ai? Tại sao lại bị hình phạt đau đớn khổ sở như vậy?

Người ấy nén đau xót,

ngẩn nhìn hẩn một lát rồi trả lời:

- Tôi là người đã làm cho mẹ tôi đau khổ, nên tôi phải gánh lấy quả báo như thế này. Tôi sẽ chịu quả báo mãi cho đến khi một người khác đã tạo nghiệp ác làm mẹ đau khổ đi ngang qua đây sẽ thay thế cho tôi.

Cái quá khứ tội lỗi của Métra hiện lên rõ ràng trong tâm trí. Métra đã bước ngang đầu mẹ, đứa con bất hiếu đó đang đứng đây và đáng nhận những hình phạt nặng nề nhất. Métra vừa nghĩ như thế thì vành lửa nóng bay qua chụp lên đầu chàng. Métra nhìn người kia bây giờ đã khỏe mạnh, vết thương trên đầu bấy giờ đã lành hẳn và hỏi:

- Tôi phải chịu vòng lửa này trong bao lâu?

Người kia đáp:

- Chàng phải chịu hình phạt này đời đời kiếp kiếp cho đến khi có người phạm tội đã làm mẹ đau khổ như chàng, đến thay thế cho chàng.

Métra đau khổ vô cùng. Lửa cháy xèo từng mảnh thịt, mặt như bị cắt từng mảnh thịt, mặt như bị cắt đi từng đường gân máu và tế liệt từng chỗ. Tuy vậy Métra vẫn bằng lòng với hình phạt mình đã chịu. Chàng nghĩ rằng: "Lại sẽ có người phạm tội đối với mẹ để đến chịu thay ta? Không nên như thế! Chúng sanh ơi! Hãy đừng ai sanh tâm làm mẹ mình đau khổ. Hãy đừng ai làm cho nước mắt mẹ mình tuôn chảy vì mình".

Rồi Métracanyana phát nguyện rằng: "Tôi xin nguyện đội vành này mãi mãi, xin thay chịu đau khổ cho tất cả chúng sanh".

Lời phát nguyện của Métracanyana thật là vô cùng chứa chan tình yêu thương rộng lớn. Lời phát nguyện chân thành ấy đã giải thoát Métra khỏi vòng tội lỗi và vòng lửa bỏng rời khỏi đầu Métra bay lên hư không trả lại cho Métra đời sống an lành.

Quảng Huệ

"Xin mẹ hiền nhận lấy này con bất hiếu

Đã bao lần làm mẹ khổ ngày xưa

Đã bao lần làm mẹ khóc như mưa

Bao nhiêu lấy cũng chẳng vừa ân mẹ."



VU LAN NHỚ MẸ LỆ SÀU

*Hôm nay ngày Lễ Vu Lan,
Ngồi đây nhớ Mẹ lòng tràn thương đau!
Thời gian thấm thoát qua mau
Nhưng hình bóng Mẹ một màu không phai.*

*Nhớ xưa Mẹ dưỡng đàn con,
Bao nhiêu vất vả chẳng màng nhọc thân.
Đàn con khôn lớn lên dân,
Công Cha nghĩa Mẹ như vàng trời cao.*

*Nuôi con ăn học lớn mau,
Dưỡng nuôi con trẻ lao đao tháng ngày,
Khi con đau ốm thân gầy,
Mẹ lo vất vả thức đầy canh khuya.*

*30 năm, thoáng qua mau...
Mẹ đã khuất bóng... về miền thật xa!
Về nơi thế giới hiền hòa
An vui, hạnh phúc không con khổ đau.*

*Vu Lan nhớ Mẹ lệ sầu!
Bóng hình Mẹ mãi đậm màu tim con!
Mẹ Hiền khuất bóng từ lâu!
Trời cao ắt rộng nơi đâu con tìm...?*

thơ THỰC UYÊN

Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG TÁM

(tiếp theo kỳ trước)

Sau một thời gian lẩn tránh trên căn gác tại nhà bà Bàng ở quận 3, tôi bỗng quyết định tìm đến Hân, người bạn cùng tôi hỗ trợ một vài công tác cho Lực Lượng Phục quốc của ông Trần Văn Lương.

Tâm lý của tôi lúc ấy phức tạp lắm. Tôi vừa tin Hân là người bạn tốt, có lý tưởng và nhiệt tâm mưu tìm một tương lai sáng sủa hơn cho đất nước, mà lại vừa nghi ngờ rằng Hân có dính dấp thế nào đó với công an, với cộng sản. Tôi vừa trốn lánh sự lùng bắt của công an, mà cũng vừa muốn bị công an bắt vào tù cho xong. Chạy trốn lúc đó, theo tôi nghĩ, có vẻ hèn nhát và nó chỉ hợp lý nếu trong khi trốn tôi có thể làm được cái gì ích lợi rõ rệt, hoặc ít nhất cũng có niềm tin hợp lý nào đó về tương lai của mình (như Lê Lợi xưa kia, lánh vào núi Chí Linh để củng cố lực lượng, chiêu tập thêm nhân mã mà tiếp tục kháng chiến chống quân Minh, ông biết rằng hiền tài

và nhân dân khắp nước ủng hộ ông và ông còn biết Chí Linh hiểm trở, có thể đồn quân cố thủ, chờ ngày dấy binh). Đàng này, tôi ẩn náu trong một thế giới bí bưng, suốt nhiều ngày không ra khỏi nhà, mà trong lúc trốn, tôi lại chẳng có một tia hy vọng nào về một biển chuyển chính trị lớn trên đất nước để giải phóng toàn dân, kể cả tôi, ra khỏi ách nạn cộng sản. Tôi chỉ có cơm ăn và chỗ ở, một ít sách để đọc. Không cần màn đêm buông xuống, tôi cũng đã thấy ngay trước mắt tôi cái vẻ mịt mù ảm đạm của một cuộc sống tù túng như vậy. Thế giới bây giờ thu hẹp lại thấy rõ vì tôi chẳng tiếp xúc ai ngoài bà Bàng chủ nhà mỗi ngày ba lần vào bữa ăn.

Căn nhà tôi đến ở là căn nhà lầu hai tầng, phía sau có xây thêm một căn nhà đúc để làm bếp và nhà kho, trên nhà kho là căn gác nhỏ. Tôi ở trên căn gác ấy. Nói ở, cho có vẻ gì đàng hoàng, ổn định, chứ thực ra, phải nói là trốn. Vâng, tôi trốn nơi ấy hơn ba tháng. Bà cụ góa chồng, sống một mình, vì

người con trai lớn của bà đã vượt biên qua Mỹ, còn người con gái út thì mới lập gia đình, ra sống riêng với chồng. Bà ăn chay trường và tụng kinh Phật hằng ngày. Nghe người bạn đạo là bà Bạch Mai nói về hoàn cảnh tôi, bà đồng ý để tôi tạm ẩn náu trên căn gác bỏ không ấy. Bà Bàng sống lủi thủi một mình như thế, tối ngày tụng kinh niệm Phật, đi chùa, ăn chay, chờ ngày đi Mỹ theo diện di dân, cho nên công an khu vực chẳng khi nào để ý đến bà. Nhưng từ lúc chứa chấp tôi, thỉnh thoảng có quà từ Mỹ gửi về, bà cũng biếu xén mấy anh công an khu vực vài gói thuốc thơm hay quà mọn gì đó để mấy anh đừng dòm ngó nhà bà, và nếu có đợt xét nhà, xét hộ khẩu, mấy anh cũng báo cho bà biết trước mà chuẩn bị. Bà cũng chụ dao sửa soạn cho tôi một chỗ nấp nếu gặp trường hợp có công an vào xét nhà. Chỗ nấp cũng thơ mộng lắm: trong hộc tủ rộng của bàn thờ Phật, nơi bà đựng một ít kinh sách và nhang đèn. Chỗ nấp do bà đề nghị gợi lại cho tôi kỷ niệm ấu thơ, lúc mới xuất gia còn làm chú tiểu, đã

có lần tôi trốn vào tủ thờ bàn Phật để ngủ. Tôi hỏi bà:

“Lỡ ban đêm mấy anh công an vào xét, mở tủ ra thấy cháu nằm ở trong tủ kính thì nói sao với họ, không lý nói rằng tôi đang nằm đọc kinh?”

Bà Bàng, cười ngất, nói:

“Nói chi mà kỳ rứa. Cứ lo chuyện trốn chứ, còn họ có bắt được thì lúc đó tính sau. Minh để phòng vậy thôi, chứ ít khi nào họ xét nhà này lắm. Tui có dặn thằng công an khu vực rồi, có chuyện chi hẳn báo cho biết trước.”

Dù bà ấy trấn an như vậy, tôi vẫn cảm thấy kỳ cục thế nào đó khi tưởng tượng đến cảnh công an xét nhà phát hiện tôi trốn nấp. Tôi thực tình là chẳng muốn trốn nấp. Tôi muốn nếu phải bị bắt thì ngồi một chỗ cho họ vào bắt, một cách quang minh chính đại. Nhưng làm vậy thì lại phiền cho bà Bàng.

Mà cũng chính trong hoàn cảnh bí bưng và tâm lý bất an sợ phiền kẻ khác, tôi cảm nghe như thể có một hấp lực nào từ bên ngoài căn gác ấy mời gọi. Vâng, sức sống tuổi trẻ của tôi lúc đó, cái nhiệt huyết thanh niên của tôi lúc đó, không muốn nằm im. Nó chưa chịu đầu hàng.

Tôi không thể tự nói một câu an ủi đơn giản rằng: “Ừ thì lâu nay mi ở chùa, đã nhiều lần đóng cửa nhập thất, không tiếp xúc ai, thì nay ở yên một mình trong căn gác này, cứ coi như là đang nhập thất tinh tu đi! Biến cái bất đắc dĩ thành cái tự nguyện, có gì mà phải nóng ruột muốn nhảy tung ra ngoài!” Không, không thể tự nói như vậy được; vì hoàn cảnh và tâm tư của tôi vào những lần nhập thất trước đây khác hẳn với bây giờ. Tâm tôi lúc này, như nước trong cái bình đang đun sôi trên lò, muốn trào ra, muốn phun ra, muốn tháo chạy bằng mọi cách, ra khỏi cái nóng bức bị dồn ứ trong ấy. Nhưng tháo ra để được sử dụng làm cái gì thật ích dụng (như nước sôi có thể được người ta sử dụng để chế cà phê, sữa, hoặc pha nước tắm) chứ không phải tháo ra chỉ để tránh né cái nhiệt độ trong bình nước. Tôi, một thanh niên tu sĩ như vậy, không lý muốn ra khỏi nhà bà Bàng chỉ để giải khuây? Tôi như một tay cờ bạc đánh ván bài tối hậu: không mong đợi ván bài huề. Tôi muốn trọn vẹn đi hết con đường mà tôi lựa chọn, dù rằng con

đường này đã dẫn tôi đến thất bại để rồi phải ẩn nấp nơi nhà bà Bàng. Nhưng sự ẩn nấp nơi nhà bà ấy chưa phải là kết quả, chưa phải là khúc cuối hoặc là chỗ đến của con đường ấy. Ở đoạn chót của con đường dẫn thân luôn luôn chia làm hai ngã: một ngã dẫn đến vòm trời tương lai đầy ánh sáng tươi đẹp cho đồng loại mà mình hằng ao ước; một ngã dẫn đến cái hố thẳm đầy bóng tối thẳm sâu của ngục tù hoặc cái chết. Dù thế nào đi nữa, tự đáy lòng, tôi biết, một khi chọn lựa dẫn thân, tôi đã sẵn sàng chấp nhận một trong hai lối rẽ ấy để đi đến tận cùng cái chỗ kết thúc. Và bởi cái ma lực của cái cùng đích ấy, tôi lại hăm hở lên đường, tìm đến bạn bè cũ cùng chí hướng.

Bạn bè tôi khá nhiều, nhưng không phải ai cũng cùng chí hướng. Từ khi bị thất bại ở Long Thành và bị công an truy nã, những người bạn chỉ quen biết tôi trên mặt đồng tu, đồng học, đa phần đều e dè việc tiếp xúc tôi, nếu không nói là tránh né. Còn những người có liên hệ chút xíu về chuyện đấu tranh thì càng sợ hãi hơn, vượt biên hoặc trốn đầu mất biệt, tôi không sao tìm ra. Giả như có tìm gặp được họ, họ cũng xoa tay, bảo thôi, không muốn bàn đến chính trị nữa, họ đang muốn yên thân, hoặc đang tìm cách vượt biên. Tôi cô đơn trở về lại căn gác nhỏ, tiếp tục những ngày đun nước sôi trong cái bình bất an. Và cuối cùng, tôi nghĩ đến việc tìm gặp lại Hân.

Lúc tôi mới rời Long Thành để trốn, tôi đã từng gặp Hân vài lần ở chùa Tân Nghĩa. Hân không còn là tu sĩ. Anh chỉ đến ăn náu tại chùa với tư cách một người thể tục. Sau đó, tôi vượt biển vài lần, thất bại, về ẩn nơi nhà bà Bạch Mai. Công an bố ráp vây nhà bà ấy mà tôi thoát được ra cửa sau. Vụ công an bố ráp đó, bạn bè tôi



cho là do Hân chỉ điếm vì Hân biết tôi trốn tại nhà bà Bạch Mai. Tôi nghĩ, đó chỉ là phỏng đoán thôi. Hân là một trong những người bạn thân biết tôi trốn tại nhà bà Bạch Mai, đâu phải Hân là người duy nhất. Dù sao, sau vụ bố ráp của công an tại nhà bà Bạch Mai, được bà Bạch Mai giới thiệu đến nhà bà Bằng, tôi đã rút kinh nghiệm, không cho ai biết nơi ẩn náu mới. Chính vì vậy mà giữa tôi và bạn bè có một khoảng thời gian cách mặt nhau đầu chừng ba tháng. Bây giờ tìm gặp Hân, tôi không dám chắc là anh ấy còn ở tạm tại chùa Tân Nghĩa không. Tôi đến thử, và gặp Hân tại đó.

Sự co rút của các bạn bè khác của tôi cũng phần nào đẩy mạnh tôi đến quyết định tìm gặp Hân, như là người bạn gan lì và bền chí cuối cùng có thể cùng tôi đi nốt đoạn đường dang dở. Đã nói: con đường ấy có hai ngã rẽ, mà để thực hiện cái đích của hai ngã rẽ ấy, tôi phải tiếp tục dẫn thân hoạt động, hoặc chấp nhận đưa tay cho công an bắt trói. Các bạn bè khác của tôi không ai đáp ứng hoặc tán trợ chọn lựa thứ nhất của tôi, không lý tôi tự động chọn lựa ngã rẽ thứ hai: đến đồn bắt công an để đầu thú nạp mạng! Cho nên, nói cho cùng thì chính từ nơi con người của Hân, tôi mập mờ thấy được đầy đủ cả hai chọn lựa của tôi. Hân nhiệt tình đấu tranh. Hân say mê chính trị. Hân từng hoạt động trong lực lượng đấu tranh của thầy Tuệ Sỹ từ năm 1977. Hân bị bạn bè tôi nghi có thể là tên cò mồi chính trị, giả đồ đấu tranh để báo cáo chỉ điếm cho công an những thành phần chống đối nhà nước. Hân bị tình nghi là đặc tình của công an. Hân có thể là cộng sản. Có thể nói, chính con người hai mặt của Hân gây cho tôi chút hứng thú nào đó để chọn lựa anh ta.

Nếu Hân thực tình chống lại cộng sản và sẵn sàng sát cánh với tôi tiếp tục hoạt

động: tôi đã chọn được ngã rẽ thứ nhất; nếu Hân là đặc tình của công an, là đảng viên cộng sản thứ thiệt, Hân sẽ báo cáo công an đến bắt tôi: tôi cũng đã chọn được ngã rẽ thứ hai cho mình. Không phải tìm đâu cho xa. Chính nơi Hân đã đầy đủ và tiện lợi nhất rồi. Hân chính là chỗ ngã ba cần thiết quyết định lối đi cho tôi lúc ấy.

Tôi cũng chẳng giấu giếm Hân ý nghĩ của tôi trong dịp chúng tôi mới gặp lại nhau:

"Bạn bè nghi là anh làm việc cho công an. Tôi bất kể họ nghĩ đúng hay sai. Tôi đến đây gặp anh để xem tụi mình có thể còn làm được gì hay không sau khi lực lượng của thầy Tuệ Sỹ, rồi của ông Lương lần lượt đổ vỡ... Tôi chưa muốn bỏ tay, và tôi tin rằng anh cũng cùng một ý như tôi. Tôi nói vậy là tôi hãy còn tin tưởng anh đó, phải không? Tuy nhiên, nếu cuộc gặp gỡ này lại dẫn đến chuyện tôi bị công an vây bắt, tôi nói thiệt: tôi cũng vui vẻ chấp nhận. Không phải tôi thách thức anh hay thách thức gì công an đâu. Tôi chỉ muốn cho tôi cơ hội để đi đến chung cục của vấn đề, và cho anh cơ hội để biểu lộ cái tình bạn mà mấy tháng nay hầu như bị loãng đi mất bởi những lời đồn đãi."

Giờ đây, qua sự đánh giá thêm của ông Trọng, tôi biết là Hân đã cho tôi cơ hội mà tôi tìm kiếm. Còn cơ hội của anh ư? Ừ, có thể anh ấy cũng đã có cơ hội để biểu lộ tình bạn đầy chức. Chưa chắc là anh ấy phản bội tôi. Chẳng phải rằng khi anh cho tôi cơ hội thì đồng lúc anh cũng cho anh cơ hội hay sao! Anh giúp tôi nhanh chóng đi đến cái chung cục của tôi như tôi muốn thì đó là anh đã chứng tỏ tình bạn của anh rồi!

Hân không muốn tôi bị bắt trước mặt anh ấy. Hân cũng không muốn tôi biết

rằng anh ấy đã giăng bẫy cho công an bắt tôi. Có lẽ anh đã yêu cầu công an tôn trọng tình bạn và cái lương tri tối thiểu còn sót lại trong anh, và công an đã đáp ứng yêu cầu của anh bằng cách cho ông thầy Tư đến, tìm cách đưa tôi ra khỏi chùa Tân Nghĩa, tránh nơi Hân ở, đi xa, rời khỏi địa phận Sài Gòn... dàn xếp như là việc bắt tôi là của công an Đồng Nai.

Tôi nhớ lại cái nhìn cuối cùng của Hân. Khi đến ngang bậc cửa, Hân quay lại nhìn tôi. Trong một thoáng quay lại của Hân, tôi thấy trong mắt anh như muốn gửi gắm một cái gì rất buồn, rất đau xót mà lúc đó tôi không hiểu nổi. Có lẽ anh muốn tiên biệt tôi bằng cái nhìn cuối cùng rưng lệ ấy. Đúng như ông Trọng diễn tả cái nhìn của người bạn đặc tình nào đó của bạn ông: cái nhìn đau xé lòng chứ chẳng phải không. Hình như Hân cũng thấy ray rứt đau khổ, dù rằng đã có lần tôi nói với anh ấy rằng tôi chấp nhận chịu vào tù.

Từ đó, tôi chợt nghĩ một cách trái nghịch rằng, chính Hân mới là kẻ đau khổ hơn tôi. Bởi vì, ai sẽ là người đau khổ giữa hai người: kẻ trong tư thế sẵn sàng ở tù thì được vào tù, còn kẻ thì vì hoàn cảnh, hoặc vì một quyền lợi nào đó, buộc lòng phải hại bạn mình! Ai là người đau khổ và đáng thương hơn? Nghĩ vậy mà tự dưng tôi lại đâm tội nghiệp cho người bạn phản bội của tôi. Cái tình thế éo le này khó mà lý giải được rằng ai đã hại ai. Và có thể nào lại kết tội Hân là phản bội khi chính tôi muốn tạo điều kiện cho anh ấy gọi công an bắt tôi. Hân có hại tôi không, hay là chính tôi đã hại anh ấy bằng sự thách thức khó hiểu của tôi? Xét từ phía tôi, rõ ràng Hân đã giúp tôi toại nguyện, được vào tù. Đâu có thể qui trách lỗi gì cho anh ấy được! Tôi thờ dài, thấy đầu óc quay mòng mòng. Tôi bị lẫn lộn, không hiểu nổi là thực ra, Hân hay

chính tôi, là người có lỗi.

Riêng về chuyện chấp nhận vào tù của tôi, cái chung cục tăm tối của ngã rẽ thứ hai đã nói ở trên, có cần phải giải thích thêm gì không nhỉ? Đó là điều khó tin. Làm người, ai cũng muốn được tự do, thoải mái, đâu có ai điên khùng chọn chi một hoàn cảnh tù tội, khổn khổ bao giờ. Nhưng nếu ở vào hoàn cảnh của tôi, hẳn người ta sẽ hiểu rằng, chuyện chấp nhận vào tù không có gì là lạ lùng khó hiểu, và có thể nói ngay là cũng chẳng có gì cao đẹp hay điên khùng trong ý niệm đó cả. Vâng, tôi cho đó chỉ là chuyện bình thường. Tôi nghĩ một cách đơn giản rằng: khi người lính xông trận, anh đã có tư tưởng sẵn sàng chấp nhận cái chết. Có thể có người không chấp nhận cái lý này, vì cho rằng người lính luôn luôn muốn được sống sót trong binh lửa, chứ không

bao giờ muốn bị chết cả. Tôi đồng ý là người lính muốn được sống sót, nhưng tôi nghĩ, đồng lúc, anh cũng biết là cái chết có thể đến với anh bất cứ lúc nào; vì thế, dù muốn dù không, anh cũng có tư tưởng đón nhận cái chết. Nếu anh không ở trong tư thế sẵn sàng chấp nhận cái chết, anh sẽ không bao giờ là người lính anh dũng được cả.

Kẻ hoạt động chính trị đối lập trong một quốc gia dưới sự cầm quyền của một chế độ độc tài cũng thế, phải biết chấp nhận cái rủi là sự thất bại, tù tội, và ngay cả cái chết. Cho nên, điều này không phải là ý niệm gì khác thường của tôi. Cũng không phải là ý niệm bệnh hoạn thích được đau khổ của một số người quá nhàn rỗi có tâm hồn nghèo đói, èo uột, chưa tìm được thú vui nào xứng

đáng để khỏa lấp cuộc đời tẻ nhạt của hẳn.

Từ hậu quả tất nhiên cuối ngã rẽ thất bại, tôi chỉ muốn đón nhận nhà tù như là nơi chốn lựa chọn mới để tôi có cơ hội trút bỏ hết những ước lệ xã hội mà sống trọn vẹn với chính tôi, vậy thôi. Giống như một cánh hoa rừng, nó có mặt chẳng phải để tỏa hương cho ai khác. Nó hiện hữu và phát tiết trước tiên vì chính nó. Vạn vật chung quanh có thưởng thức được gì từ cánh hoa ấy là do kết quả của sự hỗ tương giao tiếp tự nhiên giữa chúng với cánh hoa chứ không có bất kỳ một chủ ý dâng tặng hay trao đổi nào giữa chủ thể và các đối tượng. Tôi sẵn sàng ở tù và bình thản vào tù là vì thế.

(hết Chương 8 -
mời đọc tiếp Chương 9)

Độc và cổ động ủng hộ Nguyệt san CHÁNH PHÁP là góp phần hoằng dương Phật Pháp, bảo tồn văn hóa Dân Tộc

